

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**TÌM HIỂU LỄ ĂN TRÂU (ĐÂM TRÂU) CỦA MỘT SỐ TỘC
NGƯỜI THIỂU SỐ Ở TÂY NGUYÊN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN
DU LỊCH**

Chủ nhiệm đề tài: Trần Thị Thim

Lớp : VH1101

GV hướng dẫn: Th.S Phạm Thị Hoàng Diệp

Hải Phòng 2011

LỜI NÓI ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nhắc đến Tây Nguyên - mảnh đất cao nguyên miền Trung Việt Nam, người ta nhớ ngay đến cái hào hùng của núi rừng qua tiếng cồng chiêng, men say của rượu cần, sắc hồng rực của ánh lửa và những điệu múa dập dìu của trai gái trước sân nhà Rông trong những đêm hội. Hàng năm cứ sau mỗi mùa rẫy, bà con các tộc người thiểu số tại các buôn làng thuộc khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên và một số vùng khác lại tổ chức lễ hội thần N'du và các vị thần khác nhằm tạ ơn thần linh đã phù hộ, độ trì cho bà con dân làng trong một năm qua làm ăn được mùa, con cháu khỏe mạnh. Đó chính là nội dung và ý nghĩa của lễ “Sa-rơ-pu” (ăn trâu) mà người miền xuôi thường gọi là tết Thượng hay lễ Đâm Trâu, được tổ chức từ tháng 12 cho đến tháng 3 âm lịch.

Lễ hội Đâm trâu với biểu tượng “cây nêu thần” là một sinh hoạt văn hóa dân gian nổi bật, mang tính tổng hợp cao, xuất phát từ ý niệm mong muốn một cuộc sống ấm no, hạnh phúc đã dần dần trở thành một nghi lễ độc đáo trong các ngày hội của các buôn làng Tây Nguyên như lễ hội mừng lúa mới, mừng nhà rông, mừng được mùa. Đây là những ngày hội thực sự mang những nét văn hóa truyền thống, thể hiện rõ yếu tố cộng đồng, tình yêu thiên nhiên, sự ngưỡng vọng thần linh được gắn kết với nhau chặt chẽ, là sự kế tục truyền thống văn hóa xa xưa của người Tây Nguyên. Nhiều loại hình dân gian được huy động tham gia vào lễ hội này như âm nhạc, sân khấu, múa hát, múa kiếm, nghệ thuật tạo hình...

Với những nét đặc sắc như trên, có thể coi Lễ ăn trâu (Lễ đâm trâu) là một trong những tài nguyên văn hóa có giá trị, cần được tìm hiểu một cách hệ thống và đưa vào khai thác hiệu quả trong du lịch, góp phần phát triển du lịch văn hóa ở Tây Nguyên. Đó cũng là lý do chính để người viết lựa chọn đề tài “Tìm hiểu

Lễ ăn trâu (đâm trâu) ở Tây Nguyên phục vụ phát triển du lịch” cho công trình nghiên cứu khoa học đầu tay của mình.

2. Mục đích, ý nghĩa của đề tài

Mục đích đầu tiên của đề tài nhằm tìm hiểu những nét đặc trưng nhất về mảnh đất, con người, tập quán, tín ngưỡng truyền thống của vùng văn hóa Tây Nguyên, trên cơ sở đó kết nối với nghi lễ đâm trâu và việc tổ chức lễ đâm trâu trong các lễ hội quan trọng của buôn làng Tây Nguyên. Mục đích thứ hai là tập trung nghiên cứu về Lễ hội Đâm trâu từ nguồn gốc, nghi lễ đến giá trị, từ đó đi sâu làm rõ nét khác biệt riêng có ở mỗi tộc người khi tiến hành tổ chức lễ hội này. Mục đích cuối cùng là trên cơ sở việc phân tích tư liệu và thực trạng khai thác Lễ đâm trâu hiện nay, tiến tới xây dựng những định hướng, giải pháp bảo tồn và đặc biệt là đề xuất giải pháp khai thác lễ hội này trong hoạt động du lịch một cách hiệu quả mà không làm mai một giá trị nguyên gốc của nghi lễ.

Với những mục đích trên, người viết hy vọng đề tài này trước hết sẽ mang lại một cái nhìn tổng quan và hệ thống về nghi lễ đâm trâu của các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên, giúp người đọc có thể hiểu được những giá trị lịch sử, tâm linh, văn hóa và nghệ thuật chứa đựng trong đó, để từ đó thêm yêu và thêm tự hào về vốn văn hóa truyền thống đa dạng mà độc đáo của đất nước mình. Bên cạnh đó, đề tài cũng góp thêm một góc nhìn khác về việc khai thác nghi lễ truyền thống trong kinh doanh du lịch tránh hiện tượng bị thương mại hóa.

3. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Lễ Đâm trâu (Ăn trâu) là một nghi lễ khá phổ biến, có mặt trong rất nhiều lễ hội quan trọng trên dải đất Tây Nguyên cho nên đã có rất nhiều tác giả tìm hiểu và giới thiệu về nghi lễ này một cách cụ thể hoặc là sơ lược thông qua một số lễ hội khác như:

“*Mùa xuân với lễ hội Đâm trâu*” của Nguyễn Văn Chương, NXB Khoa Học Xã Hội xuất bản năm 2004 đã giới thiệu một cách cụ thể và khá đầy đủ về Lễ hội này.

Trong cuốn “*Lễ hội Bỏ mả(Pơ thi) các dân tộc bắc Tây Nguyên: Dân tộc Giarai - Bana*”, (NXB Văn hóa dân tộc, 1995), tác giả Ngô Văn Doanh cũng đề cập ít nhiều đến việc chuẩn bị nghi lễ đâm trâu như một trong những nghi lễ chính yếu của Lễ bỏ mả của các tộc người Gia rai và Bana.

Trong tác phẩm “*Lễ hội Tây Nguyên*”, (NXB Thế Giới, 2008), các tác giả Trần Phong, Nguyễn Ngọc đã giới thiệu gần như trọn vẹn về những lễ hội cổ truyền của các tộc người sống trên suốt dải đất Trường Sơn - Tây Nguyên và như một phần tất yếu, họ cũng đã đề cập đến Lễ hội đâm trâu của một vài tộc người như Ê đê, Ba na với những nét độc đáo và giá trị đặc sắc.

Tuy nhiên hầu hết các tác phẩm kể trên chưa cho thấy được sự khác biệt trong nghi lễ tổ chức của từng tộc người ở Tây Nguyên, đặc biệt là chưa đề cập đến việc khai thác nghi lễ này như một sản phẩm du lịch văn hóa giàu tiềm năng của mảnh đất “nắng lửa mưa ngàn”.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong đề tài này, người viết đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

- *Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu*: Là phương pháp chính được sử dụng trong đề tài. Trên cơ sở thu thập thông tin tư liệu từ nhiều lĩnh vực, nhiều nguồn khác nhau có liên quan tới đề tài nghiên cứu, người viết sẽ xử lý, chọn lọc để có những kết luận cần thiết, có được tầm nhìn khái quát về vấn đề nghiên cứu.

- *Phương pháp thống kê, phân tích, so sánh tổng hợp*: Phương pháp này giúp định hướng, thống kê, phân tích để có cách nhìn tương quan, phát hiện ra các yếu tố và sự ảnh hưởng của yếu tố tới hoạt động du lịch trong đề tài nghiên cứu; việc phân tích, so sánh, tổng hợp các thông tin và số liệu mang lại cho đề tài cơ sở trong việc thực hiện các mục tiêu dự báo, các chương trình phát triển, các định hướng, các chiến lược và giải pháp phát triển du lịch trong phạm vi nghiên cứu của đề tài.

5. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và phụ lục minh họa, kết cấu của đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Khái quát về không gian văn hóa Tây Nguyên

Chương 2: Tìm hiểu lễ ăn trâu (đâm trâu) ở Tây Nguyên

Chương 3: Đề xuất một số giải pháp khai thác Lễ hội Đâm trâu phục vụ phát triển du lịch.

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ KHÔNG GIAN VĂN HÓA TÂY NGUYÊN

1.1. Giới thiệu chung về vùng văn hóa Tây Nguyên

Theo địa lý hành chính hiện nay, Tây Nguyên gồm có năm tỉnh, kể từ bắc vào nam, đó là: Kontum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng. Ở Tây Nguyên hiện nay có khoảng trên 20 tộc người cùng cư trú, sinh sống. Nếu không kể mấy tộc người phía bắc và người Kinh di cư đến thì các tộc người lâu đời ở đây thuộc về hai nhóm ngôn ngữ chủ yếu là nhóm Môn-Khmer và nhóm Mã Lai đa đảo. “Văn hóa Tây Nguyên” như vẫn quen gọi bao gồm văn hóa các tộc người thuộc 2 nhóm này. Nhưng thực ra những đặc trưng của văn hóa Tây Nguyên còn có ở nhiều những tộc người khác sống trên sườn phía Tây của dãy Trường Sơn, suốt một dải từ phía Tây Quảng Bình đến tận Phú Yên.

1.1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1.1. Vị trí địa lý - địa hình

Tây Nguyên là vùng cao nguyên, phía bắc giáp tỉnh Quảng Nam; phía đông giáp các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận; phía nam giáp các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước; phía tây giáp với các tỉnh Attapeu (Lào) và Ratanakiri và Mondulhiri (Campuchia). Trong khi Kon Tum có biên giới phía tây giáp với cả Lào và Campuchia, thì Gia Lai, Đắk Lắk và Đắk Nông chỉ có chung đường biên giới với Campuchia. Còn Lâm Đồng không có đường biên giới quốc tế. Nếu xét diện tích Tây Nguyên bằng tổng diện tích của 5 tỉnh ở đây, thì vùng Tây Nguyên rộng khoảng 54.639 km².

Trong tác phẩm *Rú Mọi* (Les jungles Mois - NXB Tri Thức dịch với tên là *Rừng người Thượng*), cho đến nay vẫn được coi là công trình khảo sát cơ bản nhất về Tây Nguyên, tác giả Henri Maitre cho rằng Tây Nguyên không phải là một dãy núi - như vẫn được gọi trước nay (Trường Sơn, Chaîne annamitique) - mà là một bình nguyên nằm trên cao. Trong một kỷ địa chất xa xôi trước đó, vùng đất này do chấn động của vỏ trái đất đã được nâng cao lên đột ngột so với chung quanh, tạo thành một cao nguyên lớn. [10]

Thực chất, Tây Nguyên không phải là một cao nguyên duy nhất mà là một loạt cao nguyên liền kề. Đó là các cao nguyên Kon Tum cao khoảng 500m, cao nguyên Kon Plông, cao nguyên Kon Hà Nừng, Plâyku cao khoảng 800m, cao nguyên M'Drăk cao khoảng 500m, cao nguyên Buôn Ma Thuột cao khoảng 500m, Mơ Nông cao khoảng 800-1000m, cao nguyên Lâm Viên cao khoảng 1500m và cao nguyên Di Linh cao khoảng 900-1000m. Tất cả các cao nguyên này đều được bao bọc về phía Đông bởi những dãy núi và khối núi cao, chính là dãy Trường Sơn Nam.

Về địa hình, Tây Nguyên có hai đặc điểm đáng chú ý:

Cao vút ở hai đầu, cực bắc là cụm núi Atouat, với đỉnh Ngok Linh 2598m, cao nhất toàn Tây Nguyên và toàn miền Nam; cực nam là dãy Chư Yang Sin, 2402m (là đỉnh cao nguyên Lang Biang). Giữa hai cụm núi ấy là một bình nguyên mênh mông, bằng phẳng, chỉ có những nếp lượn sóng liên tục. Đứng tại thành phố Buôn Ma Thuột nhìn quanh, thấy cụm núi quan trọng nhất của tỉnh Đắk Lắk là núi Đ'leya, cũng xa tương tự như từ Hà Nội nhìn lên Ba Vì hay Tam Đảo...

Đặc điểm địa hình thứ hai rất quan trọng của Tây Nguyên là dốc đứng trên sườn phía đông, đổ xuống các tỉnh duyên hải nam Trung Bộ, tạo thành một bức trường thành sừng sững. Chính điều này khiến người Việt ở các tỉnh ven biển nam Trung Bộ nhìn ngược lên hướng tây đã nhầm Tây Nguyên là một dãy núi dài. Từ đồng bằng duyên hải nam Trung Bộ đi lên Tây Nguyên chỉ có một số đường độc đạo, ngày trước là các đường 19 từ Quy Nhơn, qua đèo An Khê và đèo Mang Giang lên Pleiku, rồi có thể đi tiếp qua Stung Treng của Campuchia; đường 26, từ Nha Trang - Ninh Hòa qua đèo Phượng Hoàng lên Buôn Ma Thuột; đường 28 từ Phan Rang qua đèo Ngoạn Mục lên Đà Lạt. Gần đây đã sửa chữa, nâng cấp và mở thêm một số đường khác, như các đường 14 từ Đà Nẵng và Quảng Nam lên Kontum, đường 24 từ Quảng Ngãi lên Kontum, đường 25 từ Tuy Hòa, Phú Yên lên Pleiku ... Đáng chú ý, chẳng hạn nếu theo đường 19 Quy Nhơn - Pleiku thì sau khi lên khỏi đèo An Khê rất cao, ta lại tiếp tục đi bằng chứ không hề xuống dốc, sau đó cách khoảng vài chục km sẽ gặp đèo Mang Giang

cũng rất cao và hiểm trở, vượt qua rồi lại tiếp tục đi bằng, đến Pleiku, sau đó sẽ xuôi dần thoải thoải về hướng tây đến bờ sông Mékông. Tức trong khi sườn phía đông dốc đứng, thì sườn phía tây của Tây Nguyên khá bằng phẳng, thoải thoải đổ về Mékông. Đặc điểm địa hình này sẽ rất quan trọng trong quan hệ của Tây Nguyên với các “lân bang” trong lịch sử lâu dài: quan hệ về phía tây, với Campuchia và với Lào, thuận tiện hơn là với Champa (và sau đó với Đại Việt) ở phía đông. Các bộ lạc ở Tây Nguyên quan hệ với “lân bang” trên vùng duyên hải phía đông chủ yếu do nhu cầu tìm muối mà Tây Nguyên hoàn toàn không có. Ở Tây Nguyên có hai địa danh đáng chú ý: Trong tiếng Ê Đê, buôn có nghĩa là làng (Buôn Hồ, Buôn Sam, Buôn Ma Thuột...), nhưng lại có Bản Đôn ở Đăk Lăk, phía tây Buôn Ma Thuột, sâu về phía nam Tây Nguyên, gần biên giới Campuchia. Bản là tiếng Lào, có nghĩa là làng. Bản Đôn chính là một trạm buôn của người Lào cắm sâu vào đây từ rất xưa, đến nay kiến trúc nhà cửa trong làng vẫn còn nhiều dấu vết Lào, người dân vẫn hiểu thông thạo tiếng Lào. Đây cũng chính là vùng tộc người Mơ Nông, rất giỏi nghề săn bắt và thuần dưỡng voi. Rất có thể chính người Lào đã truyền nghề này cho người Mơ Nông... Trong cụm núi Ngok Linh tại làng Mường Hon, Mường chắc chắn là tiếng Lào, cũng có nghĩa là làng. Đây có thể là một làng người Lào vào định cư đã lâu đời trong cụm núi lớn này, cũng có thể là vết tích của những người Lào chạy dạt vào đây do hệ quả của các cuộc chiến tranh bộ lạc ngày xưa... Rõ ràng quan hệ của người Lào với các tộc người Tây Nguyên từ xa xưa đã khá sâu.

Tây Nguyên vốn là một vùng đất núi lửa, hiện nay còn rất nhiều dấu vết núi lửa như Biển Hồ khá rộng ở phía bắc thị xã Pleiku chính là một miệng núi lửa cổ, núi Hàm Rồng ở nam thị xã Pleiku còn rất rõ dấu vết miệng núi lửa. Ở Đăk Lăk có huyện Chư Mोगar, có nghĩa là “Núi Ngược”, vì miệng núi lửa cổ lõm xuống trên đỉnh khiến ngọn núi này trông như có đỉnh lộn ngược... Chính nham thạch núi lửa đã khiến Tây Nguyên trở thành một vùng đất bazan lớn nhất nước, chiếm đến 60% kho đất bazan của cả nước. Đất bazan đặc biệt thích hợp với một số cây công nghiệp như cà phê, cao su... [10]

1.1.1.2. Điều kiện khí hậu - thủy văn

Khí hậu ở Tây Nguyên chủ yếu là khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên chia làm 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Đất bazan là loại đất không giữ nước, nước mưa trượt đi trên bề mặt, về mùa khô Tây Nguyên gần như hoàn toàn không có nước.

Riêng ở thành phố Đà Lạt (Lâm Đồng) là thành phố được các nhà khí hậu học gọi là “thành phố của mùa xuân” vì nhiệt độ cao nhất trong ngày là 24⁰C và nhiệt độ thấp nhất trong ngày là 15⁰C; lượng mưa trung bình là 1755mm. Mùa mưa từ tháng 12 đến tháng 3 năm sau, mùa khô từ tháng 4 đến tháng 11, có nắng trong tất cả các mùa. Tại đây quanh năm ngàn hoa khoe sắc, cũng chính điều này đã mang lại cho Đà Lạt một vẻ đẹp kiêu sa tráng lệ mà ít nơi có được.

Tây Nguyên còn có nhiều hồ nước ngọt rộng lớn như hồ Lắk, hồ Serepok - Đắc Lắk và những thác nước hùng vĩ quanh năm tung bọt trắng xóa làm say đắm lòng người như thác Yaly (Lâm Đồng), thác Prenn, thác Thủy Tiên, Krông Kma...

1.1.1.3. Tài nguyên động thực vật

Tây Nguyên có diện tích rừng núi rộng lớn nên cũng là nơi tập trung nguồn tài nguyên động thực vật hoang dã và quý hiếm. Vườn quốc gia Kon Ka Kinh được mệnh danh là kho báu của rừng Gia Lai chính là nơi qui tụ nhiều nhất các loài động thực vật hoang dã.

Vườn quốc gia Kon Ka Kinh nằm trên vùng giáp ranh giữa Đông và Tây Trường Sơn, thuộc phía Đông bắc tỉnh Gia Lai. Tại đây có 652 loài thực vật có mạch, đặc biệt là pơmu; 42 loài thú; 160 loài chim; 51 loài bò sát, ếch nhái và 209 loài bướm. Đặc biệt ở vườn quốc gia này còn có tới 110 loài thực vật có thể làm thuốc gia truyền. Động vật còn có 3 loài đặc hữu của Đông Dương là vượn má hung, voọc vá chân xám và mang lớn.

1.1.2. Vài nét về lịch sử Tây Nguyên

1.1.2.1. Thời tiền sử

Năm 1948, nhà dân tộc học người Pháp Goerges Condominas tìm được bộ đàn đá tiền sử ở làng Nđut Liêng Krak thuộc huyện Krông Nô tỉnh Đắk Lắk. Đây là bộ đàn đá đầu tiên tìm được trên thế giới. Về sau nhiều bộ đàn đá khác còn được tìm thấy ở nhiều nơi thuộc Tây Nguyên và ven Tây Nguyên. Đáng chú ý hệ thang âm của các đàn đá này trùng hợp với thang âm các bộ chiêng của các tộc người Tây Nguyên hiện nay (thang ngũ âm, nhưng khác với thang ngũ âm Trung Hoa, mà lại gần thang âm tìm thấy ở một số nhạc cụ trên các đảo nam Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương). Từ những chứng tích trên có thể thấy rằng có một mối quan hệ nào đó giữa chủ nhân của các bộ đàn đá tiền sử ấy (được xác định niên đại là cách đây 3000 năm) với các tộc người đang sinh sống ở Tây Nguyên hiện nay, và cũng có thể có một dòng chảy của con người từ những vùng xa xôi từ phía nam đến Tây Nguyên trong những thời kỳ rất xa xưa.

Cách đây vài chục năm, trong khi chuẩn bị làm Thủy điện Ya Ly (trên vùng giáp giới hai tỉnh Kontum và Gia Lai), đã tiến hành khai quật di chỉ Lung Leng, nơi sẽ là lòng hồ. Các nhà khảo cổ học đã phát hiện được tại đây dấu vết hết sức quan trọng của một nền văn hóa cổ, từ thời Đồ đá cũ, Đồ đá mới sang đến Đồ đồng. Sau đó, công tác khảo cổ ở Tây Nguyên được chú ý hơn, và liên tục phát hiện nhiều khu di tích quan trọng khác ở hầu khắp Tây Nguyên. Thậm chí người ta đã tìm được cả trống đồng ở nhiều nơi. Công tác khảo cổ ở Tây Nguyên nói chung chỉ mới bắt đầu, chưa đủ cơ sở cho những kết luận thật đáng tin cậy. Song bước đầu đã có thể thấy một số điểm đáng chú ý: các di vật đồ đá và đồ đồng tìm thấy ở Tây Nguyên rất gần với Đông Sơn, trong khi đồ gốm lại gần với văn hóa Sa Huỳnh. Như vậy ít ra có thể thấy nền văn hóa tiền sử ở Tây Nguyên từng có giao lưu rộng rãi với cả hai nền văn hóa lớn này ở phía bắc và phía nam. [10]

1.1.2.2. Tây Nguyên trước thời kỳ Nam tiến của người Việt

Trước khi có cuộc Nam tiến của người Việt, vương quốc Champa xem Tây Nguyên nửa như một nước chư hầu nửa như vùng đất phía tây của mình. Trong thực tế triều đình Champa không hề kiểm soát được Tây Nguyên. Suốt một thời kỳ lịch sử rất lâu dài, Tây Nguyên là vùng sinh sống của các bộ lạc độc lập và tự trị. Trong đó đông nhất, mạnh nhất, chặt chẽ nhất là người Gia Rai, sống ở vùng trung Tây Nguyên. Trong tộc người Gia Rai có các nhân vật rất đặc biệt gọi là *P'tao Pui*, *P'tao Ia* và *P'tao Ninh*, mà người Việt dịch là “Vua Lửa”, “Vua Nước”, “Vua Gió”, người Pháp cũng dịch là “Roi du Feu”, “Roi de l'Eau”, “Roi du Vent”. Cách dịch “Vua”, “Roi” là không chính xác. Thật ra đây là một kiểu thủ lĩnh tinh thần và tâm linh rất độc đáo trong xã hội Gia Rai, một kiểu “thầy cúng” có uy tín lớn, đóng vai trò là người giữ mối quan hệ giữa Thần linh và con người, giữa thế giới “bên trên” và xã hội trần thế, không có bất cứ quyền hành thế tục và quyền lợi ưu tiên nào, nhưng lại là một thứ trung tâm cố kết và “điều hành” toàn bộ xã hội này một cách hết sức chặt chẽ và hiệu lực, kể cả trong quan hệ đối ngoại với các “lân bang”. Trong tác phẩm nghiên cứu rất công phu và đặc sắc “*P'tao, một lý thuyết về quyền lực ở người Gia Rai Đông Dương*” (*P'tao, une théorie du pouvoir chez les indochinois Jarai*), nhà Tây Nguyên học hàng đầu Jacques Dournes đã có sự phân tích và giải thích rất sâu sắc về các nhân vật này và một kiểu quyền lực cũng hết sức độc đáo ở xã hội Gia Rai nói riêng và xã hội Tây Nguyên nói chung, còn tồn tại cho đến rất gần đây, thậm chí còn ảnh hưởng tiềm tàng đến tận ngày nay.

Các P'tao là người Gia Rai, sống ở vùng Gia Rai, nhưng tầm ảnh hưởng lan rất rộng, sâu trên nhiều vùng tộc người khác, thậm chí sang cả Campuchia. Trong nhiều thời kỳ, triều đình Campuchia từng coi các P'tao ở Tây Nguyên như một kiểu “vua thần”, định kỳ có dâng cống vật. Người Campuchia gọi các P'tao là *Sadet* (gần với từ *Samdeth*). Về sau, các “Vua Nước” và “Vua Gió” giảm dần ảnh hưởng rồi mất hẳn, chỉ còn “Vua Lửa”... Việc nghiên cứu hình thái tổ chức xã hội với các P'tao của người Gia Rai có ý nghĩa rất quan trọng

trong việc tìm hiểu sâu sắc Tây Nguyên, từ con người, văn hóa đến tổ chức xã hội cổ truyền..., thậm chí cũng còn có thể cho phép chúng ta hình dung chừng nào về các xã hội cổ từng tồn tại trên vùng đất nay là bán đảo Đông Dương.

Tây Nguyên quan hệ với các “lân bang” chính là qua các P’tao. Quan hệ nhiều nhất là với Campuchia. Trong nhiều thời kỳ dài đã thường xuyên có các đoàn “sứ giả” đi lại hằng năm giữa các P’tao và triều đình Campuchia, trao đổi cống vật giữa hai bên. Trong quan hệ này đáng chú ý là về phía Campuchia đối với các P’tao Tây Nguyên là có tính chất “dâng lên”, còn từ phía các P’tao với các vua Campuchia là “ban xuống”. Do địa hình và cả chủng tộc, người Lào đã có quan hệ lâu đời và sâu với các tộc người ở Tây Nguyên. Quan hệ của Tây Nguyên với Champa lại có những nét riêng khác: Trong thực tế, triều đình Champa đối xử với Tây Nguyên như với một “lân bang” phía tây của mình, cũng có quan hệ trao đổi cống vật định kỳ (với các P’tao) nhưng không chặt chẽ bằng phía Campuchia. Mặt khác, người Gia Rai, tộc người lớn nhất và quan trọng nhất ở Tây Nguyên với người Chăm đều cùng thuộc một ngữ hệ Malayo-Polynésien nên rất gần gũi nhau, thậm chí có tác giả còn cho rằng người Gia Rai chính là người Chăm dạt lên Tây Nguyên trong những điều kiện và những thời gian lịch sử nào đó bởi hiện nay đã tìm thấy một số dấu vết các tháp Chăm ở vùng Gia Rai.

Trong quá trình Nam tiến, người Việt đã mất trên ba trăm năm mới giải quyết xong vùng đồng bằng ven biển Champa, sau đó đi tiếp về nam, vừa mới đứng chân được trên vùng đất Thủy Chân Lạp thì cũng là lúc người Pháp tràn vào. Do vậy triều đình Việt chưa có thời gian quan tâm nhiều đến vùng đất cao phía tây và các bộ lạc sống trên đó. Triều đình Huế cũng có phái một số quan chức lên tìm hiểu và bắt quan hệ với các bộ lạc Tây Nguyên, tất nhiên với ý đồ chinh phục. Tuy nhiên công cuộc này cũng còn rất sơ sài, các phái viên triều đình có gặp Vua Nước, Vua Lửa, mà họ gọi là Thủy Xá, Hỏa Xá, đặt quan hệ “triều cống” định kỳ của các vị này với triều đình và “ban tước” của triều đình cho các vị này, và vì hiểu rằng đây quả thực là các “Vua” nên họ yên trí như vậy

là đã nắm được toàn bộ Tây Nguyên. Có hiện tượng đáng chú ý: triều Nguyễn đã từng thiết lập một hệ thống “đồn sơn phòng” suốt dọc các tỉnh Trung Trung bộ trên ranh giới giữa vùng người Việt và vùng sinh sống của các tộc người thiểu số ở phía tây, riêng ở Quảng Ngãi còn lập cả một bờ lũy dài hơn trăm km ngăn cách giữa hai vùng, chúng tỏ triều đình coi phía bên kia là một “nước” khác, có thể là một thứ “man” chư hầu... [10]

1.1.2.3. Người Pháp với Tây Nguyên

Quá trình xâm nhập của người Pháp vào Tây Nguyên khá lâu dài và sâu. Đầu tiên là các nhà truyền giáo. Do chính sách “sát tả”, bài trừ Cơ đốc giáo của các vua đầu triều Nguyễn, các nhà truyền giáo Cơ đốc đã tìm đường lánh lên vùng rừng núi Tây Nguyên vì có thể an toàn hơn. Họ đã đi bằng nhiều đường khác nhau, sau nhiều lần thất bại cuối cùng đã lên được đến vùng người Ba Na ở Kontum và thiết lập được xứ đạo đầu tiên trên cao nguyên tại đây. Tại Đại chủng viện ở thị xã Kontum hiện nay có một bảo tàng (được gọi là “Phòng truyền thống”) minh họa khá sinh động và chính xác con đường truyền đạo Cơ đốc lên Tây Nguyên. Nhiều nhà truyền giáo cũng là những nhà dân tộc học tận tụy và uyên bác. Chính họ đã để lại những công trình nghiên cứu đa dạng và sâu sắc về Tây Nguyên.

Đồng thời và tiếp sau các nhà truyền giáo là các “phái bộ” (mission) khảo sát, vừa là những người tiên phong đi chuẩn bị và dọn đường cho việc chinh phục, vừa là những nhà khoa học được đào tạo rất cơ bản, ít nhất ở hai trường Dân tộc học và Trường Pháp quốc hải ngoại (École française d’Outre-mer), một số người là sĩ quan quân đội. Nhiều phái bộ như vậy đã đi hầu khắp Tây Nguyên, không bỏ sót một vùng nào, nghiên cứu hoặc một cách tổng thể về vùng đất này, hoặc về từng phương diện, từng tộc người, từng vùng riêng biệt. Một trong những phái bộ đó, do Henri Maitre dẫn đầu, đã để lại một tác phẩm đồ sộ đến nay vẫn là công trình khảo sát cơ bản, toàn diện và tỉ mỉ nhất về Tây Nguyên, chưa ai vượt qua được. Công trình này có tên là *Les jungles Mois* (Rú Mọi), gồm hai phần, phần đầu là Nhật ký hành trình của phái bộ xuyên suốt Tây

Nguyên, phần hai trên cơ sở tổng kết toàn bộ các khảo sát, dựng nên bức tranh toàn diện về Tây Nguyên. Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội đã tổ chức dịch phần hai công trình này, dưới cái tên *Rừng người Thượng*, đang được in ở nhà xuất bản Tri Thức.

Tiếp sau các phái bộ khảo sát là các nhà cai trị, cũng được đào tạo rất cơ bản về nhân chủng học, dân tộc học trước khi sang Việt Nam. Rất nhiều người trong số này, như Sabatier, công sứ Pháp đầu tiên ở Đắk Lắk, là nhà khoa học uyên bác. Ông là người đầu tiên sưu tầm và dịch ra tiếng Pháp trường ca Đam San, cũng đã sưu tầm và hệ thống hóa toàn bộ luật tục Ê Đê. Ông từng cai trị tỉnh Đắk Lắk bằng một kiểu “Tòa án Luật tục”, kết hợp khôn khéo luật tục của người Ê Đê với luật chung cho toàn Đông Dương. Bên cạnh những viên quan cai trị này, còn có những nhà chuyên môn giỏi và tâm huyết trong nhiều lĩnh vực, như Antomarchi, một nhà ngôn ngữ học lão luyện, người đã đặt ra vần chữ cái La tinh đầu tiên cho tiếng Ê Đê. Thậm chí còn có những bác sĩ như Jouin, vừa là một thầy thuốc nổi tiếng, vừa là một nhà dân tộc học sâu sắc...

Sau cùng đến lượt các nhà khoa học chuyên nghiệp, như G. Condominas, A. de Hautecloque-Howe, Boulbet, Maurice..., thường đi sâu và ở lại lâu dài trong các vùng thực địa, để lại những công trình quan trọng hoặc về từng tộc người hoặc về từng vấn đề dân tộc học lớn ở Tây Nguyên. Có người như Jacques Dournes, là một linh mục đến Tây Nguyên, ở lại suốt hai mươi lăm năm, cuối cùng bỏ đạo, sống theo phong tục Tây Nguyên, là một nhà Tây Nguyên học lớn...

Công cuộc chinh phục Tây Nguyên của người Pháp diễn ra song song với cuộc xâm chiếm Việt Nam và toàn Đông Dương. Ở Tây Nguyên họ cũng gặp phải sự kháng cự của các bộ lạc bản địa. Trước đây, giữa các bộ lạc ở đây vẫn thường diễn ra chiến tranh, chủ yếu để cướp tù binh bán sang các nước chung quanh làm nô lệ. Vốn là những tộc người quen sống tự do, phóng khoáng, có ý thức tự trọng và tinh thần thượng võ cao, không chịu bất cứ sự áp bức, áp đặt nào, họ đã đứng lên chống lại những người mới đến mang tới một ách thống trị xa lạ. Tuy nhiên những cuộc kháng cự thường rời rạc, một vài phong trào liên

kết được một số vùng tương đối rộng không tồn tại được lâu. Song cũng có những vùng cuộc đấu tranh diễn ra khá dai dẳng, thậm chí có nơi suốt gần trăm năm đô hộ người Pháp vẫn không hoàn toàn thiết lập được bộ máy cai trị.

Khi đã chiếm được toàn bộ Đông Dương, người Pháp đã chia bán đảo này ra thành năm xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Ai Lao và Cao miên. Vậy nên phân Tây Nguyên về đâu? Họ có cái mà Jacques Dournes, trong tác phẩm *P'tao...* của ông, gọi là “logique du découpage” (lô gích của sự phân cắt), tất nhiên là lô gích phân cắt sao cho thuận tiện hơn cả đối với sự cai trị của chính quyền thực dân. Thấy trong các “lân bang” trước nay, người Lào đã xâm nhập vào Tây Nguyên sâu hơn cả, về mặt chủng tộc cũng tương đối gần gũi, nên họ cắt Tây Nguyên về Lào. Một thời gian sau, nhận thấy thủ đô Lào đặt ở Viêng Chăn quá xa, khó với tới Tây Nguyên, đến năm 1904 Toàn quyền Đông Dương đã ký nghị định giao Tây Nguyên về cho triều đình Huế. Như vậy về mặt pháp lý (của chính quyền thực dân), từ năm 1904 Tây Nguyên mới chính thức thuộc về Trung Kỳ, và từ đó thuộc về Việt Nam.

Chủ trương của người Pháp đối với Tây Nguyên trước sau không hoàn toàn thống nhất. Viên công sứ Pháp đầu tiên cai trị Tây Nguyên là Sabatier (lúc bấy giờ toàn bộ Tây Nguyên được coi là một tỉnh gọi là tỉnh Kontum, thủ phủ đặt ở Buôn Ma Thuột) chủ trương “bảo tồn” nguyên vẹn Tây Nguyên, ngăn không cho người Việt, người Hoa, và cả người Pháp lên sinh sống và khai thác Tây Nguyên. Ông muốn giữ không chỉ đất đai, mà cả con người, văn hóa, xã hội Tây Nguyên mà ông khá am hiểu trong trạng thái đúng như khi nó được “tìm thấy”, không để cho vùng đất, người, văn hóa và xã hội cổ truyền tốt đẹp này bị tổn thương vì sự xâm nhập của các thế lực ngoại lai. Ông kiên trì thu phục được các tù trưởng bản địa (Ama Thuột chính là một tù trưởng có ảnh hưởng lớn trong vùng Ê Đê, đã quy thuận, hợp tác với Sabatier, và làng của ông, Buôn Ma Thuột [có thể dịch sát nghĩa: Làng của Cha thằng Thuột], trở thành thủ phủ của toàn vùng. Sabatier tự biến mình thành một tù trưởng đứng đầu toàn xứ, tổ chức nhiều cuộc ăn

thề kết nghĩa trung thành với các tù trưởng lớn trong vùng, thiết lập một bộ máy và một phương thức cai trị dựa trên luật tục của các tộc người bản địa...

Chính sách “đóng cửa Tây Nguyên” của Sabatier vấp phải sự chống đối của các thế lực thực dân muốn đổ xô vào khai thác vùng đất màu mỡ này. Cuối cùng, do áp lực gay gắt của họ, Sabatier bị lật đổ, ông đã thất bại trong ý đồ có thể tốt đẹp nhưng ảo tưởng của ông... Từ đó các nhà thực dân Pháp đã bắt đầu khai thác Tây Nguyên, chủ yếu là lập các đồn điền cà phê, cao su, chè do người Pháp làm chủ, sử dụng một số công nhân người Việt được đưa lên đây, và dần dần có thêm ít nhiều công nhân người Tây Nguyên.

Chính trong thời gian cai trị của người Pháp, đã đào tạo được một số trí thức trong các tộc người bản địa Tây Nguyên, chủ yếu trong hai ngành y tế và giáo dục. Hầu như tất cả các trí thức này về sau đều trở thành cán bộ nòng cốt của cách mạng ở Tây Nguyên.

Chỉ hơn một tháng sau Cách mạng Tháng Tám, quân Pháp đã trở lại đánh chiếm Nam Bộ, tiếp liền sau đó là Tây Nguyên. Đáng chú ý là suốt 9 năm chiến tranh, Pháp không chiếm được vùng duyên hải Nam Trung Bộ từ nửa tỉnh Quảng Nam vào đến Phú Yên, nhưng họ lại tập trung sức quyết chiếm Tây Nguyên. Đó là vì vị trí chiến lược hết sức quan trọng của Tây Nguyên, về mặt quân sự “ai làm chủ được Tây Nguyên thì sẽ làm chủ cả miền nam Đông Dương”. Cuộc kháng chiến 9 năm ở vùng Nam Trung Bộ (lúc bấy giờ gọi là Liên khu 5) chính là cuộc giành giật quyết liệt giữa ta và địch vùng cao nguyên chiến lược này. Chính qua cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung này mà các tộc người Tây Nguyên đã trở nên gần gũi và gắn bó ngày càng sâu sắc với cách mạng, với cộng đồng các dân tộc Việt Nam, trở thành một bộ phận khăng khít không thể tách rời của cộng đồng rộng lớn đó. Từ những cơ sở chính trị đầu tiên được kiên trì xây dựng, tiến lên thành những cơ sở du kích vũ trang, các làng chiến đấu kiên cường, đến cuối những năm kháng chiến chống Pháp Tây Nguyên đã có thể trở thành địa bàn thuận lợi cho các đơn vị chủ lực mở những chiến dịch ngày càng lớn, cho đến chiến dịch Đông- Xuân 1953-54, phối hợp

với Điện Biên Phủ, giải phóng hoàn toàn tỉnh Kontum và toàn bộ vùng Bắc Tây Nguyên.

Từ sau năm 1954 đến các năm 1959-1960, Tây Nguyên đã trải qua một giai đoạn rất đặc biệt. Đây là thời kỳ phong trào cách mạng ở miền Nam bị đánh phá hết sức ác liệt, tổn thất nặng nề trong các chiến dịch “chống cộng, tổ cộng” của chính quyền Sài Gòn. Những cán bộ cộng sản không còn trụ lại được ở đồng bằng phải lánh lên miền núi để bảo tồn lực lượng. Họ phải lặn mình trong đồng bào các tộc người Tây Nguyên, dựa vào dân, được dân bảo vệ, nuôi dưỡng mà tồn tại. Chính trong hoàn cảnh này công tác vận động quần chúng đã được thực hiện tốt hơn cả. Để tồn tại, và là tồn tại để rồi sẽ đến lúc bùng dậy giành lại thế tấn công, những người cộng sản không chỉ dựa vào dân để được che chở mà còn phải ra sức gây dựng và phát triển tốt nhất, sâu nhất mọi mặt đời sống xã hội ở vùng dân tộc, và để làm được điều đó lại phải hiểu biết sâu sắc hơn bao giờ hết những đặc điểm quan trọng nhất của xã hội này, tôn trọng và vận dụng những đặc điểm đó trong công tác vận động quần chúng. Kết quả là trong khi phong trào cách mạng ở đồng bằng phải trải qua một giai đoạn thoái trào nghiêm trọng, thì ở miền núi và vùng đồng bào các tộc người Tây Nguyên ngược lại không hề có thoái trào, mà phát triển mạnh mẽ và sâu sắc. Thậm chí ở một số vùng đã thực hiện được những điều kỳ lạ: như ở vùng người Cơ Tu và người Cà Dong thuộc miền núi Quảng Nam, một số cán bộ trụ bám ở lại tại đây đã tự mình mày mò sáng tạo ra chữ viết cho hai tộc người này và từ năm 1954 đến năm 1959 đã thanh toán xong nạn mù chữ trong đồng bào dân tộc ở đây... Chính trên cơ sở đó mà khi bước vào cuộc chiến tranh chống Mỹ, Tây Nguyên đã đạt đến một thời kỳ có thể gọi là cao trào, sự đóng góp của Tây Nguyên vào công cuộc chống Mỹ cứu nước là vô cùng to lớn, không thể hình dung cuộc chiến đấu vĩ đại này và chiến công giải phóng Sài Gòn nếu không có Tây Nguyên.

Tóm lại, do những điều kiện lịch sử đặc trưng, các tộc người Tây Nguyên đến với cộng đồng các dân tộc Việt Nam khá muộn, nhưng quá trình gia nhập và

gắn bó với cộng đồng này lại rất nhanh và sâu sắc. Cho đến năm 1975, tình hình Tây Nguyên là rất tốt về mọi mặt. [10]

1.1.3. Điều kiện dân cư xã hội

Tây Nguyên có khoảng 20 tộc người khác nhau. Nói là “khoảng” vì có tộc người theo bảng phân định tộc người chính thức của nhà nước hiện nay được coi là một nhánh của một tộc người chung lớn hơn, nhưng cho đến nay lại không chịu chấp nhận cách phân loại đó mà tự coi mình là một tộc người riêng. Như người Cà Dong ở miền núi tây Quảng Nam, theo bảng phân loại dân tộc học của nhà nước là một nhánh của tộc người Xơ Đăng, nhưng hầu hết người Cà Dong nhất định tự coi mình là một tộc người riêng với tất cả các đặc điểm riêng của một tộc người độc lập.

Các tộc người ở Tây Nguyên thuộc hai ngữ hệ khác nhau: Môn-Khmer (hay Nam Á) và Malayo-Polynésien (hay Nam Đảo). Quan sát sự phân bố các tộc người ở Tây Nguyên theo ngữ hệ có thể thấy một điều đáng chú ý: thuộc ngữ hệ Môn-Khmer có các tộc người ở Bắc Tây Nguyên từ khoảng giữa tỉnh Gia Lai hiện nay trở ra, như các tộc người Xơ Đăng, Cơ Tu, Giẻ Triêng, Rơ Măm, Ba Na, Brâu..., và các tộc người ở miền Nam Tây Nguyên từ nửa tỉnh Đắk Lắk trở vào như các tộc người Mơ Nông, Kơ Ho, Mạ, Sre, Stiêng... Chen vào giữa, trên vùng đất từ giữa tỉnh Gia Lai hiện nay cho đến nửa tỉnh Đắk Lắk, là các tộc người thuộc ngữ hệ Malayo-Polynésien gồm người Gia Rai, người Ê Đê, người Ch’Ru, người Raglei. Người Chăm sống ở vùng duyên hải nam Trung Bộ cũng thuộc ngữ hệ này. Có tác giả đã giải thích hiện tượng này như sau: Từ xa xưa Tây Nguyên vốn là vùng đất của các tộc người Môn-Khmer. Các tộc người Malayo-Polynésien đã từ các đảo phía nam đến, trước tiên đổ vào dải đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ hiện nay. Các tộc người này đã chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ, trong số đó riêng người Chăm đã phát triển thành một vương quốc hùng mạnh, và ép các tộc người ở cạnh mình ra, buộc họ phải tìm cách tràn lên vùng đất cao phía tây. Do địa hình dốc đứng trên sườn phía đông của cao nguyên này, họ chỉ có thể tràn lên theo một số đường độc đạo nhất định: người

Gia Rai đã lên theo đường đèo An Khê (tức đường 19 hiện nay) và đường Bà Lát, Cà Lúi, lên Cheo Reo, Ayun Par (tức đường số 25), chiếm cao nguyên Gia Lai; Người Ê Đê lên theo đường đèo Phượng Hoàng (tức đường 26 hiện nay) chiếm cao nguyên Đăk Lăk; Người Raglei thì tạt lên mạn tây Khánh Hòa, Bình Thuận, Ninh Thuận, ở đây địa hình dốc đứng cản trở họ có thể lên xa hơn. Như vậy các tộc người Malayo-Polynésien đã từ đồng bằng nam Trung Bộ tiến về phía tây, chen vào giữa như một chiếc nêm, ép các tộc người Môn-Khome ra hai đầu. Đương nhiên điều này diễn ra trong những thời kỳ lịch sử rất xa xưa, có thể khi Biển Đông còn cạn, miền nam bán đảo Đông Dương có thể còn gắn liền với các đảo Nam Á.

Đông và mạnh nhất ở Tây Nguyên là tộc người Gia Rai, rồi đến người Ê Đê, người Ba Na, người Xơ Đăng... Cũng có những tộc người rất nhỏ như người Châu ở trong thung lũng Mường Hon của núi Ngok Linh, chỉ có khoảng 80 người. [10]

Có một đặc điểm nổi bật ở Tây Nguyên là, mặc dù có khá nhiều tộc người cùng sinh sống và mỗi tộc người lại mang trong mình bản sắc văn hóa riêng nhưng đều có điểm chung là tồn tại cùng phát triển. Trải qua nhiều thập kỷ phải vật lộn với thiên nhiên khắc nghiệt để sinh tồn, cộng đồng người Tây Nguyên mang trong mình tinh thần dũng cảm, nghị lực phi thường luôn sống và chiến đấu hết mình giống như một dũng sĩ của núi rừng Tây Nguyên hùng vĩ.

Chính sự đa dạng về tộc người cư trú cùng cuộc sống giữa núi rừng bạt ngàn đã tạo nên một lối sống cộng đồng rõ nét in sâu vào đời sống của những con người nơi đây. Và cũng từ đây những phong tục truyền thống, nghệ thuật chế tạo và sử dụng nhạc khí, kho tàng văn học dân gian, điệu khúc, kiến trúc và các lễ hội... đã trở thành di sản văn hóa độc đáo và là niềm say mê nghiên cứu bất tận của nhiều học giả trong và ngoài nước.

1.2. Bản sắc văn hóa Tây Nguyên

Tây Nguyên rộng lớn với nhiều tộc người sinh sống đã tạo nên một kho tàng văn hóa truyền thống phong phú, đa dạng, hấp dẫn bậc nhất. Trải qua bao thời gian những nét văn hóa truyền thống vẫn được lưu lại thể hiện ở các nét chính:

1.2.1. Loại hình cư trú

Các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên cư trú trong các buôn làng. Về nhà ở thì có thể kể đến các kiểu kiến trúc nhà tiêu biểu như :

Nhà Rông

Mỗi buôn làng Gia rai, Bana thường dựng một ngôi nhà sàn lớn được trang trí rất đẹp gọi là nhà Rông (hay còn gọi là nhà Làng). Đây là nơi sinh hoạt hội họp, là nơi diễn ra các sự kiện quan trọng của buôn làng. Nhà Rông của mỗi tộc người đều có những kiến trúc độc đáo riêng về hoa văn trang trí nhưng nhìn chung thì đều là những ngôi nhà to gấp 3,4 lần nhà thường, mái to và dốc, được dựng trên những cây cột to, thường là 8 cột bằng cây đại thụ thẳng và chắc. Mái nhà lợp bằng lá giang, phơi kỹ cho đến khi vàng óng. Trong nhà, những vì kèo được chạm khắc những hoa văn sắc sảo, độc đáo mang tính tôn giáo. Đó thường là hình dũng sĩ, thú vật, cảnh sinh hoạt thường ngày được chạm trổ rất sinh động. Nhưng trong số các hoa văn đó thì nổi bật nhất vẫn là hình ảnh thần mặt trời chói sáng. Nhà Rông càng to, đẹp thì càng chứng tỏ sự giàu mạnh của buôn làng. Nhà Rông cũng là nơi mà các chàng trai chưa vợ trong buôn đến tập trung làm việc và ngủ tại đây. Có nơi thì cả trai gái chưa kết hôn cũng đến làm việc và ngủ lại đây nhưng mỗi phái ngủ một nơi. Những người đã nên vợ nên chồng thì không phải ngủ ở đó. Ngay cả những phụ nữ bỏ chồng cũng ngủ tại nhà Rông. Có buôn làng còn làm cả 2: nhà Rông Con Trai và nhà Rông Con Gái. Hai nhà này kiến trúc giống nhau nhưng nhà Rông con trai to hơn nhà Rông con gái. Bên cạnh đó nhà Rông cũng là nơi tiếp khách và ngủ lại qua đêm của khách tới buôn làng.

Nhà Dài

Nhà Dài là kiến trúc nhà ở dành cho cả một dòng họ sinh sống. Các tộc người thiểu số thường sống tập trung thành dòng họ ở một vùng nên họ ở nhà

Dài. Họ tuy sống cùng một nhà nhưng lại làm ăn và có tài sản riêng. Trong nhà có nhiều bếp lửa, mỗi bếp lửa là nơi tụ họp sinh hoạt của một gia đình. Kiến trúc nhà dài điển hình nhất là của người Ê đê.

Nhà Sàn

Một số tộc người khác ở Tây Nguyên thường ở nhà sàn. Có 2 kiểu nhà sàn chính: hình vuông và hình chữ nhật. Sàn nhà cách mặt đất từ 1,5 đến 2 thước dựa trên những cột trụ vững chắc. Dưới sàn nhà để nuôi gia súc, chứa củi, dụng cụ lặt vặt hoặc quan tài làm sẵn để dành chôn người chết.

Nhà sàn cổ có lối kiến trúc Lào, hai đầu hồi có mái nhọn thon vút ba gian và có thể tháo rời ra từng chi tiết. Các bộ phận của ngôi nhà như mái, vách, vì, kèo, cột, đỉnh vít... đều được làm bằng gỗ. Giữa nhà là bếp lửa để nấu nướng và sinh hoạt gia đình.

1.2.2. Trang phục truyền thống

Trang phục truyền thống của các tộc người ở Tây Nguyên có thể nói giống như một bức tranh với nhiều họa tiết và hoa văn độc đáo. Đặc biệt trang phục phụ nữ Tây Nguyên rất đẹp vì có nhiều hoa văn và làm nổi bật đường nét kín đáo của cơ thể người phụ nữ.

Trang phục phụ nữ ngày lễ hội thường là 2 khố vải rộng từ 45- 60cm, chiều dài đến mắt cá chân, khi mặc thì quấn một vòng rườm quanh thân sao cho không để lộ chân ra ngoài khi bước đi. Trang trí trên váy chủ yếu ở mép trên và ở gấu váy. Toàn bộ váy chàm màu sẫm hay đen, phần trang trí ở gấu thường từ 10-12cm có chia làm nhiều rặng. Rặng thứ nhất nhỏ thường gồm các sợi chỉ màu xanh lá cây, vàng, đen và đỏ. Rặng thứ hai có nhiều rặng nhỏ hơn (rặng này rộng chừng 8cm) gồm các dải trang trí dọc đứng 2 hoặc 3 dải hoa. Rặng thứ 3 lặp lại hình thức rặng thứ nhất. Cách thức này tuy là phổ biến nhưng còn tùy thuộc vào tính cách của từng người. Thân váy có vài đường chỉ sọc ngang. Cạp váy không được lặp lại hình thức ở gấu mà chỉ trang trí có một đường chỉ nhiều màu ở mép thường có tua ngắn nối với một đường hạt đứng trụ nhỏ, viền cho đường hoa văn hình kỷ hà hay dây leo tay mướp.

Hoa văn trang trí trên váy chủ yếu là các hình tam giác đều màu đỏ và đen xếp xen kẽ nhau tạo thành các mép răng cưa, các hoa tám cánh, các ô trám đơn, các ô trám lồng, đường zíc zắc kỳ hà, các cánh tay thần cách điệu.

Áo phụ nữ làm bằng một khổ vải ngang và mặc theo kiểu chui. Áo ngắn vừa chấm tới cạp nên được làm từ một khổ vải khoảng 50cm. Vóí lổỉ may theo sợi ngang như váy nên trang trí trên áo thường được thể hiện ở cổ và gấu váy, cổ tay và cánh tay sát vai. Trang trí trên áo thường đơn giản hơn váy, các hoa văn tương tự trên váy nhưng ít hơn.

Nét độc đáo nhất trong trang phục của nam giới ở Tây Nguyên là họ thường đóng khố, mặc áo quần khăn hoặc trên đầu cài lông chim quý nhiều màu. Có thể nói đó là cả một công trình dệt, thêu kết hợp hài hòa với nghệ thuật phục sức. Ngoài các phần để che, khố áo có vạt trước, vạt sau, các hoa văn diềm khố có tua bông và dài gần đến giữa ống chân. Vạt trước dài, vạt sau ngắn xúng xính theo nhịp chân bước đi tôn thêm sự rắn chắc, khỏe mạnh của cơ thể người đàn ông. Khi hội hè hầu hết họ đều có một loại lễ phục đặc biệt. Họ quần thêm hai dải màu sặc sỡ chéo nhau trước ngực, đầu vấn khăn cắm nhiều lá, hoa hoặc lông chim; cổ đeo nhiều hạt cườm, vòng bạc, đồng, vàng.

1.2.3. Ẩm thực

Các món ăn của đồng bào Tây Nguyên chủ yếu được chế biến từ những con vật mà họ chăn nuôi hay săn bắn được như gà, lợn, trâu, chim... cùng với các nông sản mà họ trồng hay hái lượm được giống như bao tộc người khác trên mảnh đất Việt Nam. Nhưng cái hương sắc núi rừng cùng những bí quyết chế biến riêng có và cái không khí cộng đồng cũng như những đặc trưng văn hóa độc đáo đã làm nên một nghệ thuật ẩm thực rất khác lạ, bí ẩn mà vô cùng quyến rũ của Tây Nguyên.

Đồ uống của cộng đồng các tộc người Tây Nguyên đặc trưng nhất và phổ biến nhất là rượu cần. Đó là một thứ đồ uống không thể thiếu được trong tất cả các dịp lễ tết, hội hè... Dưới ánh lửa bập bùng trước sân nhà Rông, những điệu múa dập dìu của trai gái, men rượu cần, tiếng cồng chiêng ngân nga - tất cả hòa

trộn cộng hưởng thành một không khí vừa linh thiêng vừa ấm áp tình người. Người Tây Nguyên rất hiếu khách, khi khách tới nhà chắc chắn sẽ được mời ăn cơm, uống rượu cần, hút thuốc và trò chuyện bên bếp lửa.

1.2.4. Một số phong tục tập quán truyền thống tiêu biểu

Cũng như các tộc người khác ở nước ta, đồng bào Tây Nguyên cũng có những phong tục tập quán truyền thống đặc sắc, tiêu biểu như:

1.2.4.1. Tục cà răng, căng tai

Một số tộc người ở Tây Nguyên có tục “cà răng, căng tai”. Người ta quan niệm rằng tiêu chuẩn của cái đẹp là phải mài nhẵn đi mấy chiếc răng cửa và căng lỗ tai sao cho lỗ tai rộng đến mức có đường kính bằng đồng bạc. Vì thế cho nên thanh niên đã lớn dù biết là đau đớn nhưng vẫn phải cưa răng và căng tai. Tục lệ này vừa là để làm đẹp, vừa là để mọi người công nhận là mình đã trưởng thành và đã đến tuổi kết hôn. Ngày nay ở những vùng có người Kinh sinh sống hay ở gần thị xã thì tục lệ này đã bị xóa bỏ.

1.2.4.2. Tục cưới xin

Phong tục hôn nhân của cộng đồng các tộc người ở Tây Nguyên rất phong phú, đa dạng và độc đáo. Nhưng nhìn chung đều có một điểm nổi bật là người con gái thường có vị thế tương đối chủ động trong việc tìm kiếm và lựa chọn bạn đời.

Đồng bào Giẻ Triêng và Xơ đăng ở Tây Nguyên có tục lệ khi con gái lớn đến tuổi lấy chồng thì cha mẹ làm cho cái lều xung quanh làng để làm nơi hò hẹn. Việc cưới xin hoàn toàn do con gái chủ động. Thông thường việc trai gái yêu nhau và cưới nhau đều được cha mẹ chấp nhận, rất ít khi ngăn cản.

Một phong tục của người Giẻ Triêng là đến ngày cưới một người đứng ra hô hào thanh niên trong làng đi lùng bắt đôi trai gái về làm lễ cưới. Ngoài ra họ còn có tục trao vòng cầu hôn cho nhau (gần giống người Kinh trao nhẫn cưới cho nhau). Nó thường được đeo ở cổ tay ngầm thông báo cho mọi người biết rằng mình đã kết hôn. Vì theo chế độ mẫu hệ nên việc cưới xin đều do nhà gái chịu mọi phí tổn. Sau khi cưới thì chàng trai phải ở nhà vợ làm việc như một

“nàng dâu” thật sự. Thời gian ở rể ít nhất là 3 năm, có tộc người là 4, 5 năm. Sau thời gian ở rể thì có thể ra ở riêng tùy ý hai vợ chồng.

Phong tục hôn nhân của các tộc người khác cũng rất khác lạ, nhưng trong khuôn khổ của đề tài khó lòng có thể đề cập hết được.

1.2.4.3. Tục sinh đẻ

Một số tộc người Tây Nguyên có tục sinh đẻ ở ngoài rừng. Chồng làm cho vợ một cái lều ở ngoài rừng, gần đến ngày sinh con thì vợ phải ra ở lều đó mà sinh chứ không được dân làng cho về nhà. Sau mười ngày thì mẹ đưa con về, gia đình làm lễ “Viên”, chính thức công nhận đứa trẻ vào cộng đồng. Gắn bó với sự ra đời của đứa trẻ còn có nghi lễ “thối tai”, dân làng cử hành nghi lễ chung vui và quan trọng nhất là không thể thiếu vắng tiếng cồng chiêng, âm thanh của thần linh, âm thanh của núi rừng, âm thanh của đời sống cộng đồng... Từ đó trở đi, dãi theo từng bước đi trong cuộc đời của mỗi con người Tây Nguyên không lúc nào vắng tiếng cồng chiêng.

1.2.5. Lễ hội truyền thống

Các tộc người thiểu số cư trú trên mảnh đất Tây Nguyên hiện nay còn lưu giữ được một hệ thống lễ hội cổ truyền rất độc đáo, gắn liền với đời sống văn hóa, sản xuất và tâm linh của họ. Có thể kể tên một số lễ hội tiêu biểu như:

1.2.5.1. Lễ bỏ mả (Pơ thi)

Tộc người Gia rai và một số tộc người khác ở Tây Nguyên như Bana, Êđê... không có tục thờ tổ tiên như các tộc người miền xuôi. Thương nhớ người đã mất họ chỉ gìn giữ mồ mả trong một thời gian, sau đó sẽ tiến đưa người chết vĩnh viễn bằng lễ bỏ mả. Lễ này được tiến hành vài ba năm sau khi người thân qua đời. Đây là nghi lễ cuối cùng để tiễn đưa người chết về thế giới bên kia và là phần quan trọng của tang lễ. Lễ bỏ mả được tổ chức rất trọng thể từ 2 đến 5 ngày tại nghĩa địa xung quanh nhà mồ, sau khi thu hoạch và vào đêm trăng sáng.

Đặc sắc nhất là lễ hội bỏ mả của người Gia rai. Trong dịp này người già cũng như người trẻ đều múa hát theo nhịp chiêng chung quanh nhà mồ và cùng nhau ăn uống. Sau nghi lễ này những người nam và nữ góa vợ, góa chồng đều

được giải phóng. Đây là nghi lễ hết sức quan trọng trong đời sống tinh thần của các tộc người Tây Nguyên.

1.2.5.2. Lễ cơm mới

Được tổ chức tại sân nhà Rông hay là sân nhà riêng sau vụ thu hoạch của đồng bào Bana ở hai tỉnh Kon Tum và Gia Lai. Lễ được tổ chức để tạ ơn thần lúa và mừng mùa thu hoạch mới và cầu mong một năm làm ăn mới luôn no đủ. Lễ cúng thần lúa là heo hoặc gà trước khi sử dụng lúa để ăn hoặc mang đi biếu. Lễ cơm mới được tổ chức đơn giản, không cầu kỳ.

1.2.5.3. Lễ cúng lúa của người M'ông

Lễ được tổ chức ba lần trong một năm, xuất phát từ tín ngưỡng thờ thần mẹ lúa. Theo truyền thuyết thì đây là vị thần bảo vệ mùa màng được người M'ông rất sùng kính. Lễ cúng lúa là nghi thức lễ hội nông nghiệp mang tính tâm linh, nó phản ánh ước nguyện mong muốn có một cuộc sống ấm no hạnh phúc của đồng bào.

1.2.5.4. Hội đua voi ở buôn Đôn

Hội thường tổ chức vào tháng ba hằng năm tại buôn Đôn. Bãi đua là một khoảng đất rộng, dài khoảng 400- 500m, số voi đua thường là 30 con. Sau cuộc đua là cuộc thi voi bơi qua sông Sêrêpôc, voi đá bóng, voi kéo co....

Hội đua voi là sự kiện văn hóa lớn ở Tây Nguyên, đề cao tinh thần thượng võ của bà con tộc người M'ông - những con người dũng cảm, có tài trong lĩnh vực thuần dưỡng voi rừng.

Ngoài những lễ hội kể trên, nghi lễ đâm trâu cũng là một trong những nghi lễ thuộc vào hàng quan trọng nhất trong đời sống tinh thần của đồng bào nơi đây. Và đó cũng là nội dung tìm hiểu chính của đề tài này trong chương 2 và chương 3.

1.2.6. Âm nhạc

Trong quá trình vật lộn với cuộc sống khắc nghiệt, đồng bào nơi đây vẫn tự làm ra cho mình rất nhiều loại nhạc khí góp phần làm sinh động thêm cuộc

sống của cư dân. Hiện nay người Tây Nguyên vẫn còn lưu giữ rất nhiều nhạc khí độc đáo. Có thể kể đến ba loại sau:

- Loại nhạc khí có chất liệu thiên nhiên: Đây là loại nhạc khí được làm từ những thân tre nứa, quả bầu khô, dây rừng, gỗ, đá... như: đàn T'rung, Klong put, sáo, khèn... Hầu hết chúng nhìn rất đơn giản nhưng lại tạo ra một thứ âm điệu rất hay qua tài năng của những chàng trai cô gái Tây Nguyên.

- Loại nhạc khí có chất liệu thiên nhiên kết hợp kim loại: nhạc khí này có dây đàn làm bằng kim loại nhưng vỏ, thân, khung thì làm bằng chất liệu thiên nhiên như đàn Broh, Koni... Loại nhạc khí này hiệu quả hơn loại trước song vẫn giữ được những nét đặc trưng của nó khi mới ra đời.

- Loại nhạc khí được làm bằng kim loại như được làm bằng đồng, đồng thau, có loại pha thêm gang, chì, vàng, bạc. Nói đến loại nhạc khí chế tác từ kim loại có lẽ không nơi nào trên đất nước ta nhiều bằng Tây Nguyên. Tiêu biểu nhất cho loại nhạc cụ này chính là cồng và chiêng. Âm nhạc của cồng chiêng không chỉ để giải trí mà còn gắn liền với các lễ hội hay các dịp quan trọng. Cồng thì có núm ở giữa còn chiêng thì không.

Trong văn hóa của các tộc người Tây Nguyên, cồng chiêng đóng vai trò quán xuyên cuộc sống con người, ngoài chức năng vật chất, cồng chiêng còn vượt xa những gì nó có. Với những con người bản địa, cồng chiêng chính là cầu nối giữa con người với thế giới thần linh. Âm nhạc cồng chiêng gắn kết con người lại với nhau, gắn bó với cả một vòng đời người, Đồng bào luôn coi nó như một báu vật mà cha ông đã để lại. Cồng chiêng đón con người khi sinh ra thì cũng chính nó tiễn biệt con người vĩnh viễn trong lễ bỏ mả. Với những giá trị tinh thần to lớn nên tổ chức Di sản thế giới UNESCO đã chính thức công nhận Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên là di sản văn hóa phi vật thể vào ngày 25/11/2005.

Tiểu kết

Trên đây chỉ là sơ lược một vài nét về mảnh đất, con người và bản sắc văn hóa của Tây Nguyên. Tuy nhiên, với những gì vừa trình bày, có thể thấy Tây Nguyên là vùng đất quá “giàu” và “đẹp”. “Giàu” vì nơi đây tài nguyên du lịch nhân văn và tài nguyên du lịch tự nhiên đều vô cùng phong phú, còn “đẹp” vì các tài nguyên đó đều rực rỡ và quý báu, đẹp về đẹp của núi rừng Tây Nguyên hoang sơ mà hùng tráng. Do đó, có thể thấy Tây Nguyên rất giàu tiềm năng khai thác du lịch. Tây Nguyên không chỉ giàu có với những thác nước hùng vĩ, hồ nước, đồi cây... tuyệt đẹp mà còn cả một kho tàng văn hóa dân gian đồ sộ đa sắc màu tạo thành từ nhiều tộc người. Hơn hai mươi tộc người là hơn hai mươi sắc màu riêng tạo nên một “văn hóa Tây Nguyên” độc đáo. Vùng đất và con người nơi đây đã tạo ra một sức cuốn hút lạ kỳ cho những ai đã từng đặt chân đến mảnh đất này. Tất cả những yếu tố đó mang lại cho Tây Nguyên một tiềm năng rất lớn để khai thác và phát triển du lịch nhưng phát triển du lịch như thế nào cho hiệu quả mà vẫn giữ gìn được bản sắc văn hóa của Tây Nguyên chính là một vấn đề đặt ra cho các nhà nghiên cứu, các nhà chức trách cũng như những người có tâm huyết với việc phát triển văn hóa và du lịch ở Tây Nguyên.

CHƯƠNG 2: TÌM HIỂU VỀ LỄ ĂN TRÂU (ĐÂM TRÂU) Ở TÂY NGUYÊN

2.1. Tổng quan về Lễ Ăn trâu (Đâm Trâu) của các tộc người ở Tây Nguyên

2.1.1. Lịch sử hình thành

2.1.1.1. Nguồn gốc

Hình ảnh con trâu từ lâu đã trở nên vô cùng quen thuộc và gắn bó với cuộc sống của cư dân nông nghiệp, đặc biệt là cư dân nông nghiệp trồng lúa nước. Theo nghiên cứu của GS. Trần Quốc Vượng, trâu là loài sinh vật thích nghi với hệ sinh thái đầm lầy - ẩm - ẩm, vốn sinh sống thành bầy, có thủ lĩnh đầu đàn. Quanh đầm lầy là rừng tốt tươi cỏ dại, lúa dại để trâu ăn. Trâu rừng (*Bubalus bubalis*), tổ tiên của các loại trâu nhà, vốn sinh sống ở vùng đầm lầy Đông Nam Á nhiệt đới gió mùa thấp ẩm. Cách đây không lâu, trâu rừng còn tồn tại khá phổ biến ở miền trung nước ta. Trâu rừng nhìn chung giống trâu nhà nhưng có vóc sừng rộng và dài hơn, chúng di động nhanh và nhẹ nhàng hơn trâu nhà, trong đàn trâu rừng cũng có những con "bạch biến", gọi là trâu trắng, như hiện tượng thường thấy ở trâu nhà...

Giới cổ sinh và khảo cổ học Việt Nam đã tìm thấy hóa thạch loài trâu trong các hang động Thẩm Khuyên, Phai Vệ, Kéo Lèng (Lạng Sơn), Hang Hùm (Hòa Bình), Thẩm Òm (Hà Tĩnh)... cách ngày nay trên dưới vài chục vạn năm. Điều đó cho thấy người tối cổ Lạng Sơn, người cổ Hang Hùm đã săn bắt trâu rừng cùng các loài voi, đười ươi, lợn vòi, gấu mèo, khỉ, vượn... mà sinh sống. Đến cuối thời đá mới, cách ngày nay 5 - 6.000 năm cùng với sự ra đời của nghề nông trồng lúa ở các thung lũng chân núi và đồng bằng ven biển, con trâu đã được thuần phục và thuần dưỡng. Xương trâu bò nhà đã được giới khảo cổ học tìm thấy phổ biến trong các di chỉ đá mới và đồng thau ở Tràng Kênh (Hải Phòng), Tiên Hội, Đình Chàng (Hà Nội), Đồng Đậu (Phú Thọ) và nhiều nơi khác. [9; 332]

Đầm lầy, môi trường sinh thái của loài trâu, cũng là quê hương của loài lúa. Con trâu và cây lúa gắn bó với nhau, từ thời hoang dại cũng như từ lúc được con người thuần dưỡng, như một câu thành ngữ Thái: Nhìn chăm trai, quai chăm cả. (gái gần trai, trâu gần mạ). Đàn bà, từ thực tiễn hái lúa dại ở đầm lầy đã tiến lên trồng lúa. Đàn ông, từ thực tiễn săn bắt trâu rừng đã tiến tới việc nuôi trâu. Thoạt tiên, người ta bắt trâu ăn thịt, sau được thuần dưỡng, cũng để ăn thịt và làm vật hiến sinh trong nghi lễ nông nghiệp hội mùa. Hình ảnh hội đầm trâu của người Việt cổ còn được khắc chạm trên trống đồng, dần dần trâu được sử dụng cùng với người vào việc dẫm nát cỏ, sục bùn trong ruộng để sửa soạn đất đai trồng lúa.

Kể từ thời đại vua Hùng dựng nước, con Trâu trở nên một nhân tố cấu trúc hữu cơ của nền văn minh nông nghiệp trồng lúa nước Việt Nam: "Con Trâu là đầu cơ nghiệp". Cảnh sắc thường thấy trong môi trường sinh thái - nhân văn Việt Nam là cảnh: Trên đồng cạn, dưới đồng sâu, Chồng cày vợ cấy, con trâu đi bừa! Trâu kéo cày dưới thung đồng. Trâu kéo gổ trên ngàn, và thắng hoặc, trâu còn được dùng trong chiến trận. Từ đời sống thực tại, con trâu đã đi vào lĩnh vực tinh thần, tâm linh của người Việt chúng ta. Tượng trâu bằng đất nung đã được giới khảo cổ tìm thấy trong các di chỉ Tiên Hội, Đồng Đậu... hơn ba nghìn năm trước, vật trang sức hình đầu trâu bằng đá quý, mài nhẵn bóng, đã tìm thấy ở di chỉ Đình Chàng - Hà Nội, cũng có tuổi trên dưới ba nghìn năm; trong 15 bộ lạc hợp thành nước Văn Lang của các vua Hùng có hẳn một bộ lạc mang tên Trâu; con Trâu hiện diện trong tranh dân gian và điêu khắc gỗ đình làng thế kỷ 17-18... [9; 333-337].

Như vậy có thể thấy, con trâu đối với người Việt lúa nước là đầu cơ nghiệp, là tài sản đáng kể, chỉ sau ruộng đất. Tuy nhiên, con trâu đối với bà con các tộc người Tây Nguyên nói chung, thì lại khác. Con trâu được dùng để đổi chác, là vật đánh giá có giá trị trung tâm cho việc mua bán qua lại giữa hai đối tác, những tài sản lớn đều được tính bằng trâu: Bộ ching chiêng này được mười con trâu. Thằng ấy làm việc tầm bậy bị phạt một con trâu. Cái ghè ấy giá hai

mười trâu... Song con trâu không vì thế mà mất đi giá trị tinh thần. Người ta ăn mừng nhà rông mới, làm lễ hội có đâm trâu; năm nay làng được mùa, tổ chức lễ hội có đâm trâu; làng làm lễ Pothi (lễ bỏ mả), mở đầu bằng lễ hội có đâm trâu. Lễ Ăn trâu (Đâm Trâu) xuất hiện gần như trong suốt các dịp vui, trọng đại của buôn làng.

Do đó, khác với miền xuôi, con trâu ở Tây Nguyên không phải là vật nuôi để dùng cày kéo (khác với con bò), mà là con vật gắn liền với tín ngưỡng đa thần của cư dân bản địa. Từ thuở ban sơ, do không lý giải được những hoạt động của thiên nhiên, mà người Tây Nguyên cổ đại tin có những thế lực siêu linh tồn tại, dẫn đến phải thờ phụng, cúng bái nhiều vị thần linh, để được yên ổn và may mắn trong sản xuất, trong đời sống cộng đồng. Tín ngưỡng “đa thần” xuất hiện từ đó.

Hệ thống các thần linh của người Tây Nguyên cổ xưa đông đảo và có tâm sinh lý không khác gì con người, có đủ mọi tình cảm hỷ xả, ái nộ, có thần tốt có thần xấu. Do đó nếu không được cúng bái đầy đủ, dễ dẫn đến việc các thần nổi giận. Tùy theo công việc mà người Tây Nguyên cầu xin và dâng tặng lễ vật lớn nhỏ. Lễ bao giờ cũng phải có ghè rượu và có thịt, ít thì một con gà, một ghè rượu nhỏ; nhiều là vài ché, thậm chí hàng chục ché lớn nhỏ, cùng với con thịt lớn hơn như heo, bò... Trong số các vật hiến sinh được lựa chọn để dâng tặng, con trâu được coi là lễ vật lớn nhất và thanh sạch nhất. Khác với voi và bò, trâu ở Tây Nguyên có nhà nuôi hàng đàn, nhưng chỉ để làm vật hiến sinh cho các lễ thức, không được dùng làm sức kéo hay cày bừa.

Ngoài ra, theo thần thoại của một số tộc người Tây Nguyên, con trâu còn là “Vật tổ” (do vậy mà một số tộc người có tục cưa răng cho giống tổ). Thật khó nói, nghi thức dùng trâu làm vật hiến sinh để dâng tặng cho các vị thần linh chính thức ra đời từ bao giờ, nhưng có thể thấy trong các cuộc vui cộng đồng lớn, trong các lễ cúng quan trọng không bao giờ thiếu đi nghi thức đâm trâu. Người Tây Nguyên gọi nghi lễ này là lễ “ăn trâu”, chứ không phải *đâm trâu* như người Kinh thường gọi và nó có mặt trong hầu hết hệ thống lễ hội nông nghiệp

rải rác khép kín chu kỳ sản xuất ở Tây Nguyên. Trong các lễ hội này, con trâu là vật hiến sinh cho thần linh, đây cũng là một tục lệ xưa kia rất phổ biến ở nhiều nơi thuộc Đông Nam Á, nơi con trâu được thuần dưỡng và là vật nuôi từ khá sớm, khác với các vùng khác nuôi bò.

L. Phinô, một học giả nổi tiếng của Pháp, trong công trình nghiên cứu về người Khome cổ đại, cho rằng việc dùng trâu làm lễ hiến sinh chính là sự thay thế cho hiến sinh người, là một bước tiến bộ của nền văn minh cổ ở Đông Nam Á. [15]

Do đó, có thể khẳng định Lễ Đâm trâu (Ăn trâu) đã có từ rất lâu đời, gắn liền với quá trình thuần dưỡng con trâu ở khu vực Đông Nam Á và cũng gắn liền với đời sống tâm linh, tín ngưỡng đa thần và sinh hoạt sản xuất của đồng bào các tộc người ở Tây Nguyên.

2.1.1.2. Tên gọi, thời gian tổ chức

Thời gian gần đây, trên các phương tiện thông tin đại chúng xuất hiện rất nhiều thuật ngữ “Lễ hội đâm trâu của người Tây Nguyên” và từ đó đã làm nảy sinh rất nhiều ý kiến tranh luận về tên gọi chính xác của nghi lễ này. PGS. Nguyễn Văn Huy - thành viên Hội đồng di sản văn hóa nhà nước - cho rằng không có cái gọi là “Lễ hội đâm trâu” mà chỉ có “tục ăn trâu” trong một lễ cúng quan trọng nào đó, liên quan đến một sự kiện lớn của cộng đồng hay của gia đình. Nếu không có ăn trâu, lễ đó chưa được coi là lễ trọng, cho dù cho thịt vùi con bò đi nữa” [16]. GS. Ngô Đức Thịnh cũng đồng tình với quan điểm này khi ông nói “Trước tiên phải gọi chính xác là lễ “ăn trâu”, như cách gọi của các tộc người Tây Nguyên, chứ không phải *đâm trâu* như người Kinh thường gọi. “Ăn trâu” là một nghi lễ trong nhiều lễ hội của các tộc người ở Tây Nguyên.” [15]

Như vậy, trước hết, cả hai nhà nghiên cứu trên đều cho rằng không nên dùng từ “lễ hội”, chỉ nên dùng từ “lễ” bởi đây không phải là một lễ hội thuần túy như những lễ hội khác trên khắp dải đất Việt Nam. Một lễ hội thuần túy thường diễn ra tại một không gian và thời gian xác định, gắn liền với một sự kiện, một di tích cụ thể hay một nhân vật lịch sử nào đó. Mặc dù đối với “đâm trâu” hay

“ăn trâu”, bao giờ cũng bao gồm hai phần chính là những nghi lễ và những hoạt động vui chơi giải trí, hay nói cách khác tương ứng với hai phần Lễ và phần Hội trong các lễ hội thông thường, song vẫn không thể coi đây là một loại Lễ hội, bởi những hoạt động này thường diễn ra trong qui mô của một lễ hội khác lớn hơn, thời gian cũng trải dài không xác định. Thứ hai, các nhà nghiên cứu trên cũng cho rằng nên gọi là “lễ ăn trâu” thay cho tên gọi đã trở nên quen thuộc với hầu hết người Việt là “lễ đâm trâu” bởi vì ngay chính đồng bào các tộc người Tây Nguyên cũng gọi tên lễ thức này đơn giản như vậy. Với tên gọi “Ăn trâu”, trong lễ này, con trâu được chọn làm vật hiến sinh để cúng tế thần linh. “Ăn trâu”, có nghĩa là được hưởng các thức sau khi cúng thần linh bằng thịt và máu trâu nhằm tạ ơn thần linh đã ban ơn, phù hộ...

Thế nhưng có học giả khi nghiên cứu lại đưa ra lập luận rằng tên gọi của nghi lễ này phải là Lễ Đâm Trâu mới chính xác, bởi vì “Đâm trâu” thể hiện sức mạnh của người Tây Nguyên, phải “Đâm trâu” thì mới có trâu cúng thần, mới có thịt trâu để đồng bào ăn cùng nhau, có “đâm trâu” trước thì mới có “ăn trâu” sau. Cá nhân người viết cho rằng cả “đâm trâu” và “ăn trâu” đều cùng là hai nghi thức quan trọng trong các lễ hội lớn của người Tây Nguyên. Dù gọi là Lễ ăn trâu hay đâm trâu thì cũng chưa hẳn là một cách gọi đầy đủ, nên trong đề tài này, người viết sẽ sử dụng cụm từ Lễ Ăn trâu (Đâm trâu) để nói về nghi lễ quan trọng này của đồng bào Tây Nguyên. Gọi tên Lễ ăn trâu trước là tôn trọng theo cách gọi của chính người Tây Nguyên, và đưa thêm thuật ngữ “đâm trâu” nhằm giải thích rõ hơn để người Việt có thể hiểu về nội dung được nghiên cứu của đề tài. Tuy nhiên, để tránh lặp lại, đôi chỗ người viết sẽ chỉ sử dụng cụm từ “lễ ăn trâu”.

Về mục đích tổ chức, Lễ Ăn trâu (Đâm trâu) là một sinh hoạt văn hóa dân gian nổi bật, mang tính tổng hợp cao, có ý tưởng mong muốn cuộc sống ấm no, hạnh phúc, trở thành một nghi lễ độc đáo trong các ngày hội của các buôn làng Tây Nguyên như lễ hội mừng lúa mới, mừng nhà rông, mừng được mùa, mừng chiến thắng... Lễ ăn trâu (Đâm trâu) với người Tây Nguyên được xem là nghi lễ quan trọng nhất, lớn nhất trong đời sống tín ngưỡng của họ. Khi cuộc sống luôn

phải phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, khi điều kiện kinh tế bấp bênh, chỗ dựa tinh thần, cứu cánh tâm linh không gì khác ngoài những lễ thức và niềm tin vào thần linh cầu mong sự bình yên trong cộng đồng. Đây là những ngày hội thực sự mang những nét văn hóa truyền thống, thể hiện rõ yếu tố cộng đồng, tình yêu thiên nhiên, thần linh được gắn với nhau chặt chẽ, là sự kế tục truyền thống văn hóa xa xưa của người Tây Nguyên. Lễ Ăn trâu (Đâm trâu) góp phần làm nên bản sắc Tây Nguyên. Từ người Stiêng, Bahnar, Cờ tu, Êđê, Xơ đăng, Giẻ triêng, K’ho, Gia rai đến người Brâu đầu cũng có lễ ăn trâu, dù nghi thức lễ hội mỗi nơi tuy có khác nhau nhưng về mục đích thì cơ bản giống nhau. Lễ ăn trâu có thể có mặt trong những lễ thức chung của cộng đồng, hoặc lễ lớn của những gia đình giàu có, như các cuộc lễ: ăn cơm mới, cúng bến nước, bỏ mả, ăn mừng thắng lợi, mừng năm mới, đám cưới, tang lễ, giải hạn... Người Tây Nguyên cho rằng đánh giá cuộc lễ đó là lễ trọng hay không phụ thuộc vào việc trong lễ có nghi thức “ăn trâu” hay không. Đồng thời, tùy theo mức độ non già của trâu (căn cứ vào độ dài và cong của sừng), đồng bào gọi “trâu một em hoặc hai em”, tức đã sinh đẻ một, hai lần, mà đánh giá lễ lớn hay nhỏ: Trâu càng già, sừng càng dài, lễ càng được coi là lớn. [17]

Do đó, hàng năm cứ sau mỗi mùa rẫy - tháng 12 đến tháng 3 âm lịch, đồng bào Tây Nguyên lại tổ chức lễ Sa-rơ-pu hay còn gọi là Lễ Ăn trâu (Đâm trâu). Đây là thời điểm nông nhàn của bà con khi công việc nương rẫy đã hoàn thành, lúa ngô đã đầy nhà, bà con không phải lên rẫy nữa. Đây cũng là thời điểm trùng với mùa lễ hội ở Tây Nguyên vì đồng bào nơi đây không ăn tết cổ truyền cố định trong một ngày giống như người miền xuôi mà họ thu hoạch xong lúc nào là tiến hành tổ chức lễ hội lúc đó. Hay nói cách khác, ở Tây Nguyên các lễ hội đều dồn hết vào mùa thu hoạch cuối năm và mùa phát nương làm rẫy đầu năm.

2.1.2. Nội dung của Lễ Ăn trâu (Đâm trâu)

2.1.2.1. Công việc chuẩn bị

Lễ Ăn trâu (Đâm trâu) là một dịp quan trọng để con người thể hiện tấm lòng của mình với Yang (thần linh) cho nên công việc chuẩn bị cũng hết sức chu

đáo, cẩn trọng. Trong suốt thời gian này, tiếng cồng chiêng sẽ liên tục nổi lên để khuấy động không khí, để mời gọi, đón tiếp thần linh cũng như những người tham dự và hỗ trợ thúc giục việc chuẩn bị lễ hội được chu đáo.

Việc chuẩn bị cho lễ ăn trâu bao giờ cũng phải mất từ năm đến bảy ngày, thậm chí có khi cả tháng. Trước khi làm lễ ăn trâu bao giờ hội đồng già làng, thường ba đến bốn người, cũng tổ chức họp để phân công công việc cho từng nóc, từng thành viên trong cộng đồng. Việc quan trọng hơn cả là tìm cây để dựng cây nêu, thường được gọi là cây nêu thần. Theo quan niệm của người Tây Nguyên, cây nêu càng cao, càng đẹp thì thần linh càng hài lòng và mùa màng năm đó sẽ bội thu, cuộc sống sẽ ấm no. Vì vậy, những ai được giao nhiệm vụ đi tìm cây dựng cây nêu, trang trí cho cây nêu đều dồn tất cả tâm huyết của mình vào trong đó bởi sự cẩn thận của cá nhân bao giờ cũng gắn với sự bình yên của cộng đồng, gắn với những thực hành truyền thống đã được xác lập từ lâu đời.

Cây nêu người Chu Ru gọi là *K'nonng*, người Êđê gọi là cột *Gong*, người Gia rai gọi *Gong blang*, người Xơ đăng gọi là *Gingga*, người Bahnar gọi là *Gung Sakapo*, người M'ông gọi là *Gong la...* chính là cây cột lễ - là trung tâm của lễ đâm trâu. Cây nêu có thể được chọn từ cây tre (người Hre), cây lồ ô (Xơ đăng), cây lồng mứt (người Stiêng), cây Blang (Gia rai), gỗ quý (người Cơ Tu)...

Cây nêu vừa là chỗ để cột trâu, vừa là bàn tế, vừa là nơi để Yang về trú ngụ, chứng giám lòng thành của con người với thần linh, vừa là “cây hoa” trang trí, làm cầu nối giữa thế giới thần linh với con người (cũng có tộc người làm cây nêu riêng biệt với cây cột trâu). Do đó, cây nêu phải đủ vững chãi để chú trâu khỏe đến thế, trong cơn hoảng loạn lòng lộn khi chứng kiến hàng trăm người vừa đánh chiêng vừa múa (xoang) đi vòng tròn cả buổi mà vẫn không suy suyển, lại vừa mềm mại trữ tình trong cái thế vút cao rồi rủ xuống phơ phất trong nắng trong gió dưới trời xanh rười rượi. Cái cứng cáp vững chãi song hành cùng cái mỏng manh mềm mại khiến cây nêu trở nên một tác phẩm nghệ thuật rất đẹp, rất độc đáo.

Sau khi tìm được cây về để làm cây nêu, những người được giao nhiệm vụ tiến hành họa khắc lên cây và các ngọn lồ ô những hoa văn, họa tiết đặc trưng. Cây nêu của mỗi tộc người được trang trí mỗi khác, tùy theo cách nghĩ, cách cảm, theo đời sống văn hóa tâm linh của mỗi tộc người nhưng nhìn chung đều là những tác phẩm nghệ thuật độc đáo, kết tinh trong đó lẽ sống cũng như tài hoa nghệ thuật và tâm hồn của người Tây Nguyên.

Thường thì công việc tìm cây nêu cũng như trang trí cho nó phải mất hai ngày. Khi cây nêu được làm xong mọi người sẽ tiến hành dựng cây nêu. Địa điểm dựng cột buộc trâu, nếu làm riêng của gia đình thì ngay giữa sân nhà. Nếu là lễ của buôn, bon, kon, plei thì cây nêu sẽ dựng trước sân nhà Rông hoặc nhà sinh hoạt chung của cộng đồng làng, thường là ở một bãi đất trống, rộng. Đối với các gia đình làm lễ cầu bình an, ăn mừng lúa mới, bỏ mả..., địa điểm trồng cột nêu sẽ do thầy cúng chọn và quyết định. Trước hôm làm lễ một ngày, phải hoàn thành việc dựng cây nêu.

Công việc cần chuẩn bị quan trọng tiếp theo là việc chọn trâu để hiến sinh. Trâu được chọn bao giờ cũng phải là con trâu đực to khỏe, hông nở, trâu càng già, càng to béo thì càng chứng tỏ buôn làng đó giàu mạnh. Gia đình nào có trâu được chọn đều lấy làm tự hào vì điều đó thể hiện sự chăm sóc chu đáo, cẩn thận của gia chủ đối với con vật nuôi. Và trong nghi thức cúng tế, con trâu bao giờ cũng được già làng đặc tả những đặc điểm trên thân cùng tên người chủ của nó.

Ngoài trâu để đâm làm lễ cúng Yang ra thì người ta cũng chuẩn bị gà và lợn để cúng thần linh trước khi vào bắt đầu buổi lễ. Người trong buôn lo đồ đầy các ché rượu cần, giã gạo để nấu cháo, củi để đốt trong suốt những ngày diễn ra nghi lễ sao cho nghi lễ phải thật long trọng, vui tươi và không bị kết thúc nhanh vì hết rượu sớm. Khách của buôn (hay của gia chủ) cũng được mời dự. Dàn cồng chiêng cũng được chuẩn bị để sẵn sàng cho buổi lễ thêm linh thiêng hơn. Các cô gái, chàng trai, người dân trong buôn lựa chọn những bộ trang phục đẹp nhất để mặc, lựa ngọn

giáo sắc nhọn để đâm trâu cho chuẩn xác nhất, mang lại niềm vui cho buôn làng. Không khí rộn ràng, nô nức bao trùm lên tất cả buôn làng.

2.1.2.2. Các nghi thức chính

Mặc dù nghi thức của mỗi tộc người mỗi khác, thậm chí cùng là tộc người đó nhưng nếu cư trú tại những nơi khác nhau, lễ thức cũng có thể khác biệt ít nhiều, song có thể nói hầu như lễ ăn trâu (đâm trâu) nào cũng bao gồm những nghi thức chính sau đây:

Nghi thức cúng dựng cột nêu:

Từ xưa tới nay ở nhiều tộc người Tây Nguyên, nghi lễ này luôn diễn ra ở chân cột “ăn trâu” hay còn gọi là cột nêu - cái cột mang ý nghĩa biểu tượng là “*cây vũ trụ*”, nơi liên thông giữa Trời - Đất - Con người (Thiên - Địa - Nhân), nơi mỗi năm một lần con người có thể thông quan với trời, đất và thần linh, cầu mong cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, con người mạnh khỏe. Trước khi dựng cột nêu, dân làng chuẩn bị một phần lễ vật, gồm heo, gà hoặc ngỗng, gạo, ngoài ra không thể thiếu các ghè rượu. Nghi thức này dùng để cúng Yang (thần linh), mời thần linh về chứng giám. Chủ trì ngày hội đâm trâu thường là một già làng, còn gọi là “Riu Yang” (thầy cúng). Sau khi mọi thứ đã chuẩn bị sẵn sàng, vị già làng sẽ thay mặt mọi người đọc lời khấn với nội dung cầu xin thần trời - thần nước - thần núi- thần sông suối hãy đến đây chứng kiến ngày hội đâm trâu của dân làng, cầu mong thần linh phù hộ cho dân làng có được nhiều trâu, bò, heo, gà, mọi người có cuộc sống ấm no, không đau ốm, bệnh tật, lúa gạo đầy kho... Sau đó, người ta tiến hành dựng cây nêu tại địa điểm đã được lựa chọn sẵn. Trong lúc những người được giao nhiệm vụ đào lỗ để dựng cột nêu, dân làng đứng thành một vòng tròn chấp tay cầu khấn theo nhịp lục lạc leng keng trên tay thầy cúng. Riu Yang đứng nghiêm trang bên cột đang buộc con trâu, sau lưng ông là nam thanh nữ tú, ban nhạc cồng chiêng. Khi dựng nêu, nam nữ trong làng phải đánh cồng, đánh chiêng, múa hát xung quanh cây nêu.

Nghi thức cột trâu:

Sau khi cây nêu được dựng xong, tiếng chiêng, cồng bắt lại nổi lên hòa với tiếng hú của dân làng. Cảnh buôn làng trở nên rộn ràng, sinh động. Sau đó, con trâu cúng bắt đầu được dẫn ra và cột chặt vào cây nêu với một sợi dây thật chắc được làm bằng vỏ cây rừng. Sợi dây buộc trâu thường được đan rất công phu và rất đẹp. Một số tộc người còn buộc vào sừng trâu hai ống lồ ô chuốt hoa, đuôi trâu được tết những tua chỉ trắng và chỉ màu để khi trâu quật đuôi sẽ tạo nên những vòng sắc màu rực rỡ. Trước đó, con trâu đã được tắm rửa sạch sẽ và thường bị bỏ đói để làm vật hiến tế thanh sạch dâng lên thần linh. Khi đã hoàn tất những nghi lễ của việc dựng cây nêu và cột trâu, mọi người tập trung lên nhà Rông hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng cả buôn làng. Suốt đêm hôm đó, họ ăn thịt lợn, uống rượu, múa và đánh chiêng, cồng không biết mỏi chân, mỏi tay.

Nghi thức khóc trâu:

Trình tự của một lễ “ăn trâu” có lớp lang cẩn thận. Để “ăn trâu” ngày hôm sau, thì đêm hôm trước hoặc là sáng sớm đã diễn ra nghi lễ “khóc trâu”. Gọi là “khóc trâu”, nhưng thực ra là vừa hát vừa kể lể, vừa để vỗ về, an ủi, tiễn biệt con vật yêu quý vừa bày tỏ chân thành sự tiếc thương, sự biết ơn đối với con trâu đã vì sự tồn tại sống còn của cả cộng đồng mà chịu làm vật hiến sinh. Người chịu trách nhiệm hát khóc trâu thường là một người phụ nữ được cả cộng đồng nể trọng, hoặc là người chủ gia đình nếu như lễ đâm trâu được cử hành ở qui mô gia đình; cũng có nơi người được lựa chọn khóc trâu và làm lễ tiễn biệt con trâu là các cô gái. Người khóc trâu phải vừa hát, vừa nói, vừa vuốt ve con trâu, cho trâu ăn ngọn cỏ cuối cùng, có nơi lại rắc gạo quanh mình trâu hoặc cho trâu uống rượu với ý nghĩa cho trâu ăn và tẩy uế cho trâu trước khi dâng cúng thần linh. Nội dung của bài hát khóc trâu đại ý như sau:

“Lâu nay trâu làm bạn với người trong nhà, trong buôn như anh em. Nay vì sự no đủ của buôn sang (hay gia đình), xin dâng trâu lên các thần linh làm đồ tế lễ. Trâu vui lòng nhé, ơ trâu, ơ trâu...” [17]

Có thể nói rằng lời người khóc trâu nói mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, thể hiện tình cảm rất sâu đậm giữa con người với vật hiến sinh. Ta hãy nghe một đoạn bài hát “Khóc trâu”: ... *“Thôi ta từ giã trâu từ đây, Trâu hãy ăn nắm cỏ lần cuối, Trâu hãy uống rượu cần lần cuối, Đừng trách ta nữa nghe trâu, Đừng giận ta nữa nghe trâu, Mai trâu về xứ Phan (xứ õm) giữ lúa, Cho buôn làng ta êm ấm nghe trâu, Cho buôn làng ta được mùa lúa trâu ơi!”*. [15]

Khóc trâu là biện pháp nhân cách hóa con trâu, nhằm thể hiện tình cảm yêu thương con người với nhau, thương trâu cả đời lam lũ phục vụ con người nay cũng hiến xác thịt cho thần, cho người. Lời than ai oán, lý lẽ chân tình, mộc mạc, những bài hát khóc trâu luôn đủ sức làm lay động cả những tâm hồn cứng rắn nhất.

Bài hát khóc trâu vừa dứt, tiếng chiêng trống lại nổi lên rộn rã, trai đánh chiêng, gái móc tay nhau thành vòng xoang theo ngược chiều kim đồng hồ quanh cột nêu buộc trâu. Sở dĩ đi ngược chiều kim đồng hồ vì người Tây Nguyên quan niệm rằng đó chính là hướng đi của thần linh và cũng là hướng của sự phát triển, sinh sôi. Những người đến tham dự đứng thành vòng ngoài quanh đoàn chiêng, đoàn múa. Âm thanh rộn ràng của trống chiêng, bước chân, bàn tay dịu dàng của các cô gái càng làm buổi lễ thêm sôi nổi và náo nhiệt.

Nghi thức đâm trâu:

Đỉnh cao của buổi lễ là nghi thức đâm trâu. Tuy nhiên trước khi tiến hành đâm trâu, cả buôn làng say sưa trong những điệu múa. Tiếng cồng chiêng nổi lên với một nhịp độ nhanh hơn và thúc giục hơn cho thanh niên thiếu nữ sẽ cùng vào nhảy múa theo điệu nhạc. Âm thanh sôi động trong những vũ điệu uyển chuyển, đa dạng của các sơn nữ khiến cho lễ hội thêm phần quyến rũ, hấp dẫn. Vũ nhạc của các sơn nữ lắng xuống, tiếng trống, chiêng, cồng vừa dứt, cũng là lúc những thanh niên khỏe mạnh của buôn làng, tay cầm khiên, gươm sáng loáng lao ra nhảy múa. Gươm chạm vào nhau xoang xoảng hòa với tiếng hò reo cổ vũ của hàng trăm người. Đó là những cuộc đánh nhau tượng trưng, miêu tả lại những cuộc chiến đấu dũng cảm của các tù trưởng và dân làng vào thời xa xưa để

bảo vệ buôn làng. Tuy chỉ là những cuộc đánh nhau tượng trưng nhưng nó không kém phần hào hứng và sôi nổi. Những cuộc đấu này mang tính chất vui chơi lành mạnh và thể hiện được lòng dũng cảm với truyền thống thượng võ của các tộc người Tây Nguyên. Sau các màn múa hát là bắt đầu đến nghi thức đâm trâu.

Sau khi thầy cúng ra hiệu, đội múa tản dần, nhập vào với vòng người phía ngoài. Những người được giao nhiệm vụ tiến hành nghi thức đâm trâu sẽ cầm theo lao, dao, hoặc kiếm, xàgạc... tiến vào. Họ sẽ dẫn đầu đội chiêng trống, vừa múa vũ khí, vừa đi vòng tròn quanh cột để lừa dịp đâm trâu.

Nếu người được cắt cử đâm trâu chính khéo léo, giỏi giang, đâm một nhát dao hoặc kiếm vào trúng tận tim trâu, con vật quy xuống chết liền, đó được coi là một trong những điềm báo may mắn cho cả cộng đồng. Buôn làng (hay gia đình) sẽ được mạnh khỏe, làm ăn thuận lợi. Nhưng nếu sau khi đã chặt hai khuỷu chân sau, mà lại đâm không trúng tim, trâu không chịu chết ngay, lông lộn lên là coi như cả buôn làng sẽ bị xui xẻo.

Trường hợp nhát đầu tiên đâm chưa trúng tim, người đâm trâu sẽ vung dao, xàgạc chặt vào khuỷu chân trái sau của con vật, tiếp đó là khuỷu sau của chân phải, để con vật không chạy được nữa, mà chỉ lết quanh cột nêu mà thôi. Trong lúc đó, nhóm đao kiếm vẫn tiếp tục nhảy múa vòng tròn, đâm chém cho đến khi con vật ngừng thở. Ở một số vùng, sau khi chém khuỷu chân sau để con vật quy xuống, người ta sẽ mang nó ra phía sau để hoàn tất các thủ tục cuối cùng cho con vật chết hẳn.

Khi con trâu tắt thở, dù có đôi chút khác biệt, nhưng hầu hết các tộc người ở Tây Nguyên có tồn tại lễ ăn trâu (đâm trâu) đều coi máu của con trâu là một trong những lễ vật thiêng liêng để tế thần. Thầy cúng sẽ mang dụng cụ đến hứng lấy huyết trâu, hòa với rượu cần để thành một thứ như “nước phép” đặt lên bàn thờ cùng một số bộ phận quan trọng khác của con trâu như đầu, đuôi, tai, mũi, chân... để thần linh ban phép. Máu trâu còn được bôi lên cây nêu như một chứng tích để minh chứng làng đã làm lễ đâm trâu để cúng Yang, bôi lên nhà Rông, bôi vào đao kiếm, bôi vào dàn công chiêng, xoa vào bồ thóc lúa và thậm chí bôi lên

ngực của những người đàn ông trai tráng trong làng để cầu mong thần linh sẽ ban cho họ sức mạnh, sự giỏi giang, khéo léo để săn bắn và bảo vệ buôn làng.

Có thể nói đỉnh cao và linh hồn của lễ hội có đâm trâu là lúc mũi lao cắm vào tim con trâu, cùng lúc tiếng cồng chiêng, tiếng hát, những vũ điệu theo cột đâm trâu vút lên không trung tạo niềm tin vào một vụ mùa bội thu, hăng say lao động sản xuất trước cuộc sống luôn thường trực những bất trắc, thiên tai, địch họa. Để sinh tồn phát triển và vượt qua những thách thức ấy, con người cần giao lưu gắn kết cộng đồng, cùng hướng tới sức mạnh siêu nhiên qua hình ảnh các thần linh trong nghi lễ.

Nghi thức ăn trâu

Sau lễ "đâm trâu" là tới lễ "ăn trâu". Ăn trâu cùng với các thần linh - qua những bài hát, điệu múa và đặc biệt là qua Atâu xít (thần rượu cần - tiếng Bahnar). Atâu xít được coi là bạn thân thiết nhất của mọi thành viên, từ già chí trẻ, từ đàn ông đến phụ nữ ở Tây Nguyên. Ai cũng có thể ôm ghè rượu, vít cần, uống và hát, hát bài có sẵn lời của đời trước để lại, hát bài hát ngẫu hứng tự đặt lời cho mình... [18].

Sau khi chọn những bộ phận quan trọng nhất của con trâu để cúng thần linh, người ta bắt đầu tiến hành xẻ thịt trâu. Trong lúc con trâu hiến tế được đem làm thịt, lễ cúng bên trong nhà sinh hoạt cộng đồng sẽ được tiến hành, đây là lễ quan trọng chỉ đại diện các gia đình trong làng được dự. Cúng xong, già làng ăn trước rồi đến đại diện các gia đình. Thịt trâu sau đó sẽ chia đều cho mọi người đến cùng tham gia lễ hội, mỗi người một rẻo nhỏ. Mặc dù rất nhỏ nhưng đó là sự sẻ chia vui buồn, là sợi dây kết nối tình nghĩa cộng đồng, tồn tại mãi hàng bao đời nay trong các lễ hội Tây Nguyên. Đây là nghi lễ cuối cùng của lễ hội. Sau lễ này là đến phần hội, mọi người vui vẻ no say bên chén rượu cần, đánh cồng chiêng, múa xoang cho đến hết đêm.

2.1.2.3. Các hoạt động vui chơi giải trí

Không khí của buổi lễ vẫn không hề lắng xuống sau lễ đâm trâu, lúc này chính là khoảng thời gian cả bản làng quây quần bên chén rượu cần, bên những mâm thịt, cùng nhau nhảy múa ăn uống quanh đống lửa..., tận hưởng những thành quả của ngày lễ, sự ban thưởng của thần linh. Vì thế, lễ hội toát lên một cách đầy đủ nhất những sắc thái đặc trưng văn hóa tộc người, thể hiện tính cộng đồng trong sự cộng hưởng: cầu mùa, cầu an, cầu phúc. Trong suốt ngày và đêm này, mọi người sẽ nhảy múa theo tiếng chiêng. Ngoài ra còn có các hoạt động thi thố tài năng bằng đấu vật, đánh roi... để tranh giành bùa do già làng tặng. Và đặc biệt là các chiến binh ra nhảy múa, diễn lại cảnh đánh nhau và chiến thắng để khơi dậy dũng khí trong lòng mọi người tham dự.

Theo nhịp trống, cồng chiêng, sáo bầu, các cô gái nắm tay nhau thành vòng xoang (múa). Dường như tất cả nữ giới trong làng đều có mặt tại đây, nên vòng xoang cứ dài mãi, xoay mãi, say mê bước theo nhịp ching chiêng, từ lúc mặt trời đi ngủ, cho đến khi lại vén mây thức dậy phía đằng Đông. Bên cạnh đó là các vũ khúc của các chàng trai múa khiên, lao, tiếng cồng chiêng không dứt, những điệu múa nhịp nhàng uyển chuyển của các chàng trai cô gái trong trang phục sắc sỡ càng làm cho không khí thêm náo nhiệt, cuộc vui tưởng chừng như muốn kéo dài ra vô tận. Trong men say của rượu cần bên ánh lửa hồng trước sân nhà Rông, những điệu múa như nhanh hơn, uyển chuyển hơn, gương mặt ai cũng rạng rỡ nụ cười, tiếng cồng chiêng cứ ngân nga trải rộng khắp cả núi rừng như bày tỏ một niềm tin mãnh liệt rằng năm sau Yang sẽ cho buôn làng giàu có, no đủ. Cuối cùng là bữa ăn chung mang tính cộng đồng, mọi người vừa ăn, uống rượu cần, đánh chiêng, múa hát các bài dân ca, tạo nên không khí chan hòa, thắt chặt mối dây liên kết. Ngoài ra, bà con buôn làng có khi còn ngồi bên nhau nghe già làng hát Khan - kể lại sử thi của tộc người mình bên ánh lửa bập bùng hào hứng đến hết đêm.

Sau lễ ăn trâu, mọi nỗi buồn, hiềm khích, đố kỵ trong buôn đều được thần linh mang đi hết, niềm vui và hạnh phúc được nâng lên gấp bội, ai nấy hăng hái

trở lại chuổi ngày lên nương xuống rẫy dưới mưa dầm nắng gắt, đêm sương muối xốt thịt xương, con người bán mặt cho đất bán lưng cho trời nơi đại ngàn lắm dã thú, nhiều sỏi đá khô cằn hơn màu mỡ, hi vọng tết mùa sau với nhiều lễ cúng, nhiều tiếng hát, nhiều tiếng cồng chiêng lại vang lên quyến rũ con người vào cuộc vui say bất tận.

2.2. Sự khác biệt trong việc tổ chức Lễ Ăn trâu (Đâm trâu) của các tộc người Tây Nguyên

Suốt dải đất Trường Sơn - Tây Nguyên, hàng năm đều vang tiếng cồng chiêng gọi dân làng vào mùa hội. Lễ ăn trâu (Đâm trâu) của mỗi tộc người nơi đây về cơ bản là giống nhau nhưng nếu xem xét và tìm hiểu kỹ thì sẽ thấy những nét khác biệt.

Thời gian tổ chức lễ này ở tộc người Churu, Banar, H'rê, Xơ Đăng... kéo dài trong 3 ngày nhưng riêng người Giarai thì chỉ có một ngày rưỡi. Nhưng không vì thế mà các nghi lễ bị rút ngắn, không đầy đủ như các tộc người khác.

2.2.1. Mục đích tổ chức nghi lễ

Hầu hết các tộc người ở Tây Nguyên tổ chức ăn trâu nhằm tạ ơn Yang, vào các dịp mừng nhà Rông, mừng chiến thắng, mừng lúa mới hoặc mừng được mùa của buôn làng. Đây là những ngày hội thực sự mang những nét văn hóa truyền thống, thể hiện rõ yếu tố cộng đồng, tình yêu thiên nhiên, thần linh được gắn với nhau chặt chẽ, là sự kế tục truyền thống văn hóa xa xưa của người Tây Nguyên. Trong những dịp lễ hội quan trọng này, con trâu được chọn là vật hiến sinh, là biểu tượng cho sự "thông quan" giữa con người với giàng và thần linh, là lời cảm ơn giàng (trời), cảm ơn thần linh đã cho mưa thuận gió hoà, đã giúp cho dân làng ngăn cản muông thú, chim chóc không phá hoại rẫy nương, cho mùa màng tươi tốt, dân làng sống hoà thuận, vui vẻ, không xảy ra dịch bệnh... Tuy mục đích chung là như vậy, nhưng mức độ và sắc thái biểu hiện ở mỗi tộc người lại có sự khác biệt nhất định.

Theo tập tục của người Ba Na, Gia Rai, Xơ Đăng, hàng năm dân làng tổ chức một lần hội đâm trâu tại nhà rông. Mọi phí tổn trong ngày hội do dân làng

đóng góp lại. Những tộc người này tổ chức hội đâm trâu bên cạnh việc cúng Yang thì còn nhằm tạ ơn những tù trưởng xưa kia đã có công xây dựng và gìn giữ buôn làng, và sau nữa là tỏ lòng biết ơn đối với người hiện đang chịu trách nhiệm giữ gìn bảo vật của buôn (là những vũ khí, giáo mác, khiên, tù và... mà xa kia, ông cha họ đã từng dùng để đánh giặc bảo vệ buôn làng). Bên cạnh đó, những khi đau, ốm bất ngờ (ví dụ đi tắm về bị cảm, vào rừng bị sốt hoặc bị gai đâm...) dân làng cho là thần làm ốm nên muốn khỏi, cũng phải làm lễ đâm trâu, nhưng lễ đâm trâu này nhỏ hơn lễ đâm trâu trong ngày hội. Cũng giống như nhiều tộc người khác, ba tộc người nói trên thường tổ chức ngày hội đâm trâu trong khoảng thời gian từ đầu tháng 12 cho đến tháng 3 âm lịch. [19]

Nếu như người Êđê tổ chức lễ ăn trâu và dịp làm lễ cơm mới, tức là tổ chức ngay sau khi gặt những gùi lúa đầu tiên, thì người M'ông ở Đăk Nông chỉ tổ chức nghi lễ này sau khi đã thu hoạch xong mùa màng, để xin Thần Lúa cho phép chính thức mở cửa kho sử dụng. Nhưng không phải mùa thu hoạch nào người M'ông cũng tổ chức đâm trâu, ở phạm vi gia đình, chỉ khi thu được hơn 100 gùi lúa, họ mới cúng trâu. Ở phạm vi buôn làng, nếu không tổ chức lễ đâm trâu hàng năm để cúng Thần Lúa thì ít nhất đủ 3 năm phải tổ chức lễ ăn trâu một lần. Đồng bào M'ông “ăn trâu” để tạ ơn thần linh, để được tổ chức vui chơi, giải trí và cũng để khẳng định uy tín, danh vọng của gia đình chủ lễ và của buôn làng.[20]

Cũng giống như người M'ông, người K'ho và người Châu Mạ cũng tổ chức lễ cúng Yang sau khi thu hoạch vụ mùa vào tháng chạp âm lịch.

Đồng bào Brâu tổ chức Lễ ăn trâu vào dịp mừng nhà Rông, dịp này còn gọi là lễ lên nhà Rông hoặc lễ nhóm lửa bếp nhà Rông. Với người Brâu, nhà Rông là nơi trú ngụ của các vị thần bảo trợ cho cộng đồng và là biểu tượng của buôn làng Brâu.

Đặc sắc nhất về mục đích tổ chức lễ ăn trâu có lẽ là đồng bào người Cơ tu. Với người Cơ tu, lễ ăn trâu không do làng tổ chức mà do mỗi gia đình tự lo, sau đó cả làng vào cuộc và xem đây là lễ hội chung của cả làng. Trâu đối với người

Cơ Tu là một loại hàng hóa đặc biệt có vị trí quan trọng trong sinh hoạt xã hội, tâm linh của họ: từ hôn nhân gia đình đến dùng làm vật hiến tế cúng giàng, cúng đất, tranh chấp đất đai, sông suối... Trong một đám cưới có trâu mới xong được việc, cho dù đã ăn ở với nhau có khi đã hai mặt con nhưng chưa có lễ đâm trâu trong ngày cưới xem như thủ tục cưới chưa hoàn thành, cho đến chừng nào người đàn ông có trâu bổ sung vào lễ cưới trước đây, chừng đó xem như lễ cưới mới hoàn thành. Do đó, người đàn ông Cơ tu có tập tục cưới vợ lần thứ hai là vậy. Trâu còn được sử dụng vào các ngày khánh thành nhà gươl (nhà sinh hoạt cộng đồng), nhà mới, đất mới, hoặc trong làng có niềm vui được mùa, được việc gì đấy có lợi cho làng đều tổ chức ăn trâu để ăn mừng; hoặc trong làng liên tiếp xảy ra mất mùa, xui xẻo, rủi ro, chết xấu... cũng phải tế thần linh bằng trâu. Như vậy lễ ăn trâu hầu như được tổ chức một cách rất phổ biến ở tất cả các nghi lễ và không thể thiếu được trong đời sống của đồng bào Cơ tu. [21]

2.2.2. Địa điểm tổ chức nghi lễ

Như chúng ta đã biết, các buôn làng của người Brâu, Xơ Đăng, Ba Na, Gia Rai... thường được dựng lên bên các bờ suối, bờ sông. Ở chính giữa mỗi buôn làng, đồng bào thường dựng lên một cái nhà Rông: đây là nơi tập trung tinh hoa văn hóa của cả buôn làng. Nhìn vào nhà Rông, chúng ta có thể đánh giá được khả năng hội họa và điêu khắc cùng với sự giàu, nghèo của buôn làng đó.

Có hai loại nhà rông: Nhà rông trống và nhà rông mái. Nhà Rông trống (tiếng Gia Rai gọi là Rông tơ nao) có mái to, cao chót vót, có nhà Rông cao đến 30 mét, nhà Rông trống được trang trí rất công phu. Nhà Rông mái (tiếng dân tộc gọi là Rông ama) nhỏ hơn nhà Rông trống, mái thấp; hình thức bên ngoài và bên trong đơn giản hơn. Nhà Rông là nơi chứng kiến những cuộc họp để bàn việc chung của buôn làng, là nơi dạy nghề và mọi người đến đây để sinh hoạt văn nghệ.

Do vị trí quan trọng của nhà Rông trong tâm thức của các tộc người kể trên nên lễ ăn trâu thường được họ chọn tiến hành ở trước sân nhà Rông - nơi có không gian rộng, có thể qui tụ đầy đủ người dân trong buôn. Riêng đối với

người Gia rai, địa điểm dựng cột buộc trâu, nếu làm riêng của gia đình thì ngay giữa sân nhà; đối với các gia đình làm lễ cầu bình an, ăn mừng lúa mới, bỏ mả..., địa điểm trồng cột nêu sẽ do thầy cúng chọn và quyết định. Đối với người Brâu, già làng sẽ chiếu theo cửa nhà Rông để chọn một điểm trồng cây Gung - cây nêu thần với vị trí cách khoảng 7, 8m, bỏ chút gạo, rượu và tiết gà giò vào hố trồng cây Gung để cúng khấn xin thần đất, thần sông, suối, núi, rừng cho phép trồng cây cúng Giàng ở đây.

Người Hrê thì lựa chọn nơi đâm trâu bằng cách bói chân gà, thầy cúng dùng chân gà để bói xem thần linh ưng chọn chỗ nào thì chỗ đó sẽ là nơi diễn ra lễ ăn trâu. Chuẩn bị cho lễ ăn trâu, thầy cúng, già làng và một số đàn ông phải bói tìm địa điểm dựng nêu. Thường thì họ dựng cột nêu ở trong rừng, hoặc ở chỗ đường rẽ vào buôn. Sau khi đã tìm được địa điểm, thầy cúng lấy một cục đất lớn để tại đó làm dấu, các già làng mỗi người xúc một xéng đất đắp lên đó. Nhóm đàn ông đi theo đào hố ở đó trồng cột nêu, người dựng cột là thầy cúng và các già làng. Người Hrê làm thế vì họ quan niệm rằng nghi lễ này là nghi lễ cúng thần linh cho nên phải theo ý của thần linh, nếu không sẽ bị thần linh quở trách mà không nhận trâu thì năm đó buôn làng sẽ đói khổ. Đó chính là quan niệm thể hiện sự phụ thuộc chặt chẽ vào tín ngưỡng đa thần của người Hrê. Đó cũng là sự hiệp thông giữa thần linh và con người trong việc tổ chức nghi lễ vì họ muốn làm đẹp lòng thần linh một cách tối đa nhất để thần linh mang lại hạnh phúc, ấm no cho buôn làng.

Do tính chất của một buổi lễ cộng đồng, nên người M'ông cũng chọn địa điểm tổ chức lễ đâm trâu ở nơi có không gian thoáng, rộng và là nơi có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống cộng đồng, do đó lễ đâm trâu của người M'ông thường được tổ chức tại sân nhà sinh hoạt văn hoá cộng đồng của buôn làng. Hơi khác một chút, người Stiêng lại chọn một bãi đất nơi họ coi là rừng thiêng để tiến hành nghi lễ. Vì họ có quan niệm rằng Yang và các thần linh linh khác thường ngự trị nơi rừng thiêng cho nên lễ vật cúng Yang, thần linh cũng phải

được tiến hành nơi rừng thiêng thì Yang mới nhận và chỉ có nơi linh thiêng đó mới xứng tầm nghi lễ dành cho Yang.

2.2.3. Con trâu lễ và người đâm trâu

Mặc dù con trâu dùng để tế thần của hầu hết các tộc người Tây Nguyên đều là con trâu đực và có đặc điểm chung là to béo nhưng mỗi tộc người lại có tiêu chí chọn trâu lễ khác nhau. Chẳng hạn như con trâu của người Xơ đăng phải là con trâu đực, to khỏe, màu đen; con trâu của người Cor phải là trâu mộng, dáng đẹp, thân dài, móng nở, cặp sừng nhọn và cân đối; con trâu của người Giẻ triêng phải là con trâu có hông nở, sừng dài và bóng; con trâu của người Brâu phải có lưng bằng và sừng dài một thước.

Về người đâm trâu, ở các tộc người như người Gia rai, người Cor, thì người được giao nhiệm vụ cao cả này là các chàng trai khỏe mạnh, cường tráng trong buôn. Họ được chia ra thành nhiều nhóm, lần lượt thay nhau tiến vào để phóng lao hoặc vung đao kiếm chém trâu. Đối với người Giẻ triêng: một người đàn ông khỏe mạnh sẽ được dân làng chỉ định để cầm lao đâm vào con trâu, mỗi nhát đâm đều được dân làng hò reo, khích lệ, cổ vũ. Người K'ho ở Lâm Đồng thì có một lựa chọn khác: đối với lễ gia đình, người chủ lễ sẽ đâm nhát dao đầu tiên vào con trâu, tiếp đó là các thanh niên trai tráng sẽ hoàn tất thủ tục đâm trâu; đối với lễ đâm trâu cộng đồng, hai trai làng sẽ cầm giáo dài xông vào đâm trâu như 2 chiến binh, tiếp đến là những thanh niên khỏe mạnh, tay cầm giáo mác nối đuôi nhau vừa ca hát, nhảy múa, vừa đâm trâu. Với truyền thống coi trọng người cao tuổi, trong nghi thức đâm trâu của người Brâu, một tráng đinh sẽ đưa gươm sắc cho già làng để ông chém vào vai con vật làm phép, tiếp đó các trai tráng đuổi con vật chạy quanh cột Gung, dùng gươm tấn công vào khuỷu chân cho tới khi nó ngã vật ra bất lực trong tiếng hò reo của dân làng. Khác biệt một chút, người Banar cũng chọn già làng là người làm nhiệm vụ đâm trâu nhưng phải phụ trách công việc cao cả này từ đầu đến cuối mà không cần đến sự trợ giúp của thanh niên trong buôn. Già làng là người đại diện cho cả buôn làng về sức khỏe, kinh nghiệm, uy tín nên đảm nhận trọng trách đâm trâu để cúng

Yang. Người ta cho rằng chọn người đâm trâu uy tín như thế thì sẽ làm hài lòng Yang và buổi lễ thêm linh thiêng hơn và năm sau nhất định buôn làng sẽ ấm no, hạnh phúc.

Cũng tương tự như người Brâu, ở nghi thức của người Cơ tu, nếu là việc của làng, người thọc mũi dáo đâm trâu nhất đầu tiên phải là người có uy tín trong làng, người biết rõ phong tục, tập quán Cơ tu trong việc đâm trâu, biết đâm trúng chỗ hiểm. Người đó phải nhận một chén rượu cần và con gà của làng cho. Sau khi trâu chết, làng phải trả ơn bằng một miếng thịt thăn lưng trâu cho người đâm nhất dáo đầu tiên này; còn nếu việc riêng của gia đình thì người đâm trâu đầu tiên là vị chủ nhà và không có tục lệ biếu con gà và chén rượu như việc làng. Cách thức đâm trâu của người Cơ Tu cũng khá độc đáo. Để đâm trâu phải thúc cho trâu chạy vòng quanh cây nêu lễ, khi trâu đang chạy thì đâm. Dụng cụ để đâm là dụ sắc, chắc cứng; vị trí là đâm vào nách phải của trâu (không đâm bên trái), cũng không được đâm lung tung không đúng nơi quy định. Việc đâm trâu vào nách phải là trâu té vào việc tốt trong làng, trong gia đình, mục đích để cho trâu chết từ từ cho dân làng múa vui; còn dùng cho việc xấu như tang lễ thì đâm vào bên trái, trúng tim, trâu chết nhanh, không múa vui linh đình. Sau nhất đâm trâu đầu tiên, những người lớn tuổi thường để ý xem khi vừa đâm xong, trâu có ngoái nhìn người đâm nó không? Nếu ngoái nhìn người đâm nó, họ cho rằng báo điềm xấu cho người ấy, có khả năng người đó sẽ không sống lâu, do đó người ta phải thúc cho trâu chạy, rồi mới đâm từ sau lưng trâu để trâu khỏi nhìn người đâm mình nhất đầu tiên.

Với người M'ông ở Đăk Nông thì khi lời hát “khóc trâu” vừa dứt, người dân sẽ mời một người từ bên đoàn khách được mời đến dự lễ tiến ra đâm trâu. Người khách này phải là người có sức khỏe tốt, có kinh nghiệm, uy tín nên mới được giao trọng trách này. Người ta giao cho người khách làm nhiệm vụ đâm trâu mong sao người khách đó sẽ mang lại những may mắn cho buôn làng.

Nghi thức đâm trâu và người được giao trọng trách đâm trâu của người H'rê cũng khá đặc sắc: lúc tiến hành đâm trâu, dân làng vừa nhảy múa theo nhịp chiêng

trống, vừa đi vòng quanh cây nêu. Thày cúng đứng gần cây nêu dùng chân gà để bói. Khi thấy có biểu hiện các Yang đã về tham dự, thày cúng sẽ dùng kiếm hoặc lao đâm vào họng trâu, lấy nôi đồng hứng huyết; sau đó các phụ lão trong làng đâm tiếp theo, cuối cùng là các thanh niên, cho đến khi con vật tắt thở.

Dù có đôi chút khác biệt về cách lựa chọn người đâm trâu, nhưng nhìn chung các tộc người ở Tây Nguyên khi chọn người lãnh trọng trách đâm trâu đều chung nhau ở một ước vọng: làm sao lựa chọn ra những người ưu tú nhất, xuất sắc nhất đại diện cho cả buôn làng, một mặt vừa đảm bảo tính linh thiêng để cúng thần linh, mặt khác hy vọng những người đó sẽ mang lại niềm vui và may mắn cho cả cộng đồng.

2.2.4. Cây nêu

Cây nêu của mỗi tộc người thể hiện sự sáng tạo, óc thẩm mỹ, khát vọng của cả buôn làng, đồng thời nó cũng thể hiện triết lý âm dương, là cầu nối giữa con người với thế giới thần linh và là một phần không thể thiếu được trong tất cả các buổi lễ. Mỗi tộc người Tây Nguyên có cách trang trí cây nêu của mình khác nhau nhưng ít nhất đều đảm bảo tiêu chí đẹp, cao và vững chắc.

Người Stiêng dựng cột đâm trâu bằng cây lồng mứt gỗ mềm, dễ dẻo gọt, thớ gỗ trắng dễ vẽ hoa văn. Cây nêu của người Hre giống với một số tộc người khác ở Tây Nguyên, thường là cây tre dài khoảng 4-5m, xung quanh thân tre vẽ nhiều hoa văn các màu; ngoài cột nêu, họ cũng trồng xung quanh 4 cột khác cao chừng 2m để buộc trâu. [17]

Đối với người Xơ đăng, sau khi đốn được cây từ trên rừng, người ta đem về dẻo gọt công phu, trang trí đẹp để thành nhiều tầng:

- Tầng một, vẽ và treo hình những con giống của loài thú như cá, chim, rồng.
- Tầng hai, quấn dây hjoong (một loại dây rừng) nhuộm màu tím, đen, đỏ.
- Tầng ba được chuốt thành những bông hoa trắng, có nhuộm màu tươi đẹp. [22].

Ở tộc người Cor, cây nêu phước cao tới 14m. Góc nêu là nơi trang trí đẹp nhất với chiếc “mâm thần” xoè rộng; trên đó, vẽ nhiều loại hoa văn bằng 3 màu:

đen, đỏ, trắng là những gam màu trang trí truyền thống của người Cor. Thân nêu chạm khắc nhiều hình ảnh sinh động như thỏ, rùa, chim bay, cá lượn, bướm đậu cành hoa, khi ngồi gốc quế... Ngọn nêu là những lá phướn đan bằng sợi giang xòe ra rất đẹp. Những bông hoa kết bằng xơ vỏ cây được điểm xuyết cũng góp phần làm cho cây nêu thêm rực rỡ. Trên đỉnh cây nêu là hình tượng chim chèo bẻo (Sip lít) và phượng hoàng đất (Sip rak) làm bằng gỗ tượng trưng cho tinh thần thượng võ của người Cor cũng là linh vật được thờ cúng. [24]

Cây nêu của người Brâu cư trú tại tỉnh Kon tum tuy không trang trí quá sắc sảo những họa tiết hoa lá chim muông nhưng ngoài thân chính nó còn được trồng thêm một đoạn cành pơ lang dài 3m, phía trên ngọn buộc vào cột chính - đây chính là biểu tượng về sự trường tồn của cả cộng đồng. Vì gốc cây pơ lang cắm xuống đất và hướng lên trời là ngụ ý muốn nói đến nơi bắt đầu của sự sống, sự sống của cả cộng đồng bắt nguồn từ đất mẹ và luôn vươn cao lên trời là ý chí sinh tồn không bao giờ bị hủy diệt. [25]

Ở người H'rê, để làm cây nêu, trai tráng trong làng phải vào rừng chặt hạ 5 cây gỗ, mỗi cây có đường kính 15cm và dài trên 20m, để nguyên cả cành, lá. Họ sẽ dùng 1,2m phía gốc để chôn, còn lại chia làm 3 phần để chạm khắc: hình răng cưa tượng trưng cho núi đồi; đường lượn sóng tượng trưng cho sông, suối; các hình ô vuông tượng trưng cho ruộng đồng; các hình tam giác đối đỉnh tượng trưng cho sinh thực khí nam và nữ. Ngoài ra còn chạm trổ hình các con vật như khi, hươu, nai, chim chèo bẻo, tu hú, sóc, chim sẻ... cây cối, mặt trời, mặt trăng... Đầu cột nêu là hình một cái lá dài 1,5m được đan bằng sợi dây mây chẻ nhỏ, giữa lá có hình chim chèo bẻo bằng gỗ, màu vàng. Đó là biểu tượng của người H'rê, bởi theo họ, chim chèo bẻo là một loài chim hiền lành, trung thực, yêu lao động, ghét lười biếng và ngoan cường. [25]

Cũng như người Cor, người Cơ tu trang trí chạm trổ các đường nét hoa văn trên cây nêu thật đẹp, mang đặc trưng văn hóa dân gian dân tộc. Từ chân cột lên chừng 1,8 - 2m, được đẽo cây theo nấc, giữa hai nấc trên dưới này họ đẽo thành bản để trang trí hoa văn vào đấy. Đối diện giữa thành bản người ta đẽo và

gắn hai tấm ván gọi là gương. Trên ngọn nêu, đan một cái pa'pa gọi là ô. Trên ô pa'pa các nghệ nhân vót nan tre, hoặc lồ ô, dang rất mỏng uốn cong tạo nên những đường hoa văn đẹp. Ô pa'pa là nơi đặt gà và đuôi trâu lên cúng. Khi hành lễ, chủ lễ tung gà và đuôi trâu lên phải trúng và lọt vào ô pa'pa thì mới được Giàng chứng giám và chấp thuận. Ngoài cây nêu, người Cơ tu còn chọn hai cây tre dài, cao, trồng song song với cây nêu; từ mặt đất trở lên cách một mét (ngang tầm nhìn), các nghệ nhân trang trí các loại hoa vót bằng tre, nan tre mỏng mảnh, tạo thành chuỗi hoa dài, tạo các đường hoa văn cổ truyền của người Cơ tu. [26]

Có thể nói, cây nêu của mỗi tộc người cũng mang những sắc thái riêng thể hiện những quan niệm về thẩm mỹ, tín ngưỡng của mình. Tuy nhiên, nếu xét ở góc độ đẹp có lẽ phải kể đến là cây nêu của người Banar - được xem như một tổng thể của nghệ thuật, bao gồm cây nêu, cột buộc trâu và các cột để trang trí. Cây nêu bằng tre vút thẳng dựng ở giữa; một cột chính bằng cây Pleng hay cây Xmuôn chôn vũng để buộc trâu. Quanh cây nêu người ta trồng từ 4 - 8 trụ gỗ tròn cao 2 - 3 mét, đường kính già nửa gang tay, kẻ trang trí các khoang với gam màu mạnh như xanh, đỏ, đen, trắng. Các trụ gỗ bố trí khoảng cách đều nhau theo hình hoa thị đối xứng, trên buộc nối các đoạn dây rừng tạo thế liên hoàn, vững chắc. Trên ngọn nêu có những thanh ngang tỏa ra 4 phía, mỗi đầu thanh có vòng tre như mặt trời. Những đoạn dây tết, những tam giác đan bằng lát tre, những chùm ống chiêng gió... lủng lẳng dưới các vòng mặt trời. Trên cao nữa, gần chỗ túi thiêng tượng trưng cho trí tuệ và sức mạnh là hình ảnh cách điệu của chim Kring (đại bàng) tượng trưng cho sứ giả của hạnh phúc. [27]

Cây nêu sống động nhất, gắn liền với đời sống nhất là cây nêu của người M'ông (Đăknông). Tất cả những gì sinh động nhất của cuộc sống hàng ngày đều được đưa vào chạm khắc lên cây nêu. Cây nêu được làm bằng cây tre, được kết bằng lá cây non, cây sra, trên ngọn còn được treo một con Phượng Hoàng làm bằng gỗ được tô nhiều màu, trên thân cây nêu luôn đủ các hình: tổ ong, chim én, hình người, râu lục lạc... Bên cạnh đó còn có cây cột buộc trâu được tạo tác bằng gỗ Blang cao quá đầu người, có tượng *Kon Nuih* - một người đàn

ông và một người đàn bà - ngồi hai bên, tay chống lên đùi, để chào tiễn biệt con trâu hiến sinh; phía trước cột dựng một khung tre ngăn cách với chỗ người ngồi, lại thêm một cây cọc để ghì trâu cho chắc. Một chiếc đàn tre *N'rong rla* buộc chắc ở lưng chừng cột, để người ngồi thổi kèn *Rlet* khi cúng và ngồi canh trâu. [28]

Hình ảnh đa dạng của các cây nêu trên đều cho chúng ta thấy quan niệm thẩm mỹ và đời sống tinh thần phong phú của người Tây Nguyên. Hình tượng trang trí trên thân cây nêu cho thấy bên cạnh những cái thần thánh cũng có những nét rất đời thường. Nhìn chung các tộc người Tây Nguyên đều cho rằng cây nêu càng to càng đẹp thì thần linh càng hài lòng và năm đó mùa màng bội thu, cuộc sống ấm no. Cây nêu vốn là linh hồn của buổi lễ, nó góp phần không nhỏ làm nên thành công cho buổi lễ cho nên công việc tìm và dựng cây nêu luôn luôn được buôn làng tiến hành một cách cẩn trọng và dồn rất nhiều tâm huyết.

2.2.5. Nghi lễ

Về bản chất thì nghi lễ ở các tộc người là giống nhau nhưng vẫn có những khác biệt đáng kể trong từng khâu tổ chức và trình tự các bước trong nghi lễ ở mỗi tộc người. Theo trình tự thì bao giờ một lễ ăn trâu cũng gồm các nghi lễ nhỏ sau: dựng cây nêu, khóc trâu, đâm trâu, ăn thịt trâu và vui chơi múa hát với thời gian thường là 3 ngày. Ở một số tộc người thì các phần của nghi lễ này bị rút ngắn lại và thời gian tổ chức nghi lễ cũng theo đó mà chỉ còn từ một ngày, ngày rưỡi hoặc hai ngày.

“Ăn trâu” trong các lễ thức cúng Yang thì bất cứ tộc người nào ở Tây Nguyên cũng có, tuy nhiên, không phải tộc người nào cũng có nghi lễ đâm trâu. Như trong các lễ của người Êđê, người ta chỉ giết trâu, cắt lấy đầu, đuôi bày lên mâm cúng, chứ không có nghi lễ đâm trang trọng.

Người Cor có thêm một lễ nữa trước khi vào đâm trâu đó là lễ đuổi “ma xấu”. Ngày đầu, trai làng đào lỗ trên bãi đất rộng để dựng cây cột lễ. Người ta chọc tiết một con lợn ngay trên miệng lỗ mới đào. Lễ vật này để cúng tạ thần “Ma huyết”- người cai quản nương rẫy và giữ hạt giống cây trồng. Dân làng đứng

thành vòng tròn chấp tay cầu khẩn theo lời thầy cúng. Tiếp đó một người ăn mặc rách rưới đóng giả “ma xấu” chạy quanh đường làng. Mọi người hò reo khua chiêng trống vác gậy đuổi theo. Cuối cùng “ma xấu” bị dân làng bắt được. Nó khóc lóc van xin tha mạng và hứa từ nay không làm hại súc vật cây trồng, không gieo dịch bệnh, dân làng đủ gạo ăn. Nghi lễ này phản ánh sự đấu tranh của buôn làng với những cái xấu. Đó là sự đấu tranh gay gắt nhằm chống lại những điều không may, những tai họa đe dọa cuộc sống của buôn làng nhưng đồng thời nó cũng thể hiện tinh thần nhân đạo của con người nơi đây khi họ không lấy cái chết của kẻ thù làm niềm vui. [25]

Ở người Giẻ Triêng, trước khi bắt đầu nghi thức đâm trâu, già làng phải tiến hành cúng trước trong nhà Rông. Xong lời khẩn, già làng uống làm phép lang rượu đầu tiên rồi đưa lại cho mọi người. Sau đó ông lấy một ống nứa dài khoảng 40 - 50cm, chẻ ra làm bốn phần bằng nhau, chập đôi chúng lại, thả xuống đất để bói xem năm nay dân làng có bình yên trong cuộc sống hay không. Nếu bốn thanh nứa rơi xuống đất mà hai thanh ngửa hai thanh úp thì đó là dấu hiệu của một năm bội thu, bằng không già làng sẽ tiếp tục tung thanh nứa cho đến khi nào được mới thôi. Tiếp đó, già làng đứng lên thực hành nghi thức múa quanh cây nêu trong nhà rông ba vòng rồi trở ra múa quanh cây nêu nơi buộc trâu ba vòng. Kết thúc điệu múa của mình, già làng và những người được phân công làm những thao tác cúng lễ sẽ xếp hàng theo đội hình với một người đánh trống đi đầu, theo đó là ba người đánh chiêng làng, kế tiếp là già làng cùng một người bung tô rượu cho trâu uống trước khi làm lễ hiến sinh và cuối cùng là hai người phụ nữ trong làng. Họ phải là những phụ nữ có uy tín, được mọi người yêu quý vì giỏi việc đồng áng, chăm sóc gia đình và quan trọng là đạo đức của họ. Hai phụ nữ, một người bung một chén nước nghệ, một người cầm một chén gạo, vừa đi vừa rắc xung quanh con trâu với ý nghĩa cho trâu ăn và tẩy uế cho trâu trước khi dâng cúng thần linh. Tốp người làm lễ đi quanh con trâu và cây nêu ba vòng ngược chiều kim đồng hồ, trong khi đó người chủ của con trâu sẽ

khóc một bài khóc về con trâu với tình cảm thương tiếc, kể những kỉ niệm về nó, với công lao chăm sóc của gia đình. [29]

Với người Bana thì trình tự một lễ ăn trâu (đâm trâu) diễn ra gồm các nghi thức nhỏ như: Lễ cúng sấm cây nêu, Lễ cúng dựng cây nêu, Lễ cột trâu, Lễ khóc trâu, Lễ đâm trâu và lễ hội ăn trâu uống rượu cần sau cùng. Trong khi đó, người Brâu chia nghi lễ ra làm ba ngày và trong ba ngày đó thường có các nghi lễ nhỏ như: ngày thứ nhất gồm có các nghi thức: lễ cúng đất dựng cây thần, lễ rước túi thiêng (bảo vật của buôn làng) từ nhà chủ làng ra cây nêu thần, lễ hiến trâu cho thần linh (yếm bùa trâu tể, đâm trâu) và lễ cúng thần bảo mệnh bằng thịt trâu vừa đâm; ngày thứ hai: cả buôn làng nhảy múa hòa theo nghệ thuật diễn tấu công chiêng từ sáng tới chiều, mọi người hóa trang rất vui nhộn; ngày thứ ba từ nhà Rông họ xếp hàng ra suối phía đông làng gột rửa thân thể sau đó trở về làng và cuộc vui kết thúc. Họ tắm rửa để gạt bỏ hết những điều không may mắn trong năm cũ và cầu mong năm mới mọi điều may mắn sẽ đến với mình và buôn làng [30]. Có thể nói nghi lễ ở người Brâu là đa dạng nhất, tuy số lượng nghi thức nhiều nhưng đầy đủ cả phần lễ và phần hội, đáp ứng đầy đủ nhu cầu tâm linh và đời sống của con người. Các nghi thức nhỏ bên trong lễ ăn trâu (đâm trâu) đều do mục đích tổ chức lễ ăn trâu (đâm trâu) của buôn làng mà được quy định theo các trình tự kể trên. Chẳng hạn như, sau khi kết thúc đâm trâu, người M'ông còn giết thêm một số heo lớn để lấy bộ lòng làm dòi cúng thần giữ kho lúa. Nghi thức cúng thần giữ kho là nghi thức bắt buộc trong các lễ hội cúng có đâm trâu. Người ta lấy sợi chỉ buộc từ kho lúa đến chỗ đầu trâu, tượng trưng cho lối đi của hồn lúa. Chủ nhà lấy huyết trâu với rượu đổ vào bầu nước và tưới tượng trưng lên kho lúa. Làm như vậy họ tin rằng hồn lúa sẽ được mát mẻ, mọi điều xấu, tai ương sẽ qua đi. Tiếp theo người ta mổ trâu chia cho các gia đình. [31]

Tương tự như vậy, người Chu Ru ở Lâm Đồng còn có thêm lễ tiễn đưa ông bà ở trên đỉnh nêu nữa, rồi mới kết thúc lễ hội. [17]

Ngoài các nghi thức chung, phần đặc sắc nhất, chứa đựng quan niệm nhân sinh sâu sắc nhất của các tộc người Tây Nguyên là ***nghi thức khóc trâu***. Nghi

thức khóc trâu là nghi thức khá quan trọng trong lễ ăn trâu (đâm trâu) nhưng không phải tộc người nào cũng tổ chức trang trọng nghi thức này trong lễ ăn trâu (đâm trâu) của mình. Người Brâu không tổ chức nghi thức khóc trâu mà chỉ an ủi con vật thôi. Gia đình chủ trâu sẽ đến bên trâu và nói những tâm sự của mình với trâu, cảm ơn trâu đã vì buôn làng mà hi sinh thân mình. Nhưng người M'ông lại xem khóc trâu là một nghi thức thiêng liêng và họ tiến hành rất cẩn thận. Vào cuối buổi lễ, 6 cô gái sẽ quỳ xuống lạy trâu, làm “lễ tang” cho trâu trước khi trâu thành vật hiến sinh cho thần linh. Một số nhạc cụ chỉ tấu lên ở lễ tang và lễ đâm trâu. Bài ca khóc trâu của họ với những ca từ vừa giản dị, vừa chân thành nhắc lại những kỷ niệm gắn bó giữa con người và trâu, tấm lòng thương cảm của con người dành cho trâu khiến cho không chỉ những người đang tham dự buổi lễ phải chảy nước mắt mà ngay cả con vật cũng phải nhỏ nước mắt khóc theo.

Sau đây là trích đoạn một phần trong bài khóc trâu của người M'ông với những lời lẽ vô cùng sâu sắc : “...Ta thương trâu đã mười năm nay/ Ta chẵn trâu vào đủ trăm ngày/ Mời trâu ăn nắm cỏ lần cuối/ Mời trâu ăn lá cây lần cuối/ Trâu hãy ăn lá Râng(1) lần cuối/ Trâu hãy kêu ghé ọ lần cuối/ Người ta đã cột trâu vào cọc rồi/ Khách mời “ăn trâu” đã đến đầy nhà/ Chờ sáng mai họ sẽ vào ngày hội/ Ta thương tiếc trâu lắm trâu ơi!/ Ta không thể giúp gì cho trâu được/ Trâu hãy rung cho ngã cọc nêu/ Trâu vùng vẫy cho đứt chùm dây/ Người ta sắp xẻ thịt trâu rồi đấy!/ Nơi vũng nước trâu dẫm vẫn còn/ Chân trâu cào mặt đất còn dấu/ Bãi cỏ nơi trâu còn đó/ Ngọn núi kia trâu đi với cái/ Bụi tre kia trâu vỗ ghé ngủ/ Cây to kia trâu thường cọ khi ngứa/ Đôi mắt tròn trâu tìm đường đi/ Dòng suối nơi trâu tắm vẫn còn/ Ta gặp trâu đêm nay nữa thôi/ Người ta đã cột dây đầy cổ trâu/ Người ta cột trâu nhiều dây chắc lắm/ Người ta đã cho trâu đeo râu cườm/ Ta đành chịu không cứu được trâu/ Người chặt vào lưng xin trâu đừng khóc/ Người đâm vào hông trâu chớ kêu la/ Người chặt vào đuôi trâu đừng quất nữa/ Nếu trâu quất e trúng lỗ trẻ/ Có bề gì ta phải chịu đền/ Trâu chết đi bỏ lại vũng nước/ Trâu chết đi bỏ lại cỏ non/ Trâu chết đi bỏ lại vợ con/ Trâu chết

đi cho buôn làng vui/ Cho thần lúa xuống ở trong nia/ Cho thần lúa xuống ở trong thùng/ Ta trao bột máu dê cho trâu/ Ta cho trâu ăn bột củ nghệ/ Ta cho trâu uống rượu óng nứa/ Trâu uống đi trước khi trâu chết!/ Ta tiếc thương trâu lắm trâu ơi!/ .../ Thôi ta từ giã trâu ta từ đây/ Trâu hãy ăn nắm cỏ này lần cuối/ Trâu hãy ăn trước khi trâu chết/ Để trâu về giữ con thần lúa...”. [31]

Đây là bài “khóc trâu” với nội dung khá đầy đủ nhất mà còn lưu giữ được cho tới hôm nay. Từng câu chữ tràn đầy tình cảm yêu thương, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc với con vật trước giờ khắc nó thay con người làm nhiệm vụ thiêng liêng. Khi bài khóc trâu cất lên là lúc tâm hồn của con người và con vật hòa vào làm một, đồng điệu và thấm thiết. Bài ca khóc trâu cùng với nghi thức khóc trâu đã làm cho tính nhân văn của lễ ăn trâu (đâm trâu) trở nên sâu sắc bác bỏ những định kiến cho rằng đâm trâu là dã man và độc ác với con vật. Nghe “khóc trâu”, người ta không chỉ thấy người Tây Nguyên thương con vật mà còn hết sức coi trọng sự hi sinh của con vật để mang lại niềm tin và hi vọng cho cả buôn làng.

Người Cơ Tu cũng có nghi lễ khóc trâu rất độc đáo, thường được tổ chức suốt đêm hôm trước khi diễn ra lễ đâm trâu. Đêm chờ sáng, cả làng tập trung tại sân bãi múa hát vui vẻ đến khuya, ai mệt thì về nhà, các cụ già trong làng ở lại thực hiện khóc tế trâu (nơi) đến sáng. Các cụ mở đầu câu khóc nơi bằng câu: *“Bông dỏch li dôi mây châu - Trâu ơi, giờ đã buộc vào nêu biết gỡ vào đâu, rồi sau đó khóc tiếp những nội dung liên quan khác. Trong những câu khóc tiếp thường thể hiện nội dung: kể khổ, nói lên việc đời đau xót, khổ ải, cả một đời người lam lũ nhưng vẫn quanh năm nghèo khó; việc nhà việc nước chưa xong, nay tuổi đã xế chiều, ai biết nay mai đời sẽ đi về đâu. Người ta khóc về trâu rồi khóc về mình, cả làng thỏn thức không ngủ lắng nghe văng vẳng từ bãi sân làng đưa vào nhà tiếng khóc lý, nói về lẽ đời và căn dặn con cháu sống phải thương yêu nhau, có tình có lý, phải đùm bọc nhau mà sống mong con cháu, hàng xóm, đoàn kết, thành đạt, già có nhắm mắt xuôi tay cũng an lòng... Còn nếu trâu hiến tế là của riêng gia đình như đám cưới thì họ lại khóc trâu biểu hiện sự kể khổ,*

những điều chuẩn bị cho lễ cưới chưa đủ, chưa xứng tầm với con trâu như yêu cầu của nhà bên gái... Có thể hình dung ra rằng, giữa đêm khuya, nơi một bìa rừng nào đó, núi rừng yên ắng, gió rì rào trên bãi khuya giữa sân làng, một ngọn lửa phập phùng trong đêm tối đầy sao, cùng với con trâu buộc cổ vào nài với 5 - 6 người ngồi chống cằm kể lể trong tiếng khóc với tiếng trống ngắt nhịp 1-2-1, 1-2-1... liên hồi và ngắt quãng (không đánh chiêng) kèm theo lời than ai oán, lý lẽ chân tình, mộc mạc, mới hiểu được rằng những đêm tế trâu như vậy thật là sâu sắc và là biểu hiện đặc trưng, đã đi vào lòng người với tâm thức linh thiêng, khó có thể quên. [26]

Không chỉ khóc trâu hết lòng, người Cơ Tu còn biểu hiện sự coi trọng con trâu của mình bằng một nghi thức độc đáo: sau khi mũi giáo cắm vào tim trâu thì họ còn mang tấm thổ cẩm đắp lên thân nó và lấy rượu, nước, gạo, muối rãi lên đầu trâu. Việc làm này có ý nghĩa là chia của cải cho trâu để linh hồn trâu yên nghỉ bên kia thế giới còn con người ở lại với trần gian tận hưởng những điều tốt lành. [26]

Không chỉ có người Cơ Tu mà các tộc người khác cũng hết sức coi trọng những lễ nhỏ sau khi trâu chết, họ luôn cho rằng làm như thế thì hồn trâu sẽ an nghỉ và buôn làng sẽ no ấm yên vui. Song dù nghi lễ có khác biệt thế nào, vẫn cần phải khẳng định rằng Lễ ăn trâu (đâm trâu) là một di sản văn hóa quý báu của các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên, kết tinh trong đó lễ sống cũng như tài hoa nghệ thuật của người Tây Nguyên.

2.3. Nhận xét, đánh giá về nghi lễ Ăn trâu (Đâm trâu) của đồng bào Tây Nguyên

2.3.1. Hình tượng con trâu và nghi lễ hiến sinh trâu trong cái nhìn so sánh, đối chiếu

Hình tượng con trâu khá phổ biến trong văn hóa của người Tây Nguyên. Họ không chỉ dùng trâu để mua bán đổi chác, không chỉ dùng trâu để tế thần mà còn dùng trâu như một biểu tượng của đời sống vật chất và tinh thần. Theo giáo sư Phạm Đức Dương “biểu tượng là bất kỳ thực thể nào chứa đựng nghĩa và có

thể qui chiếu sang một thực thể khác, chúng được sử dụng và được diễn giải như là một đại diện cho một loại thông tin nào đó căn cứ vào một tương ứng loại suy kiểu “nói cây ná giá cây tre” [6; 62]. Và con trâu tự bản thân nó đã làm nên cả một hệ biểu tượng đa chiều trong văn hóa Tây Nguyên.

Chẳng hạn như người M'ông quan niệm một con người có hai linh hồn: linh hồn con trâu ở trên trời và linh hồn con nhện ở trên đất, ma quỷ muốn hại cho người chết chỉ cần bắt hồn trâu trên trời làm thịt là người ở dưới này sẽ chết, hoặc muốn cho người ốm đau chỉ cần bắt hồn con nhện đem nhốt. Hồn trâu chết, hồn nhện còn sống thì người chưa chết, cả hồn trâu và hồn nhện chết người mới chết. Một số nhà nghiên cứu còn cho rằng tục cà hàm răng trên, tục đeo vòng ở mũi của một số tộc người như Ê đê, Giẻ Triêng là một cách mô phỏng vật tổ trâu... [43] Do giá trị quan trọng của nó, con trâu còn được chọn là lễ vật cưới hàng đầu. Đối với người M'ông, lễ vật cưới thường bao gồm: một con trâu (hoặc lợn nếu không có trâu), một gùi măng chua và da trâu mới, một ché rượu cần nhỏ [43].

Đối với một số dân tộc khác ở Tây Nguyên, họ còn cho rằng sau khi chết, người chết sẽ cưới trâu sang thế giới bên kia. Từ chỗ gắn bó với đời sống tâm linh như vậy, dần dần hình tượng con trâu đã đi vào nghệ thuật Tây Nguyên, đặc biệt là nghệ thuật Cơ Tu rất hồn nhiên. Trong điêu khắc Cơ Tu, đầu tiên phải kể đến những quan tài hai đầu trâu, đây là loại hình quan tài rất đặc biệt được làm từ 2 phần thân cây khoét rỗng; bên ngoài phần nắp tạo hình thân trâu, 2 đầu trâu nằm đối xứng ở hai đầu nắp quan tài; phần đầu trâu được thể hiện rất chân thực với đôi sừng cong vút. Một số quan tài có trang trí hoa văn hình học đặc trưng của người Cơ Tu, một số khác để trơn phần thân, chỉ chú trọng phần hai đầu trâu. Đầu trâu còn được thể hiện trên nhà mồ, có nơi người ta chạm trổ 2 đầu trâu đối xứng ngay trên hai đầu bờ nóc, cũng có nơi hai đầu trâu được thể hiện ở trên hai thanh gỗ chặn 2 đầu mái nhà mồ. Các nhà dân tộc học cho biết, ngoài

người Cơ Tu, dạng quan tài có hình trâu còn được tìm thấy ở người Giẻ - Triêng, Êđê, M'ông... nhưng phần lớn thể hiện con trâu có một đầu và đuôi.

Trong nghệ thuật Cơ Tu, chúng ta còn bắt gặp hình ảnh con trâu trong hội họa, với những nét vẽ mộc mạc bằng những màu sắc đơn giản, hình ảnh con trâu được thể hiện trên các bức vách ván của nhà Gươl bên cạnh những con kỳ đà, rắn, voi... Trên nhà Gươl, hình đầu trâu được các nghệ nhân Cơ Tu điêu khắc trên tấm ván bao quanh nhà, có thể nằm ở hai đầu hồi hoặc ở mặt tiền nhà Gươl; những đầu trâu này ngoài chức năng trang trí còn có ý nghĩa về mặt tâm linh, người ta gởi gắm vào đó những ước vọng về một cuộc sống no đủ của dân làng... [43]

Dễ hiểu vì con trâu có vai trò quan trọng như thế, lại gần gũi với đời sống tâm linh của người Tây Nguyên như vậy, nên tất yếu nó phải được chọn là lễ vật hàng đầu để dâng cúng thần linh. Nghi lễ ăn trâu của người Tây Nguyên suy cho cùng nằm trong hệ thống những nghi lễ hiến sinh có từ xa xưa. Hiến sinh (hay tế vật sống) để dâng cho thần linh là hiện tượng khá phổ biến ra đời từ lâu trong tín ngưỡng của nhiều dân tộc trên thế giới. Thậm chí ở nhiều nơi trước đây người ta còn dùng chính con người làm vật tế. Chẳng hạn như người Trung Hoa, họ thường có tục lựa chọn các cô gái đồng trinh làm vật hiến tế để trông coi kho tàng bởi họ quan niệm sau khi chết những thiếu nữ này sẽ mang trong mình một quyền năng lớn, đủ sức ngăn chặn, trừng phạt những kẻ có ý định xâm nhập kho báu của họ. Một số dân tộc ở châu Phi như người Ai Cập, người Pê ru cũng có tục dùng người làm vật hiến sinh cho thần linh. Một số dân tộc khác thì lựa chọn một loài động vật đặc trưng nào đó để thay thế cho con người. Ý nghĩa của lễ vật dâng lên là bày tỏ sự quy thuộc, không thể chuyển nhượng được nữa, chính vì thế lễ vật cần được tiêu hủy đi. Tín đồ Hindu tin rằng máu của con vật hay con người (xưa kia) trong lễ hiến sinh có thể giải khát, mua vui cho các vị thần, để họ không gieo rắc chiến tranh, bệnh tật, thiên tai cùng vô vàn nỗi thống khổ cho chúng sinh. Nghi lễ đó hiện nay vẫn được duy trì bất chấp sự phản đối của

các nhà bảo vệ động vật, chẳng hạn như tại ngôi đền tôn vinh nữ thần Gadhimai của đạo Hindu nằm giữa khu rừng ở quận Bara, Nepal, mới đây người ta đã giết hơn 200.000 con trâu, dê, gà và bò cừu để dâng lên nữ thần. Người tham gia lễ hội tin rằng động vật dâng cho Gadhimai sẽ xóa đi mọi tội lỗi và mang lại sự giàu sang cho họ [44]. Tín đồ Hồi giáo hiện nay cũng vẫn duy trì nghi lễ hiến sinh cừu trong tháng hành hương về thánh địa Mecca hàng năm. Kết thúc đợt hành hương, hàng nghìn con cừu bị giết để dâng lên Allah và để gọi nhắc lại về sự tích tiên tri Abraham hiến sinh con trai mình cho Thượng đế. Abraham là thủy tổ của người Do Thái, còn con trai ông - Ismael - là tổ phụ của Mohammed, người sáng lập ra đạo Hồi, và vì thế Ismael cũng được coi là thủy tổ của người Ả rập. Thượng đế đã ra lệnh cho Abraham giết con trai là Isaac để chứng minh niềm tin tuyệt đối vào Ngài và ông đã tuân theo không ngần ngại. Nhưng, trước lúc ông ra tay, thiên thần Gabriel đã xuất hiện và tặng cho ông một con cừu để thay thế, nhờ thế Isaac được khỏi chết. Chính vì để kỷ niệm chuyện này mà người Hồi giáo thường giết cừu trong những ngày lễ lớn, đặc biệt là trong lễ hành hương về Mecca để thể hiện tấm lòng thành kính dâng lên Allah. Sau khi giết và làm lễ, thịt cừu sẽ được đóng gói và phân phát trong cộng đồng Hồi giáo; đặc biệt là dành để phát cho những người nghèo khổ, ai cũng sẽ có cơ hội được ăn thịt ít nhất một lần trong năm. Đó là biểu hiện tốt đẹp của quy tắc lễ nghi trong cộng đồng Hồi giáo, là một sự nhắc nhở đối với mọi người phải chia sẻ sự giàu có của mình với những người kém may mắn hơn. [46]

Như vậy có thể thấy nghi lễ hiến sinh có mặt ở rất nhiều nền văn hóa khác nhau trên thế giới với những biểu hiện và mức độ đa dạng khác nhau. Ngay trong truyện cổ tích Thạch Sanh của người Việt cổ cũng thấy xuất hiện tục hiến sinh người cho thần (trăn tinh). Hay trong hệ thống lễ tết của người Việt hiện nay, người ta vẫn duy trì hình thức hiến sinh cho thần linh và ông bà tổ tiên để cầu xin và tạ ơn, chỉ có điều thay vì việc giết cả một con trâu, người Việt thường dùng những con vật có trị giá nhỏ hơn như gà, lợn, hay dê. Cũng cần nói thêm,

không chỉ có đồng bào Tây Nguyên mới dùng trâu để dâng cúng thần linh mà một số vùng miền khác cũng chọn con trâu làm vật hiến tế thiêng liêng. Chẳng hạn như ở vùng biển Đồ Sơn, Hải Phòng hàng năm vẫn duy trì lễ hội chọi trâu, hội chính vào ngày 9-8 âm lịch. Nguồn gốc của lễ hội này bắt nguồn từ câu chuyện truyền thuyết như sau: xa xưa dưới chân núi Tháp thuộc địa phận xã Ngọc Xuyên, liền khúc sông Họng Giang có một ngôi đền. Mỗi khi trời âm u trước cửa đền thường có một vị râu tóc bạc phơ, hiện hình ngồi trên thạch bàn xem hai con trâu chọi nhau. Cảnh đó thường diễn ra vào chiều ngày mùng 9 tháng 8 âm lịch. Vì vậy nhân dân ở đây liền đặt mâm bột làm lễ cầu thần hiệu. Sáng ra người ta thấy vết chân chim sỏ trên đó nên đặt tên là “Điểm Tước tôn thần” [6; 57]. Sau đó, để kỉ niệm sự kiện này, hàng năm cứ vào ngày 9-8 âm lịch, dân Đồ Sơn lại tổ chức chọi trâu để cho thần xem, trâu thắng cuộc sẽ được giết để làm vật tế dâng lên thần, sau đó chia đều cho nhân dân trong vùng để được hưởng phúc. Dần dần, việc chọi trâu trở thành lễ hội lớn, thu hút nhiều giáp trong vùng tham gia, người ta phải chia thành vòng đấu loại để chọn ra 4 con vào bán kết và cuối cùng lấy 2 con vào chung kết. Làng nào có trâu thắng giải được rước bát nhang thờ thần Điểm Tước ở đền Nghè về đình làng mình, song cũng chỉ được thờ từ mùng 10 đến 15 tháng 8. Ngày 10 là ngày các làng mổ trâu. Ngày 16 là ngày mao huyết đổ xuống ao làng “tống thần”, tiễn thần và rước bát nhang trở lại đền Nghè. Bát nhang được đặt trên kiệu son sơn thiếp vàng trong quang cảnh tung bồng và thành kính. Dọc đường khi “tống thần”, cắm trẻ con ra đường [6; 60]

Tuy nhiên, có thể thấy, đối với người Việt nói chung, con trâu là bạn của nhà nông, nhưng đối với cư dân miền biển Đồ Sơn nói riêng, con trâu được chọn không phải để làm vật dâng cúng thần Nông mà để dâng cúng Thủy thần. Căn cứ để xác định như vậy xuất phát chính từ câu chuyện truyền thuyết về lễ hội chọi trâu. Trong truyền thuyết đó, vị thần hiện ra dưới con mắt người trần với hình ảnh một cụ già râu tóc bạc phơ nhưng dấu vết để lại lại là vết chân chim.

Điều này khiến chúng ta liên tưởng vị thần ở đây là thần chim, mang tính chất “tinh linh”, tức là cái cốt lõi linh thiêng của một vật thuộc phạm trù bái vật giáo. Với ngư dân đi biển, chim là tín hiệu của đất liền, có giá trị là biểu tượng cho sự bình an. Thường các chuyến đi biển của ngư dân kéo dài nhiều ngày, giữa chốn bao la chỉ có trời nước ấy, ngư dân sẽ thấy bứt nổi cô đơn và nhớ đất liền khi thấy một cánh chim. Hơn nữa nhìn thấy chim cũng là tín hiệu sắp tới đất liền và chuyến đi sắp kết thúc an toàn [6; 57]. Do đó, có thể thấy, với người dân miền biển Đồ Sơn, trâu được chọn làm vật hiến sinh để dâng lên đối tượng thờ cúng là Thủy thần (hay Hải thần). Có người cho rằng vì con trâu là “đầu cơ nghiệp” nên người Việt không có thói quen ăn thịt nó. Thực ra trâu là tài sản quý nhưng vẫn được ăn thịt, nhưng chỉ trong những dịp đặc biệt quan trọng. Lễ hội là một trong những dịp như vậy tuy không phải vùng nào cũng có tục giết trâu tế thần trong lễ hội. Bản chất của hoạt động chọi trâu trong lễ hội chọi trâu Đồ Sơn là nhằm tìm ra con trâu xứng đáng nhất để tế thần.

Ngoài ra, trong tư duy dân gian, con trâu luôn được xem là con vật hiền lành, thật thà, chăm chỉ, nhưng cũng có khi nó rất hung dữ (trâu điên) và hiếu chiến (chọi nhau). Theo GS. Trần Quốc Vượng, hình sừng trâu gợi lên hình ảnh Trăng lưỡi liềm và được dùng làm biểu tượng của trăng. Sách Thủy kinh chú đã chép rằng: Huyện Câu Lậu ở Giao Chỉ có giống tiềm thủy ngư (trâu ở dưới nước) thường lên bờ chọi nhau, bao giờ sừng mềm ra lại nhảy xuống nước, sừng sẽ cứng lại rồi chúng lại lên bờ chọi nhau tiếp. Đó là báo hiệu của ngày con nước theo lịch trăng: Trăng với thủy triều và giống trâu nước có liên quan đến thời tiết. Huyền thoại trâu nước là huyền thoại về trăng và thủy triều, rất phổ biến cùng với tục thờ Trăng, thờ Trâu ở miền ven biển Tây Thái Bình Dương. Như vậy tục lệ chọi trâu là tàn dư xa xôi của lễ hội thờ trăng [7; 338]. Đó là lý do vì sao mà người dân miền biển Đồ Sơn lại lựa chọn một con vật vốn gắn bó với nhà nông làm con vật biểu tượng cho miền sông nước. Ấn sau hình tượng con trâu và nghi thức chọi trâu đó là một ý nghĩa tâm linh vô cùng sâu sắc: “Chọi trâu là biểu tượng của xung lực vũ trụ, chọi trâu hàng năm là để tái vận

hành và tiếp sức sinh sôi nguồn xung lực, sinh lực của Trời - Đất - Con người”.
[6; 62].

Cũng dùng con trâu làm vật hiến sinh, lễ hội cầu an cho bản mường (xên bản, xên mường) của người Thái, đặc biệt là người Thái Mai Châu, Thuận Châu, Mộc Châu và người Mường ở Tây Bắc là một sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng rất quan trọng, thường được tổ chức vào cuối tháng giêng, đầu tháng hai âm lịch hàng năm (dịp tết Nguyên đán), nhằm cầu xin và tạ ơn thần linh, mà ở đây chủ yếu là nghi lễ hiến sinh thờ thần nước, nguồn nước, vị thần gắn bó chặt chẽ với đời sống tâm linh của đồng bào. Theo quan niệm lâu đời của người dân bản mường, nếu không tổ chức lễ cúng trong toàn bản, toàn mường, không hiến lễ vật (trâu, cặp trâu) cho tổ tiên và các vị thần linh thì cuộc sống vật chất và tâm linh của con người trong cộng đồng sẽ gặp những trắc trở, không thuận lợi, thần không phù hộ cho được nhân khang, vật thịnh, cộng đồng bình an. Lễ hội này thường được tổ chức tại một bãi rộng, nơi có nguồn nước (mở nước), nhiều khi là nguồn nước thiêng, hoặc ở cạnh rừng (bìa rừng). Lễ hội thường kéo dài trong 3 ngày (có nơi hai ngày một đêm, có nơi một ngày một đêm). Nghi lễ cúng cơ bản là hiến sinh trâu (nơi là một cặp trâu đực to, trắng - đen, nơi thì một con, nhiều nơi cúng cả gà, lợn). Ở Mộc Châu, trong lễ xên bản, xên mường, người ta hiến tế cặp trâu đen - trắng cỡ từ mười tuổi trở lên. Hai trâu, nhưng trâu trắng mới thực sự mang năng lượng thiêng để thành lễ vật tế thần (ở đây là thủy quái thường luồng, con ma to nhất dưới nước mà bà con thường gọi là phi ngược). Trước ngày hội chính thức, tức là khoảng 2-3 giờ chiều ngày hôm trước, người ta làm lễ giết trâu. Trước khi thịt trâu, ông mo mường và ông mò phăn (tức ông thầy chém, được dân mường chọn ra) làm lễ vái thần linh, tổ tiên rồi cầm dao nhọn làm động tác chém dứt (mang tính nghi lễ) vào cổ các con trâu dùng tế lễ, miệng thì thảm những câu kính báo với thần linh, tổ tiên. Sau đó, các ông lui ra, dành chỗ cho các thanh niên khỏe mạnh vào chém trâu, thịt trâu... [47]

Như vậy, có thể thấy Lễ hội chọi trâu của ngư dân miền biển Đồ Sơn, Lễ hội Xên bản Xên mường của đồng bào Tây Bắc và Lễ ăn trâu của đồng bào Tây Nguyên về tính chất cơ bản là giống nhau. Đó đều là những nghi lễ, lễ hội nằm trong hệ thống nghi lễ của tín ngưỡng thờ thần linh. Với việc chọn con trâu làm vật hiến tế, người dân ở các vùng miền trên đều gửi gắm trong đó nhân sinh quan và triết lý sống của mình. Trong quan niệm của họ, lễ vật quý giá nhất để dâng lên thần linh không gì khác hơn là con trâu, từ việc chọn trâu, nuôi trâu, chăm sóc trâu, huấn luyện trâu đều phải tuân theo những nguyên tắc vô cùng khắt khe để mong làm hài lòng thần linh. Trên tất cả, thông qua hình tượng con trâu và nghi thức hiến sinh này, bộc lộ rất rõ khát vọng của người dân về một cuộc sống an lành của con người, khát vọng về sự sinh sôi của mùa màng và gia súc, đồng thời cũng thể hiện khát vọng về sự giao hòa và gắn bó với tự nhiên, khát vọng về sự hòa hợp, khăng khít giữa thần linh với con người.

Ngoài sự khác biệt đôi chút ở nghi lễ và nghi thức hiến tế, hầu như, các hoạt động của lễ hội kể trên đều giống nhau ở chỗ: đây là dịp để mọi người tụ họp, gặp gỡ với tổ tiên, thần linh, gặp gỡ với nhau trong cả sinh hoạt vật chất và hành động tâm linh; vừa bộc lộ niềm thành kính, ngưỡng vọng thánh thần, vừa thể hiện sức mạnh của con người; vừa cầu phúc cho một cuộc đời hạnh phúc, an bình, vừa bộc lộ khả năng vui chơi, thi tài, vừa giải tỏa mệt mỏi vừa để thu nạp năng lượng mới... Có thể nói, những lễ hội và nghi lễ kể trên là những hoạt động văn hóa tín ngưỡng đặc sắc; một sinh hoạt văn hóa dân gian tổng thể; một nguồn vui không thể thiếu của đồng bào các dân tộc sinh sống trên dải đất Việt Nam. Riêng với Lễ ăn trâu của khu vực Tây Nguyên, có thể nói rằng ẩn chứa sau hành động có vẻ “dã man” ấy là những khát vọng cao cả mang đậm triết lý nhân sinh của con người Tây Nguyên.

2.3.2. Giá trị lịch sử và tâm linh của nghi lễ ăn trâu ở Tây Nguyên

Lễ Ăn trâu (Đâm trâu) của cộng đồng các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên mang trong đó một giá trị lịch sử và tâm linh vô cùng sâu sắc. Trong

suốt lịch sử cư trú lâu đời của mình, người Tây Nguyên đã sống cùng nghi lễ này. Nó theo đồng bào từ thế hệ này sang thế hệ khác, hết lớp người này đến lớp người khác kế tiếp nhau gìn giữ và phát huy. Ngay cả những già làng khi được hỏi về nguồn gốc, thời gian bắt đầu xuất hiện nghi thức này cũng không có câu trả lời chính xác. Chỉ biết rằng nó đã được bắt đầu cùng với sự hình thành tín ngưỡng đa thần ở nơi đây.

Địa bàn cư trú của người Tây Nguyên là ở vùng đại ngàn dọc theo dãy Trường Sơn nên có thể nói, từ xa xưa điều kiện sống của họ vô cùng khắc nghiệt. Cuộc sống phụ thuộc chặt chẽ vào thiên nhiên nên ngay từ khởi thủy tín ngưỡng đa thần đã hình thành và ăn sâu vào tiềm thức của họ. Người Tây Nguyên tin rằng thần linh trú ngụ khắp nơi: Thần ông bà tổ tiên phù hộ cho gia đình; thần đá bếp giữ lửa ấm, nấu ăn; thần rừng nuôi chim thú cung cấp lương thực cho người; thần núi, thần vũng nước sâu, thần đầu suối, đầu thác giữ nguồn nước cho làng; thần lúa và thần hoa màu cho vụ mùa bội thu, cây cối tươi tốt; thần sét ở trên trời sẵn sàng trừng phạt nếu người làm điều xấu; thần đất nắm hết mọi vấn đề xảy ra trên mặt đất... Những thế lực siêu nhiên đó với quyền năng mạnh mẽ có khả năng chi phối sâu sắc đến cuộc sống của con người: Các thần cho mưa thuận gió hòa thì buôn làng giàu có, nếu các thần nổi giận thì buôn làng mất mùa, đói kém, thiên tai, dịch bệnh xảy ra thường xuyên. Từ những quan niệm nói trên mới dần dần xuất hiện nghi thức cúng lễ cho thần linh để đổi lại sự ban phúc cho con người. Lễ vật thì có rất nhiều, có thể dùng thóc gạo, dùng các sản vật săn bắt được trên rừng, cũng có thể dùng thịt các loại động vật thuần dưỡng được như heo, gà và thậm chí là bò. Tuy nhiên, vì địa vị của thần linh là tôn quý, nên lễ vật dâng cho thần linh cũng phải là những lễ vật quý giá nhất mà theo quan niệm của đồng bào Tây Nguyên đó chính là con trâu. Đối với đồng bào nơi đây, con trâu xưa kia không dễ dàng nuôi được, để có được nó, họ phải lặn lội mua từ nơi khác về. Với đặc điểm địa hình và khí hậu khắc nghiệt ở Tây Nguyên, việc nuôi và thuần hóa trâu cũng không dễ nên để có thể sở hữu một con trâu không phải là việc đơn giản. Con trâu vì thế mà càng tăng thêm giá trị.

Vì thế để các thần phù hộ độ trì cho buôn làng thì phải cúng lễ và phải có vật quý giá làm lễ hiến sinh cho Yang. Đó chính là quan niệm có vay có trả vô cùng độc đáo của đồng bào nơi đây.

Nhưng có một khía cạnh khác cũng hết sức đặc sắc trong đời sống tâm linh của cộng đồng Tây Nguyên. Người Bahnar, và cả người Giarai nữa, luôn coi thần linh là bạn bè gần gũi, có thể kết nghĩa anh em, cha con, lại có thể "ly dị", nếu ăn ở giữa thần linh và con người có sự bất hòa. Thậm chí có người còn trả thù thần linh bằng cách bỏ đói, không cúng tế nữa, để chuyển sang thờ phụng một thần linh khác tốt hơn. Sự gần gũi giữa các thần linh và con người tạo nên cuộc sống hồn nhiên, và mùa vui hội hè người ta "ăn" chung với các Atâu (ma) và các Yang (Jàng - thần linh) thông qua nghi thức "ăn trâu". [32]

Do đó, có thể nói, nghi lễ hiến sinh bên cột "ăn trâu" thể hiện *khát vọng* cũng như triết lý sống của các tộc người Tây Nguyên, đó là:

- Khát vọng con người hòa hợp, hòa đồng với tự nhiên: với người Tây Nguyên, con người và thiên nhiên là một, chứ không phân con người là chủ thể còn thiên nhiên là khách thể như tư duy của con người hiện đại. Mỗi năm một lần trong nghi lễ đó con người cầu mong cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, con người mạnh khỏe.

- Khát vọng con người hòa hợp với với thần linh, thông quan với thần linh để cầu mong sự che chở, phù trợ.

- Lễ ăn trâu dù là của mỗi gia đình hay của cả cộng đồng nhưng đều trở thành sinh hoạt tâm linh của cả buôn. Đó là dịp con người không chỉ hòa đồng với thiên nhiên, với thần linh mà hòa hợp giữa con người với con người, cộng đồng này với cộng đồng khác, tạo nên sức mạnh cố kết, nguồn sức mạnh từ ngàn đời nay giúp họ vượt qua những thách đố của tự nhiên, xã hội, chiến tranh.

Ý nghĩa của lễ hội đâm trâu còn được phản ánh qua không khí linh thiêng, đậm chất núi rừng linh ứng, khi vị chủ lễ thông báo tình hình bản làng trong năm, cung thỉnh sự phù hộ của các vị thần linh, ma quỷ về dự lễ, chứng giám cho tấm lòng của dân làng. Hòa cùng với tiếng trống, tiếng chiêng là sự cổ vũ

của dân làng, những chàng trai tay lao, tay giáo nhảy múa xung quanh con trâu tạo một không khí nhiệt huyết, đầy sức sống. Trong những ngày lễ, tiết mục đâm trâu chính là phần không thể thiếu nó thể hiện rõ tính chất của lễ hội. Tất cả hòa vào nhau tạo thành một bản nhạc rộn ràng, đầy lạc quan, báo hiệu những điều tốt đẹp bắt đầu.

Không chỉ có vậy, trong từng phần nghi thức của lễ ăn trâu cũng bộc lộ rõ ràng quan niệm tâm linh đặc sắc của người Tây Nguyên. Chẳng hạn như, ở người Giarai có tục để người thanh niên đâm trâu dùng dao chặt đứt hai chân sau của con vật trước rồi mới đâm một nhát trúng tim con vật luôn. Anh ta phải lựa thế đâm sao cho khi chết đầu con vật nhìn về hướng nhà Rông để tạo điềm báo cho buôn làng rằng năm sau buôn làng nhất định sẽ no đủ, không có thiên tai dịch bệnh nữa. Hay ở người Cơ Tu, khi trâu chết, người ta quan sát xem trâu ngã về phía nào, từ đó thực hiện quan niệm xem vật đoán việc, bởi việc trâu ngã chết có liên quan đến chủ nhà hoặc cả làng. Đây là điềm báo tốt hoặc xấu: nếu trâu chết tốt, tức trâu ngã không đề lên nơi vết đâm, bụng ôm vào cây x'nur, đầu hướng vào nhà chủ hoặc nhà grol (nếu là điềm báo cho làng); trước khi chết, trâu không dẫy đất, không kêu rống là điềm tốt cho nhà chủ; trâu ra máu nhiều, chảy xuống đất, người Cơ Tu tin rằng năm này sẽ được mùa to; còn nếu ngược lại là điềm không tốt cho nhà chủ và dân trong làng. Bởi người Cơ tu quan niệm rằng, trâu rống mà dẫy đất, kêu rống thảm thiết là trâu có nguyện vọng lay đất, kêu trời, việc trâu chết là oan sai. Về sau, chủ nhà hoặc dân trong làng thế nào cũng gặp nhiều bất trắc trong cuộc sống... [26]

Do đó có thể nói lễ ăn trâu qui tụ trong đó những quan niệm nhân sinh độc đáo và triết lý sống sâu sắc của bà con các tộc người Tây Nguyên.

2.3.3. Giá trị văn hóa - nghệ thuật trong nghi lễ ăn trâu ở Tây Nguyên

2.3.3.1. Giá trị văn hóa

Đã có rất nhiều tài liệu, sách báo phê phán gay gắt nghi lễ này và cho rằng nó là một hình thức phản văn hóa không thể chấp nhận được và cần bị đào thải. Có hai luồng ý kiến cho rằng: thứ nhất đâm trâu là dã man, đi ngược lại quy ước

bảo vệ tất cả mọi sự sống trên trái đất của các nhà động vật hoang dã; thứ hai đâm trâu là phí phạm sức kéo, đi ngược lại với truyền thống nông nghiệp Việt Nam coi con trâu là đầu cơ nghiệp, là bạn gắn bó thân thiết của nhà nông mà lại mang giết thịt - như thế là độc ác. Ngoài ra người ta còn cho rằng việc buộc chặt một con trâu vào cái cột không cho nó cơ hội kháng cự trước cái chết là một sự tàn khốc, con người đã quá độc ác trước số phận một con vật hiền lành. Nhưng nếu chúng ta đứng trên lập trường tư tưởng của người Tây Nguyên để suy xét vấn đề thì chắc chắn sẽ có những cách nhìn nhận khác.

Thực chất thì lễ ăn trâu chính là một phần của nghi thức hiến sinh, nghi thức đâm trâu chính là hình ảnh của việc sát tế, sát tế nhằm để cho vật hiến tế trở nên linh thiêng hơn trước khi dâng cúng cho thần. Theo GS. Nguyễn Đức Thịnh thì Tây Nguyên là vùng đất duy nhất không chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ và văn hóa Trung Hoa mà bản thân nó đã hình thành một nền văn hóa riêng biệt nên đã phần nào tránh được tập tục dùng người để hiến sinh. [15] Hay nói cách khác, việc dùng trâu làm lễ hiến sinh chính là sự thay thế cho hiến sinh người, là một bước tiến bộ của nền văn minh cổ ở Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam và Tây Nguyên.

Con trâu ở Tây Nguyên không phải một người bạn lam lũ với nông dân. Câu thành ngữ “con trâu là đầu cơ nghiệp” chỉ đúng với cư dân nông nghiệp trồng lúa nước miền bắc mà thôi. Ở Tây Nguyên, bà con các tộc người bản địa nuôi trâu béo mượt, thậm chí xưa kia còn nuôi hàng đàn lên tới cả trăm con. Nhưng không phải để dùng cày kéo như con bò, mà chỉ dùng vào việc mua bán, đổi chác. Trên hết là làm lễ vật hiến sinh trong các lễ cúng Yang, ít thì một con, nhiều hàng chục con. Nhưng không phải lúc nào người ta cũng ăn trâu, mà người Mnông phải thu hoạch được từ 100 gùi lúa trở lên, khi ấy cần phải tạ ơn xứng đáng với các vị thần đã phù hộ, ban cho một vụ mùa no đủ và dư thừa. Người Bana, Ê đê, Giarai... làm lễ ăn trâu khi dựng được nhà Rông mới hay trong các lễ khác của buôn làng như lễ bỏ mả, lễ cúng bến nước... Tất cả sự kiện lớn của cộng đồng hay của gia đình nếu không có ăn trâu, lễ đó chưa được coi là

lễ trọng, cho dù có thịt vài con bò đi nữa. Người ta cho rằng con trâu không đau khổ mà còn vinh dự vì mình được làm vật hiến sinh cho Yang, là vật mang lại hy vọng về cuộc sống ấm no cho buôn làng năm sau.

“Chỉ tiếc rằng những người làm phim, viết bài về đề tài này, thường không chú ý đến những khía cạnh nhân bản trong tập quán, mà chỉ chú trọng khai thác các hình ảnh đâm, cắt, mổ... để người Tây Nguyên mang tiếng là dã man, là không thượng võ tý nào, khi đâm một con vật đã bị buộc chặt. Người ta không hiểu rằng: nếu để con trâu có cơ hội lồng lên, làm đứt dây buộc, hoặc làm bị thương một ai đó, thì đây là biểu hiện sự bất bình của các thần linh, và tai hoạ sẽ sẵn sàng giáng xuống cộng đồng hoặc gia chủ. Họ lại càng không biết rằng: để tiến hành lễ hiến sinh, người ta đã phải có lời thưa gửi với không chỉ các Yang, mà cả với con vật sẽ hy sinh thân mình vì sự sống còn của buôn làng. Những bài cúng tế, khóc trâu của các thầy cúng, đã trở thành những áng văn chương hoàn mỹ cả về nội dung, vần điệu lẫn câu cú. Đó chính là nét đặc sắc của nền văn minh nương rẫy và tín ngưỡng đa thần, khác với văn minh sông nước ở miền xuôi.” [16].

Nếu có cơ hội được nghe người Tây Nguyên khóc trâu sẽ hiểu một cách thấm thía ý nghĩa của các lễ cúng Giàng, cúng bến nước, bỏ mả, cúng rừng, trong đó có đâm trâu. Bài “khóc trâu” nói lên tất cả ý nghĩa nhân sinh quan, triết lý sống, niềm tin vạn vật hữu linh, mối liên hệ khăng khít giữa con người và muôn vật trong văn hóa Tây Nguyên. Bởi những giá trị rất nhân văn ấy mà nghệ nhân A Tung Vẻh, người tộc người Cơ Tu ở Quảng Nam, đã từng đoạt huy chương vàng tại liên hoan ca múa nhạc dân tộc “Sơn ca 91” tại Đà Lạt, và liên hoan văn hóa công chiêng Buôn Ma Thuật 1993, cũng với bài ca “khóc trâu”. Người Việt khi cắt tiết gà, vịt, khi chọc tiết lợn, đều lắm nhảm khản, “Tao hóa kiếp cho mày”, “hóa sang kiếp khác nhé”, đó cũng là một biểu hiện của niềm tin vào linh hồn [33]. Người Tây Nguyên cũng rất tin vào linh hồn và họ coi con trâu có vai trò vị trí vô cùng quan trọng.

Trong suốt quãng thời gian tồn tại của mình con trâu luôn được đối xử rất đặc biệt. Nó được chăm chút cho béo tốt. Khi được lựa chọn làm trâu hiến, có hẳn một nghi lễ “khóc trâu” riêng với những ca từ chất chứa nhiều cảm xúc. Lúc chuẩn bị đâm, trâu được cúng “hồn trâu”. Khi trâu đã chết nó được coi như một vị thần linh, một người anh hùng đã thay buôn làng làm nhiệm vụ cao cả. Điều đó cho thấy người Tây Nguyên luôn thể hiện một lòng biết ơn chân thành đối với con vật khi nó trở thành vật hiến sinh. Sẽ thật bất công khi đưa ra những nhận xét rằng lễ ăn trâu (đâm trâu) không có gì ngoài bản chất một nghi lễ phản văn hóa.

2.3.3.2. *Giá trị nghệ thuật*

Mọi lễ thức ở Tây Nguyên đều xoay quanh hai trục chính là nông lịch và những mốc quan trọng của vòng tròn một đời người... Ngoài ra còn có các lễ nghi khi tổ chức kết nghĩa với bộ tộc hoặc con người bộ tộc khác, lễ thức liên quan đến những cuộc chiến tranh... Tuy nhiên, điều quan trọng là sau phần lễ thức sẽ đến phần hội. Đây là dịp để cộng đồng chung tay gánh vác, chia sẻ việc chung việc riêng; và đó cũng là môi trường tốt nhất, không gian bền vững nhất cho nghệ thuật diễn xướng sinh sôi, phát triển.

Lễ hội là một trong những hình thức sinh hoạt cộng đồng lớn nhất, phát huy cao nhất truyền thống văn hoá của mỗi tộc người. Lễ và hội Tây Nguyên, đó chính là mảnh đất, là môi trường để văn hóa dân gian sinh sôi, nảy nở, được bảo tồn và phát triển. Cũng từ môi trường này, hàng trăm trường ca - sử thi Tây Nguyên đã ra đời, tồn tại và truyền khẩu qua bao nhiêu thế kỷ trong cộng đồng các tộc người thiểu số. Nói cách khác, do tính cộng đồng trong sinh hoạt ở đời sống mọi vùng trên Tây Nguyên rất đậm, nên các lễ thức thường gắn liền với hội (trừ các lễ quá nhỏ của một gia đình). Bởi đây không chỉ là dịp cầu xin hay tạ ơn các thần linh, mà còn trả nghĩa cha mẹ già, dịp gặp gỡ dòng họ, gia đình, bè bạn... nên giữa các phần nghi lễ, thường có những quãng thời gian thư giãn. Sự xuất hiện của nghệ thuật diễn xướng ca múa nhạc dân gian, các hình thức vui chơi, nhất là hát-kể trường ca, cổ tích, là nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí tinh thần

của con người, là yếu tố để lễ trở thành hội. Chính vì vậy, bên cạnh những giá trị văn hóa, tâm linh, trong không gian của Lễ Ăn trâu (Đâm trâu) người ta dễ dàng bắt gặp sự hiện diện tổng hợp của không chỉ tín ngưỡng, phong tục tập quán, lễ nghi, mà còn của cả nghệ thuật tạo hình, nghệ thuật biểu diễn lẫn sự phát triển mạnh mẽ của các nghề thủ công.

Nghệ thuật tạo hình thông qua công trình sáng tạo “cây nêu” là một ví dụ điển hình. Cây nêu là vật “thông quan ” giữa con người với Yang cho nên bản thân nó vừa phải trang nghiêm thể hiện sự sùng kính của người dân với thần linh nhưng cũng lại rất dân dã, sinh động khi thể hiện cuộc sống hàng ngày của buôn làng. Dưới bàn tay của những người dân tài hoa, những thân cây cứng ngắc, đơn giản bỗng biến thành những công trình sáng tạo độc đáo. Người ta không chỉ chạm khắc tinh xảo những hình đơn giản mà ngay cả những khối hình phức tạp, đòi hỏi sự sinh động cao cũng được lột tả trong những nét chạm vẽ lên thân cây. Đồng bào còn có quan niệm rằng cây nêu càng to càng đẹp thì thần linh càng hài lòng cho nên trách nhiệm đặt lên vai những con người làm công việc này là rất lớn. Không chỉ đáp ứng về những họa tiết trang trí mà cây nêu còn phải đảm bảo độ chắc khi trâu bị đâm lồng lên cũng không làm đổ nó được. Mỗi tộc người lại có một kiểu trang trí cây nêu khác nhau (tuy giống nhau về kết cấu) và đó là cả một công trình sáng tạo tập thể tuyệt vời.

Nghệ thuật biểu diễn trong Lễ Ăn trâu (đâm trâu) vô cùng sống động, mà trong đó âm nhạc và múa hát với âm thanh hỗ trợ của tiếng cồng chiêng là những hoạt động không thể thiếu. Cồng chiêng theo người Tây Nguyên từ lúc ấu thơ cho đến khi nhắm mắt nên trong những dịp vui như thế này lại càng không thể vắng mặt. Trong lễ Ăn trâu (Đâm Trâu) dàn cồng chiêng vang lên theo một trình tự quy định: Mở đầu là tiếng chiêng trầm hùng, uy nghiêm mời gọi thần linh, tổ tiên về dự lễ; phần giữa nghi lễ ban đầu tiếng cồng chiêng nhỏ nhẹ như tâm tình khi cùng con người hát “khóc trâu”; sau đó dồn dập, mạnh mẽ tạo khí thế, thêm lửa cho người thực hiện nhiệm vụ cao cả - đâm trâu; cuối buổi lễ, khi dân làng hòa vào cuộc vui, tiếng cồng chiêng hân hoan như ngấm men say của

rượu cần, ngân nga giữa núi rừng đại ngàn cuồng nhiệt cùng điệu múa xoang tràn đầy niềm tin vào một năm mới ấm no hạnh phúc. Không chỉ có cồng chiêng mà các nhạc cụ khác như trống Bnung, kèn Rlet cũng làm cho hệ thống nhạc khí của buổi lễ thêm linh thiêng và ấn tượng. Đặc biệt kèn Rlet của người M'ông và người Stiêng chỉ được dùng một lần duy nhất trong lễ đâm trâu sau đó vứt đi không sử dụng nữa. Tiếng kèn là tiếng linh thiêng mời gọi thần linh về dự lễ ăn trâu của buôn làng.

Trong lễ Ăn trâu (Đâm trâu) người ta múa xoang không biết mệt mỏi. Những vòng tay, những vai trần tràn đầy sức sống cứ xoay đi theo tiếng nhạc tưởng chừng như không bao giờ muốn dừng lại. Từ điệu múa của những cô gái dịu dàng đến những màn múa khiên giáo mạnh mẽ của các chàng trai tất cả đều được trình diễn hết sức tự nhiên như muốn chứng tỏ sức sống mãnh liệt của buôn làng.

Dưới ánh lửa bập bùng trước sân nhà Rông các già làng lại hát Khan. Họ say sưa kể cho con cháu của mình những câu sử thi hoành tráng về một người anh hùng nào đó của núi rừng Tây Nguyên, về mảnh đất, ngọn núi mà cha ông họ sinh sống đã bao đời nay. Cả buôn làng im lặng như nuốt từng lời già làng vào trong lòng như chưa bao giờ họ thấy chán câu chuyện ấy. Cuộc vui của họ có khi đến hết đêm, lúc những chén rượu đã cạn và tiếng gà rừng báo sáng mới kết thúc.

Cho nên có thể nói, Lễ Ăn trâu (Đâm trâu) là một sự tổng hòa về nghệ thuật các nghi thức, nghi lễ, điệu hát, điệu múa và hoạt động diễn xướng tâm linh của con người.

Tiểu kết chương 2

Lễ ăn trâu (đâm trâu) là nghi lễ dân gian của người Tây Nguyên với những giá trị nổi bật cả về văn hóa, tâm linh và nghệ thuật. Nó tuy phổ biến ở hầu khắp các tộc người cư trú ở dọc dải Trường Sơn - Tây Nguyên nhưng ở mỗi tộc người lại có những nét khác biệt trong quá trình tổ chức nghi lễ chính điều đó làm nên tính đa dạng phong phú cho nghi lễ này khiến cho nó không bị lặp lại một cách nhàm chán.

Tuy nhiên hiện nay, nghi lễ ăn trâu của cộng đồng các tộc người Tây Nguyên - bản sắc Tây Nguyên, vốn di sản quý của Tây Nguyên đang đứng trước nguy cơ bị mai một hoặc bị biến tướng. Do đó, bảo tồn như thế nào và khai thác như thế nào cho hiệu quả đang là một vấn đề đặt ra không chỉ với các cấp chính quyền và ban ngành địa phương mà còn cả với những ai tâm huyết với văn hóa truyền thống của Tây Nguyên.

CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG KHAI THÁC LỄ ĂN TRÂU (ĐÂM TRÂU) VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH

3.1. Thực trạng khai thác Lễ ăn trâu (đâm trâu) trong đời sống và trong du lịch

Cùng với những sự đổi thay khác về phương thức sản xuất, về tập quán, lối sống..., các lễ hội Tây Nguyên nói chung, lễ ăn trâu (đâm trâu) nói riêng, thực tế nhiều năm nay ít thấy hiện diện trong đời sống cộng đồng các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên. Lý giải nguyên nhân của hiện tượng này, PGS. Nguyễn Văn Huy, thành viên Hội đồng Di sản quốc gia cho rằng: “Những biến chuyển lịch sử và kinh tế, xã hội, chính trị và tôn giáo trong những năm gần đây đã tác động mạnh mẽ đến cuộc sống và văn hóa truyền thống, văn hóa của các tộc người bản địa ở Tây Nguyên, trong đó có nghi lễ ăn trâu. Từ khi thống nhất đất nước, chính quyền vận động từ bỏ các nền văn hóa và tín ngưỡng đa thần, theo cách gọi và hiểu thời kỳ đó vốn bị chi phối bởi tư tưởng duy vật tiến hóa đơn tuyến là những phong tục tập quán còn sót lại của thời nguyên thủy, mê tín dị đoan, lạc hậu và lãng phí, trong đó có ăn trâu và các lễ cúng liên quan đến nó. Sau nhiều năm vận động, mà thực chất là cưỡng chế người dân buộc phải từ bỏ văn hóa của mình, một bộ phận người Tây Nguyên đã theo đạo Tin lành và một bộ phận nhỏ theo Công giáo. Những tôn giáo này khuyên con người ta phải tiết kiệm, không uống rượu, không tin vào linh hồn, vì vậy không cúng ma, không cúng Giàng, và từ đó dẫn đến không đánh cồng chiêng (vì đánh cồng chiêng là gọi hồn lên) và không ăn trâu nữa (vì ăn trâu để cúng Giàng, cúng thần linh của núi rừng chứ không phải đâm để mua vui). [33]

Mặt khác vẫn có một bộ phận không nhỏ dân cư tuy không nhận đạo Tin lành nhưng cũng đã phần nào giảm bớt niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên, do tác động của truyền thông đại chúng và của nếp sống hiện đại (như có giếng khoan, máy bơm có thể chủ động nguồn nước), của sự hủy hoại môi trường thiên nhiên do sức ép của di dân (không còn rừng thiêng, không còn rừng)... Sự đổi mới về phương thức sản xuất khiến người ta không phải phụ thuộc vào thần

linh nữa và từ đó không có nhu cầu phải tạ ơn thần linh. Trên tất cả, sự thay đổi trong tín ngưỡng khiến đồng bào xa dần với văn hóa, tín ngưỡng bản địa. Khi tín ngưỡng cổ truyền đã thay đổi, các vị Yang linh thiêng xưa kia không còn hiện diện trong đời sống cư dân, thì việc diễn ra các lễ hội cũng mất hết tính thiêng và ý nghĩa sâu xa cội nguồn của nó.

Bên cạnh đó không thể không nhắc đến một nguyên nhân khác mang tính khách quan từ phía các cấp chính quyền. Đó là do những sai sót, vội vàng trong đánh giá mà rất nhiều lễ hội dân gian ở Tây Nguyên đều bị coi là mê tín dị đoan và cần bị xóa sổ. Người ta không dám khôi phục và tổ chức vì sợ bị coi là tuyên truyền mê tín. Và thế là hàng loạt lễ hội dân gian lần lượt bị xóa sổ hoặc bị rơi vào quên lãng.

Thực trạng khan hiếm lễ hội dân gian nguyên gốc là một thực trạng mà ở đâu cũng gặp. Đến Tây Nguyên bây giờ mà gặp một lễ ăn trâu rất khó, vì đồng bào không tổ chức thường xuyên vào mỗi năm như ngày xưa nữa. Nhưng cũng không hẳn là không thể gặp được một lễ ăn trâu. Có một thực tế là nhiều địa phương đã cấp kinh phí mua trâu, thậm chí các cơ quan cấp tỉnh cũng tài trợ con trâu nhằm vận động người dân đâm trâu trở lại. Cho nên việc các lễ Ăn trâu (đâm trâu) hiếm hoi được tổ chức cũng là các lễ ăn trâu của cán bộ văn hóa theo sự chỉ đạo vì một lý do nào đó chứ không phải của đồng bào, vì Yang hay là vì cầu mong một năm mới ấm no hạnh phúc cho buôn làng. Đa phần các lễ hội đều không xuất phát từ nhu cầu của chính cộng đồng, mà đó là những cuộc trình diễn “lễ hội” để quay phim, hay diễn ra một cách gượng ép và sai lệch, thậm chí “giả vờ cúng” theo hình thức “sân khấu hóa” trong mọi cuộc liên hoan được gọi là “văn hóa”, diễn ra từ Trung ương, vùng miền, đến địa phương. Thậm chí có những lễ hội được các đạo diễn dàn dựng, hướng dẫn nghệ nhân thực hiện theo kịch bản, rồi khoác cho cái tên và tấm áo “lễ hội dân gian” để phục vụ mục đích trục lợi cá nhân.

Trong khuôn khổ Festival công chiêng quốc tế 2009 tại Gia Lai ngày 14-11, đã diễn ra "Lễ đâm trâu mừng chiến thắng" của đồng bào Banar tại Gia Lai.

Hàng ngàn du khách tham dự Festival Công chiêng quốc tế 2009 tại Gia Lai và nhân dân các vùng phụ cận đã đổ dồn về khu du lịch Về Nguồn (thành phố Pleiku) xem lễ đâm trâu của làng Mơ Hra (xã Kông Long Khong, huyện K'Bang-Gia Lai).

Nghi lễ diễn ra khá đầy đủ, chi tiết với các nghi thức: Đánh chiêng mời gọi thần linh, mang rượu, cột trâu, già làng đọc lời khẩn, cúng Giàng trong nhà rông, đâm trâu... Tuy nhiên, vì là lễ phục dựng trong khuôn khổ Festival Công chiêng quốc tế Tây Nguyên 2009 nên thời gian thực hiện được rút ngắn, trâu cũng chỉ là linh vật làm mẫu và bị đâm bằng động tác giả của nghệ nhân. [34]

Bên cạnh việc địa điểm tổ chức trình diễn chưa thỏa mãn được nhu cầu của người xem, (những người đứng ở vòng ngoài không thể xem được) thì việc đâm trâu vờ cũng làm cho du khách rất thất vọng. Thực ra đây cũng là một điều bất khả kháng của Ban tổ chức (bị áp lực của công ước bảo vệ động vật hoang dã và những e ngại đối với những diễn giải về văn hóa của đồng bào Tây Nguyên như những tộc người man dã...). Ban tổ chức đã phải đau đầu để nghĩ ra phương án thuyết phục các già làng để họ đâm trâu vờ.

Phương án 1: Tiêm thuốc mê thế nào đó để khi đâm vờ thì trâu ngã lăn ra.

Phương án 2: Chỉ đâm vờ vào trâu vài cái tượng trưng rồi chuyển sang nghi lễ ăn mừng.

Lúc đầu các già làng không đồng ý vì cho rằng đâm trâu vờ như vậy là đối trá thần linh, sau Ban tổ chức đã thuyết phục họ bằng cách sẽ tặng lại hộ con trâu này để đâm trâu thật tại cộng đồng thì họ mới đồng ý.

Mặc dầu đâm trâu vờ, mặc dù nhiều nghi thức trong nghi trình lễ ăn trâu được "tóm tắt" nhưng du khách vẫn bị hấp dẫn bởi những điệu nhảy và những giai điệu công hoang dã của đại ngàn. [35]

Tuy nhiên, lợi bất cập hại, tại Festival công chiêng quốc tế 2009 khi đưa lễ ăn trâu (đâm trâu) vào biểu diễn, có thể ý tưởng ban đầu của đạo diễn, của ban tổ chức là nhằm giới thiệu một nghi lễ dân gian độc đáo của đồng bào Tây Nguyên nhằm tăng tính "lạ" cho người xem và nhất là bạn bè quốc tế. Ý tưởng

ấy tuy là tốt nhưng lại hoàn toàn tước đoạt đi tính thiêng của nghi lễ, biến nó từ một nghi lễ linh thiêng của cộng đồng mang khát vọng của biết bao con người trong buôn làng về một cuộc sống tốt đẹp trở thành một trò biểu diễn được dàn dựng công phu. Không những thế, trong chương trình còn có phần giới thiệu công khai “ tác giả kịch bản, đạo diễn” Lễ đâm trâu là những cán bộ người Kinh của Sở Văn hóa thể thao và du lịch tỉnh Gia Lai. Những cán bộ này đã làm được một công việc rất tốt là đã viết lời dịch tiếng Banar từng công đoạn, từng lời khấn cho du khách hiểu, song cũng cần phải khẳng định rằng dù có trình độ đến đâu chăng nữa, dù có gắn bó với mảnh đất Tây Nguyên, thông hiểu con người Tây Nguyên đến thế nào, cũng không một ai có thể “đạo diễn” thay nghi lễ cổ truyền của cộng đồng dân cư địa phương. Từ một nghi lễ cổ truyền được ghi nhớ sâu sắc trong tâm khảm nay lại biến thành một kịch bản hoành tráng trên giấy tờ và có tên của “tác giả kịch bản, đạo diễn”, và như vậy từ một nghi lễ dân gian của cả cộng đồng người nó lại biến thành một sản phẩm riêng mang tính cá nhân và có thể phải “cấp bản quyền”. Hơn thế nữa, tổ chức “Lễ đâm trâu vờ” (ngay cả tên gọi đã không chính xác theo cách gọi của người Tây Nguyên) vì lo ngại du khách quốc tế coi việc sát sinh là dã man, các cán bộ của Sở văn hóa đã bỏ qua giá trị thiêng liêng đích thực của tín ngưỡng vạn vật hữu linh đã tồn tại hàng ngàn đời nay trên mảnh đất Tây Nguyên, đồng thời cũng vô tình gây nên một mối bất bình ngầm ngấm trong cộng đồng các tộc người ở Tây Nguyên vì đã ép buộc họ phải “giả dối với các vị thần linh”.

Tiếp theo sau sự kiện “lễ đâm trâu” của người Banar được phục dựng tại Festival công chiêng quốc tế ngày 14-11-2009, ngay sau đó ngày 29/11/2009, tại sân vận động Di Linh, huyện Di Linh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lâm Đồng đã tổ chức nghi lễ đâm trâu của người K’ho.

Đây là hoạt động nằm trong khuôn khổ lễ hội công chiêng Lâm Đồng lần II diễn ra trong hai ngày 28 và 29/11/2009 với 11 đoàn tham dự. Đến với lễ hội có 300 nghệ nhân đến từ 11 đoàn trong địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Tại buổi lễ, các trò chơi dân gian như bắn nỏ, đẩy gậy, kéo co, các hoạt động văn hóa văn nghệ

như diễn tấu công chiêng, âm thực, trò chơi dân gian, dân ca, dân vũ... cũng được tổ chức với sự tham gia nhiệt tình của 11 đoàn. [13]

Đọc những thông tin trên, chúng ta nhận thấy ngay những điều nghịch lý, thông thường đồng bào Tây Nguyên chỉ tổ chức Lễ ăn trâu vào các dịp mừng lúa mới, lễ cúng bến nước, lễ cúng rừng... nhưng nay lại được tổ chức để tham gia biểu diễn trong khuôn khổ một lễ hội để vinh danh một loại hình nghệ thuật khác đó là công chiêng. Hơn nữa, đồng bào thường tổ chức ăn trâu từ tháng 12 đến tháng 3 âm lịch hàng năm chứ không phải vào thời gian khi diễn ra lễ hội trên. Một vấn đề nữa khiến cho những người có tâm huyết với lễ ăn trâu của Tây Nguyên phải suy nghĩ đó là lại một lần nữa, người tổ chức là Sở văn hóa thể thao và du lịch Lâm Đồng chứ không phải cộng đồng tộc người K'ho.

Tiếp theo lễ ăn trâu của người Banar, người K'ho, lễ ăn trâu của người Gia Rai cũng được quan tâm phục dựng và đưa vào giới thiệu tại Ngày hội văn hóa thể thao các dân tộc tỉnh Kon Tum với chủ đề “Kon Tum- Vùng đất huyền thoại”, khai mạc tối 22/11/2010 tại Thành phố Kon Tum. Đây là hoạt động chào mừng Ngày di sản văn hóa Việt Nam 23/11.

Tham gia ngày hội có trên 200 nghệ nhân, vận động viên đến từ 9 huyện, thành phố, đại diện cho 5 tộc người anh em sinh sống trên địa bàn tỉnh, gồm: Xơ Đăng, Ba Nar, Giẻ Triêng, Gia Rai và B'râu. Ngay sau lễ khai mạc, các nghệ nhân tộc người Xê Đăng đã trình diễn những bộ trang phục cổ, giá trị tương đương vài chục con trâu. Các nghệ nhân Giẻ Triêng mang đến ngày hội những bộ chiêng quý, âm thanh vang động núi đồi... Đêm khai mạc cũng thêm long trọng với phần tái hiện nghi thức Lễ ăn trâu của tộc người Gia Rai, lễ mừng lúa mới của dân Ba Nar. [36]

Như vậy có thể thấy, lại một lần nữa nghi lễ cổ truyền của đồng bào Tây Nguyên lại được đem ra biểu diễn trên sân khấu, và lại rơi vào khoảng thời gian không phải mùa hội ở Tây Nguyên.

Cách đây khoảng 2 năm, một lễ Ăn trâu (Đâm trâu) được tổ chức mừng nhà Rông mới tại buôn của đồng bào Gia Rai là làng Doách (đọc theo tiếng

Việt là Toách) xã Ia Vê, huyện Chư Prông, Gia Lai. Ia Vê có 15 thôn làng, trong đó 10 thôn là đồng bào Gia rai sinh sống, 5 thôn kinh tế mới, nhưng đã có 5 thôn làng được công nhận thôn làng văn hóa, trong đó có một thôn là làng văn hóa cấp tỉnh... Nhờ thành tích ấy mà lễ ăn trâu được tổ chức, không cần biết có vào mùa hội hay không. Khi vào nghi lễ, thầy cúng khẩn rằng: *Hôm nay làng có cái nhà Rông mới, của “nhà nước” bộ và “nhà nước” tỉnh cho. Làng tổ chức ăn trâu. Mời các Yang về chứng giám. Có rượu, gạo, muối. Có chiêng, xoang. Có lòng thành của bà con dân làng. Con trâu này sẽ thay mặt dân làng tỏ tấm lòng của dân làng với Yang. Mong Yang cho mưa thuận gió hòa, buôn làng yên ổn. Mong cho những người xấu, những người có bước chân không cùng bước chân với dân làng, hãy nghĩ cùng một bụng, bước cùng một bước, nói cùng một miệng với dân làng... O Yang...* Lời cúng nghe gượng ép, không còn những nghi lễ linh thiêng như trong kí ức của các già làng. [37]

Nhờ sự tài trợ và vận động của các cấp và ban ngành địa phương, gần đây lễ ăn trâu đã được tổ chức nhiều hơn tại các buôn làng của người Tây Nguyên, thường nhân dịp chào mừng một thành tích hay một sự kiện văn hóa nào đó. Việc tổ chức diễn ra tương đối long trọng nhưng chỉ chú trọng phần ăn uống chứ không coi trọng những nghi thức cổ truyền vốn có. Theo sự chỉ đạo của cán bộ ngành văn hóa, người ta thực hiện tất cả những nghi lễ nhưng không đâm trâu. Sau màn đâm giả vờ, họ liền mang trâu đi giết thịt rồi ăn uống. Những nghi lễ như vậy vừa tẻ nhạt vừa không tạo được sự thăng hoa, không phải là cảm xúc thật của người dân và đặc biệt là thiếu hẳn mối cộng cảm, sự cộng mệnh đã gắn bó người dân từ bao đời nay. Nghi lễ kiểu này không những tốn kém mà nguy hiểm hơn nó còn làm sai lệch hoàn toàn nội dung ý nghĩa tâm linh mà bản thân lễ ăn trâu (đâm trâu) luôn mang bên mình.

Bên cạnh đó, có những lần lễ Ăn trâu được tổ chức mà khiến người xem la ó, sợ hãi, lên án phải xóa bỏ ngay vì họ cho rằng nó quá dã man, vì cái mà họ nhìn thấy chỉ đơn giản là màn chém giết man rợ được nhấn mạnh, các lễ thức trong nó được cắt gọt hết đi cho ngắn gọn chứ không phải cái ả ý tâm linh bên

trong lòng nó. Đặc biệt là Nghi thức khóc trâu thường bị cắt đi vì sợ các vị đại biểu ngồi lâu chờ đợi. Nếu những người tổ chức trả nghi lễ này về với nguyên bản của nó, trả lời được câu hỏi: Ăn trâu nhằm mục đích gì thì có lẽ sẽ không có những cách hiểu sai lệch và làn sóng phản đối trong dư luận. Hơn nữa, một nhà nghiên cứu văn hóa dân gian nổi tiếng là GS. Ngô Đức Thịnh cũng đã nói bản thân ông khi tham dự nghi lễ này không hề có cảm giác thấy đó là dã man, và ông cho rằng nếu những người nước ngoài có dịp tham dự nghi lễ thật sự của người Tây Nguyên, họ cũng sẽ không hề có suy nghĩ ấy bởi chính giây phút người ngoài nhìn thấy là cả cộng đồng hò reo khi trâu bị đâm, thật ra là khi cảm xúc lên đến đỉnh điểm, khi con người thăng hoa đạt được sự hợp nhất[14]. Ngoài ra, GS. Ngô Đức Thịnh cũng cho rằng: Nghi lễ đâm trâu mà chúng ta được xem qua tivi, thật ra không phải nghi lễ ăn trâu, mà chỉ là việc dựng lại lễ đâm trâu phục vụ du lịch, nói cách khác là thứ nghi lễ "rởm", nên người xem sẽ không thể cảm nhận được xúc cảm rất thiêng liêng của cộng đồng đó. [15]. Như vậy có thể thấy, chính việc thực hiện sai nghi lễ đã dẫn tới việc nghi lễ này bị hiểu sai hoàn toàn về bản chất.

Nói cách khác, chúng ta có thể thấy UNESCO đã rất tinh trong việc công nhận “Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên” là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại vì “Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên” thì chỉ có một nhưng cồng chiêng Tây Nguyên thì có rất nhiều. Nó chỉ có thể trở thành di sản văn hóa khi được đặt trong một không gian phù hợp đó là đất, là rừng, là thế giới tâm linh của người bản địa, là đại ngàn Tây Nguyên hùng vĩ. Lễ Ăn trâu (Đâm trâu) cũng thế. Nếu mất đi không gian văn hóa Tây Nguyên thì giá trị của nó không có gì ngoài một sự đâm chém động vật dã man. Chính việc không thực hiện cúng mà chỉ đâm trâu là tước đoạt tính thiêng nguyên gốc của nó, là bất kính và cũng là xúc phạm tới văn hóa bản địa.

Từ những thực trạng của Lễ Ăn trâu (Đâm trâu) ở các Festival, ngày hội văn hóa... mà ta thấy được một điều đáng buồn. Đó chính là hiện tượng “sân khấu hóa” lễ hội đang diễn ra một cách ngang nhiên và phổ biến. Nó giống như

một trò biểu diễn trục lợi hoặc quảng cáo một cách vô thức. Từ một không gian giữa núi rừng đại ngàn, trước sân nhà Rông ẩm cúng và linh thiêng cùng với sự sùng kính của dân làng, lễ ăn trâu được mang ra một sân khấu rộng lớn, loa đài âm ỉ, đèn sân khấu sáng trưng, cúng nhanh gọn và đậm giả vờ. Do đó, dần dần trong mắt người xem, lễ ăn trâu không còn là một nghi lễ truyền thống đặc sắc, nơi kết tinh tài hoa nghệ thuật và đời sống tinh thần của người Tây Nguyên mà đã biến thành một trò biểu diễn mua vui cho thiên hạ?

Chính vì không hiểu đúng và hiểu đủ về Lễ ăn trâu của đồng bào Tây Nguyên nên trong rất nhiều bài báo đều đưa ra ý kiến là nên xóa bỏ hẳn nghi lễ này vì tính dã man và phản văn hóa của nó. Họ còn cho rằng nghi lễ này nếu còn tồn tại sẽ vi phạm nghiêm trọng đến qui ước bảo vệ động vật của thế giới. Không chỉ dừng lại ở việc dùng dư luận báo chí mà tại kỳ họp Quốc hội năm 2009, có đại biểu còn mang vấn đề này ra trước Quốc hội để họp bàn và xin ý kiến của Quốc hội. Đại biểu Đinh Xuân Thảo nêu kiến nghị của cử tri tỉnh Kiên Giang, nhân năm Kỷ Sửu, từ nay nên bỏ lễ hội đâm trâu ở Tây Nguyên và chặt đầu trâu trong lễ hội chọi trâu ở Đồ Sơn (Hải Phòng) vì con trâu là loài vật gắn bó với người nông dân và là biểu tượng văn minh lúa nước lâu đời ở Việt Nam. Còn đại biểu Quốc hội Trần Thị Quốc Khánh cũng dẫn ý kiến nhiều cử tri về một số lễ hội “chém lợn”, “chọi trâu”... gây tâm lý ghê sợ, khuyến khích bạo lực, thể hiện nét man rợ cổ xưa. Theo đại biểu nhiều du khách nước ngoài đến Việt Nam cũng không thích những lễ hội này: "Chính phủ đang chuẩn bị tổ chức Năm Du lịch Quốc gia 2010. Vậy, có thể mạnh dạn loại bỏ các lễ hội như “chém lợn”, “chọi trâu” và Bộ trưởng sẽ làm gì để hạn chế việc đó?", đại biểu Khánh chất vấn. [45]. Trong văn bản trả lời của Bộ trưởng Bộ văn hóa thể thao và du lịch, mặc dù cho rằng đây là một trong những lễ hội cổ truyền quý giá của người Tây Nguyên, thể hiện sâu sắc tín ngưỡng và văn hóa bản địa của họ, nhưng Bộ trưởng cũng khẳng định rằng trong năm 2010 này sẽ không có việc tổ chức Lễ đâm trâu. (?) Do đó, có thể thấy rằng việc trả lại cho nghi lễ này những giá trị

đích thực của nó để xóa bỏ đi những hiểu lầm không đáng có của công chúng là một việc làm cấp thiết hơn bao giờ hết.

Gần đây, khách du lịch và công chúng có may mắn được chứng kiến một lễ ăn trâu được tái hiện gần như nguyên gốc. Nói là gần như vì ngoài không gian tổ chức không phải của núi rừng Tây Nguyên, còn lại từ người tổ chức, thực hiện cho đến trình tự nghi thức, nghi lễ đều mang giá trị chân thực sinh động. Đó là Lễ ăn trâu được đồng bào B'rau, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum - một tộc người chỉ còn khoảng 330 người, được nhận định là 1 trong 5 tộc người ít người nhất Việt Nam - tự nguyện tổ chức theo phong tục truyền thống của họ nhân dịp về làng mới tại Làng Văn hóa Du lịch các dân tộc Việt Nam, Đồng Mô, Ba Vì (Hà Nội).

Lễ đâm trâu mừng làng mới của tộc người B'rau tại Làng Văn hoá các dân tộc Việt Nam được bắt đầu vào lúc 15 giờ ngày 18-4-2011 với lễ động thổ trồng nêu, cúng thần và cắt tiết gà. Sau đó bà con thức suốt đêm đánh cồng chiêng, đốt lửa, múa hát dân ca, dân vũ, dân nhạc và khóc trâu. Thông qua “khóc” tế, họ kể về nỗi khổ ải do thiên tai, mất mùa không có cái ăn, cái mặc. Bệnh tật ốm đau không có tiền mua thuốc chữa... Khóc trâu tế còn biểu lộ tình cảm yêu thương, hương con trâu cả một đời lam lũ vì con người, nay phải hiến dâng cho thần linh, cho Giàng.

Đúng 8 giờ 30 phút ngày 19-4, bà con bắt đầu làm Lễ Đâm trâu. Già làng chuẩn bị mâm Lễ tế Giàng gồm có gạo, 7 cây nén, sợi thuốc lá (mời Giàng hút), cùng cành lá rừng để làm phép lúc đâm trâu. Gạo sẽ được họ rắc lên đầu của trâu thần (trâu tế), nén được cắm lên đầu trâu, cùng với đó là những lời “thần chú”, lời thỉnh bái Giàng và các thần về phù hộ cho Làng được ấm no, hạnh phúc, cho người B'rau được khỏe mạnh... Người thanh niên khỏe mạnh nhất làng sẽ dùng dao đâm nhát dao đầu tiên trong Lễ Đâm trâu. Khi trâu té ngã xuống, người B'rau sẽ cắt phần đuôi, tai, thân và bộ phận sinh dục của trâu tế đặt lên cây nêu, bàn thờ Giàng. Tiếp đó, con trâu bị giết được đem xẻ thịt

chia cho các nhà trong buôn làng cùng liên hoan. Sau phần lễ là tụ hội ca hát, nhảy múa, đánh công chiêng kéo dài tới một ngày đêm... [38]

Lễ ăn trâu của người B'rau kể trên có thể xem như một thành công của việc đưa lễ ăn trâu vào khai thác phục vụ trong du lịch. Với không gian tổ chức là tại Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam ở Đồng Mô, Ba Vì, đây là một địa điểm thuận lợi để thu hút du khách trong và gần khu vực Hà Nội đến tham quan, tìm hiểu. Mặt khác, do mục đích tổ chức phù hợp với tín ngưỡng bản địa của người B'rau (nhân dịp mừng nhà mới, làng mới) và được họ tự nguyện tổ chức, không có yếu tố của sân khấu hóa lễ hội nên đã để lại nhiều ấn tượng khó quên trong lòng du khách. Có thể nói, để lễ ăn trâu đến được với đông đảo du khách hơn và được hiểu theo đúng ý nghĩa tâm linh và giá trị đích thực của nó, rất cần những mô hình như thế này.

3.2. Định hướng bảo tồn và khai thác Lễ ăn trâu trong phát triển du lịch Tây Nguyên

3.2.1. *Khôi phục và bảo tồn các giá trị nguyên gốc của Lễ Ăn trâu (Đâm trâu)*

Lễ ăn trâu (đâm trâu) cũng giống như bao nghi lễ dân gian khác của văn hóa Việt đang rơi vào tình trạng bị mai một nghiêm trọng. Từ thực tế tiêu cực hiện nay vẫn đang diễn ra hàng ngày hàng giờ đòi hỏi chúng ta phải nhanh tay giữ lại nghi lễ truyền thống ấy trước khi nó hoàn toàn biến mất.

Trước hết, nghi lễ này cũng giống như các vấn đề khách quan khác đòi hỏi chúng ta phải có một góc độ nhìn nhận chính xác. Nếu ta chọn sai góc độ nhìn nhận thì vấn đề sẽ đi theo một chiều hướng khác. Nếu chúng ta lấy Công ước bảo vệ động vật ra nhìn nhận và đối chiếu thì tất nhiên nghi lễ này có chứa đựng việc giết hại động vật là đúng. Khi nhìn bằng con mắt của người Kinh - những người vốn luôn coi trọng con trâu (con trâu là đầu cơ nghiệp) thì đúng là người Tây Nguyên quả là lãng phí của cải và đã man khi giết hại con vật thân thiết với mình... Nhưng nếu đứng trên quan niệm của người Tây Nguyên nhìn nhận vấn đề này thì sẽ có kết quả như thế nào?

Con người dù sinh ra ở đâu, thời điểm nào, cuộc sống vật chất có thiếu thốn hay đầy đủ giàu có thì vẫn cần phải có một chỗ dựa về tâm linh. Tín ngưỡng đa thần tồn tại song song với con người ngay từ khi khởi thủy đến nay, mỗi tộc người đều có đối tượng để suy tôn và thờ cúng. Người Kinh có Đức Phật, có Chúa Trời... thì người Tây Nguyên có Yang. Yang sống trong lòng người Tây Nguyên từ thời xa xưa, Yang hiện diện một cách đầy đủ trong cuộc sống của đồng bào về mọi mặt. Đồng bào quan niệm Yang cho họ cuộc sống ấm no hạnh phúc cho nên việc đồng bào tổ chức nghi lễ tạ ơn Yang cũng là một điều hết sức bình thường. Người Kinh có thể mang lễ vật cúng Phật thì tại sao lại không cho người Tây Nguyên cúng Yang bằng trâu của họ? Nếu đứng trên góc nhìn của người Tây Nguyên, am hiểu văn hóa Tây Nguyên thì giá trị tâm linh, văn hóa, nghệ thuật, điển xướng của lễ ăn trâu (đâm trâu) sẽ được nhìn nhận một cách rõ nét. Với người Tây Nguyên, nghi lễ ăn trâu thể hiện rất rõ khát vọng và triết lý sống của họ nên việc có xóa bỏ lễ ăn trâu (đâm trâu) hay không hãy để cho người Tây Nguyên tự quyết định chứ người Kinh không thể vào cuộc được. Cái chúng ta nhìn thấy qua tivi, báo đài không phải là nghi lễ ăn trâu cổ truyền đầy đủ của đồng bào Tây Nguyên mà thực chất nó là một sản phẩm dàn dựng được đẽo gọt, cắt xén đi cho phù hợp với thời gian, chương trình biểu diễn nhằm kiếm lợi hoặc lấy thành tích. Lễ Ăn trâu (đâm trâu) là một ví dụ cho cả văn hóa Tây Nguyên nói chung. Chúng ta phải tôn trọng quyền của chủ thể văn hóa - quyền của con người Tây Nguyên với văn hóa của họ. Họ là người cuối cùng quyết định văn hóa đó tồn tại hay không tồn tại. Trả lời cho vấn đề này, PGS. Nguyễn Văn Huy đã nói: “Lâu nay, chúng ta vẫn quen với việc dùng lăng kính của người Kinh để nhìn nhận và phán xét văn hóa của các tộc người khác. Chúng ta luôn làm cái việc nhìn văn hóa theo quan điểm tiến hóa luận đơn tuyến, chỉ thấy mặt tiến bộ hay lạc hậu, nên suy nghĩ cái lạc hậu phải bỏ đi, mà chưa thấy bản chất văn hóa là đa dạng. Chưa kể, văn hóa là một hệ thống, tục “ăn trâu” là một yếu tố trong hệ thống văn hóa, khi chúng ta làm biến đổi một phong tục, thì phải chú ý tính hệ thống” [39]

Cùng chung quan điểm với PGS. Nguyễn Văn huy, theo GS. Ngô Đức Thịnh, với văn hóa cổ truyền, chúng ta có 3 kiểu ứng xử: Thứ nhất, cái gì có hại, đặc biệt nguy hiểm, cản trở đời sống, thì có thể thông qua vận động, khi cần cũng có thể áp đặt, ví dụ quan niệm về ma lai rất nguy hiểm, ảnh hưởng đến mạng sống của những người bị cho là ma lai, thì thông qua vận động bà con, thông qua pháp luật để chấm dứt. Thứ hai, phong tục tích cực, phù hợp với xã hội hiện đại, ta nên hỗ trợ họ tìm mọi cách để duy trì, phát huy. Thứ ba, có một loại chẳng có hại, chẳng có lợi, thì hãy để xã hội tự vận động. Khi nào xã hội thay đổi, thì chức năng đó sẽ tự mất đi, không nên can thiệp thô bạo.[15]

Áp vào trường hợp cụ thể của lễ ăn trâu, chúng ta sẽ tìm được cách ứng xử phù hợp. Không thể coi lễ ăn trâu là đặc biệt có hại, nguy hiểm, cản trở đời sống được.). Lễ ăn trâu (đâm trâu) nằm trong hệ thống văn hóa dân gian Tây Nguyên, nếu nó mất thì những cái khác trong hệ thống văn hóa ấy sẽ như thế nào?

Do đó, việc cần làm trước tiên là phải xác định đúng đắn định hướng bảo tồn và khai thác đối với Lễ ăn trâu của đồng bào Tây Nguyên, cần phải trả lại cho nghi lễ này những giá trị nguyên gốc đích thực của nó. Khôi phục và bảo tồn Lễ ăn trâu (đâm trâu) phải bắt đầu ngay từ những cái nhỏ nhất. Cái nhỏ nhất ở đây chính là tên gọi của nó, gọi thế nào cho đúng với chất nguyên bản và nội dung mà nó hàm chứa. “Lễ hội đâm trâu” là cách hiểu sai, gọi sai về nghi lễ này nhưng nó vẫn tồn tại và được sử dụng làm tiêu đề của rất nhiều tài liệu, sách báo khi nói về Lễ ăn trâu (đâm trâu) ở Tây Nguyên. Chính tên gọi này đã biến một nghi lễ linh thiêng trở thành một lễ hội có tính chất giải trí, cũng chính tên gọi này đã khiến cho người ta hiểu nhầm hoạt động chính trong nghi lễ chỉ có đâm trâu, mà đâm trâu là dã man, là cần phải xóa bỏ...

Việc cần làm thứ hai là phải có thái độ tôn trọng văn hóa bản địa Tây Nguyên, tôn trọng nghi lễ và tín ngưỡng của họ. Từ chỗ tôn trọng nghi lễ phải để nghi lễ này diễn ra một cách tự nhiên. Điều đó có nghĩa là chỉ cộng đồng nào thực sự có nhu cầu muốn tổ chức lễ ăn trâu để cúng Yang theo tín ngưỡng vạn vật hữu linh và phải do họ tự vận động, tự tổ chức, mới nên tiến hành. Triệt để

chấm dứt mọi hình thức tổ chức nghi lễ này theo kiểu được các cơ quan, các cấp các ngành văn hóa và không văn hóa (các cơ quan cấp tỉnh kết nghĩa với từng địa phương) “hỗ trợ” về kinh phí, vận động, tài trợ cho các buôn làng tổ chức đâm trâu không ý nghĩa, không mục đích, phản truyền thống, chỉ là một tiết mục nhằm mua vui cho người Kinh, hay báo cáo thành tích (là đã có các hoạt động giao lưu với cộng đồng địa phương) trong các kỳ, các cuộc kỷ niệm các ngày lễ quốc gia... Việc làm này phải triệt để xóa bỏ vì nó làm nguy hại nghiêm trọng đến nghi lễ truyền thống. Kiểu tổ chức như thế giống như một hình thức “đùa vui” với văn hóa tâm linh bản địa. Yang không thể mang ra làm cái cớ, làm bình phong cho một số người muốn lấy thành tích được. Bên cạnh đó, cần phải xóa bỏ những lễ ăn trâu (đâm trâu) được tổ chức một cách “méo mó”, không thể cho phép những người không am hiểu gì về văn hóa, tín ngưỡng tâm linh bản địa và đặc biệt là am hiểu sâu sắc về nghi lễ này hô hào tổ chức. Đồng thời, cũng không thể chấp nhận và cho tổ chức những Lễ Ăn trâu (đâm trâu) mà ở đó phần lớn những gì coi là linh thiêng, là linh hồn của buổi lễ đã bị “cắt xén” và “đẽo gọt” đi hết, chỉ còn lại màn ăn uống linh đình mới được coi là trọng tâm của buổi lễ. Nói cách khác, cần phải giữ lại nguyên gốc các giá trị của Lễ ăn trâu, từ quan niệm và tín ngưỡng vạn vật hữu linh, từ mục đích tổ chức, người tổ chức và đặc biệt là hệ thống nghi thức, nghi lễ...

Ngoài ra, việc mang lễ ăn trâu (đâm trâu) tới các Festival, những dịp liên hoan lớn là không cần thiết, bởi vì khi mang lễ ăn trâu (đâm trâu) tới các Festival này chính là đã biến một nghi lễ dân gian thành một màn kịch được dàn dựng mà quên hết những gốc gác cội nguồn linh thiêng của nó. Có thể bao biện rằng việc làm này nhằm mục đích giới thiệu và quảng bá văn hóa Tây Nguyên tới các cộng đồng người thuộc các vùng miền khác nhưng cách làm đó không những không hiệu quả mà còn gây tác dụng ngược lại. Thực trạng của lễ ăn trâu (đâm trâu) tại Festival công chiêng Tây Nguyên năm 2009 là một minh chứng rõ rệt. Các nhà tổ chức làm tượng lễ ăn trâu (đâm trâu) mà họ tổ chức vô cùng quy mô và hoành tráng đã thành công nhưng sự thật nó đã gây ra sự bức xúc trong

đur luận và đặc biệt là sự phản ứng rất gay gắt của các nhà nghiên cứu văn hóa. Triệt để chấm dứt việc tổ chức “lễ hội” đâm trâu ở các sự kiện văn hóa khu vực quy mô lớn, vì đó là sân khấu hóa văn hóa, mang nghi lễ truyền thống đi “diễn” một cách vô hồn, lệch lạc, hay nói cách khác là giả văn hóa mà phản tác dụng vì không những không nêu bật lên được cái đẹp và giá trị nhân văn của lễ Cúng Giàng, lễ bỏ mả trong đó có đâm trâu mà ngược lại, khuyến khích những cảm xúc vị tộc, những ác cảm, thành kiến sai lầm do công chúng không có đủ thông tin về “lễ hội”.

Một trong những giải pháp không kém phần quan trọng để góp phần vào việc bảo tồn nguyên gốc giá trị của lễ ăn trâu, đặc biệt là trong mắt khách du lịch đó là cần phải nâng cao nhận thức của giới truyền thông (báo chí, đài, vô tuyến truyền hình...) và giới kinh doanh du lịch về Chân và Giả trong việc này. Đây là tiền đề vô cùng quan trọng để bảo vệ văn hóa địa phương khỏi sự xâm hại của truyền thông (media) thiếu hiểu biết và thiếu tôn trọng. Bên cạnh đó, có thể nâng cao nhận thức của công chúng về tôn trọng sự đa dạng và khác biệt, bắt đầu từ nhà trường phổ thông, bậc mầm non tiểu học thông qua những bài học đầu tiên về văn hóa địa phương mình và tôn trọng văn hóa của các tộc người khác.

Tuy nhiên, với tình hình thực tế ở Tây Nguyên để có thể thực hiện tốt công tác bảo tồn, phải gấp rút xây dựng một đội ngũ trí thức văn hóa Tây Nguyên là người bản địa. Chỉ có người bản địa mới là đối tượng thích hợp nhất trong việc tự bảo vệ lấy văn hóa truyền thống của tộc người mình. Các cán bộ người Kinh dù có tài giỏi đến đâu cũng không thể thay thế đồng bào trong việc gìn giữ văn hóa của họ được. Với những cán bộ văn hóa người bản địa này, vừa được đào tạo về nghiệp vụ, vừa có sự am hiểu thích đáng về văn hóa tộc người, chắc chắn sẽ đảm bảo thuyết phục được bà con tin và làm theo.

Ngoài ra, Nhà nước cần kết hợp với các cơ quan quản lý văn hóa các cấp tổ chức các lớp tập huấn nhằm giáo dục về giá trị văn hóa truyền thống cho thanh niên trong các buôn làng để họ giác ngộ và có những thái độ, cái nhìn tích cực mà không quay lưng với văn hóa truyền thống của mình.

3.2.2. Khai thác Lễ ăn trâu phục vụ phát triển du lịch theo hướng bền vững

Tây Nguyên là một vùng đất dày đặc các tài nguyên du lịch đan xen nhau. Không chỉ đồ sộ với một nền văn minh lâu đời mà ở đây các danh lam thắng cảnh cũng nổi bật không kém. Hoạt động du lịch cũng đã xuất hiện trên mảnh đất này từ lâu và cũng đã đạt được hiệu quả không ít. Bên cạnh những điều đã đạt được cũng có rất nhiều tiêu cực đáng tiếc nảy sinh mà nguyên nhân chủ yếu có lẽ bắt nguồn từ chính những lợi ích mà du lịch mang lại và những suy nghĩ, hiểu biết còn sai lệch. Giải pháp tối ưu nhất cho việc phát triển du lịch ở Tây Nguyên đạt hiệu quả cao chính là phát triển du lịch bền vững.

“Du lịch bền vững là du lịch mà giảm thiểu các chi phí và nâng cao các lợi ích tối đa của du lịch cho môi trường tự nhiên và cộng đồng địa phương và có thể được thực hiện lâu dài nhưng không ảnh hưởng xấu đến nguồn lợi mà nó phụ thuộc vào” [42]. Lâu nay trên lý thuyết, du lịch bền vững vẫn được xem như một hình thái lý tưởng để kinh doanh, phát triển du lịch đạt hiệu quả cao và giảm thiểu được nhiều tiêu cực. Từ thực tế thì môi trường Tây Nguyên chính là một nơi lý tưởng để áp dụng chiến lược du lịch bền vững. Thạc sĩ Hoàng Hương - Trưởng phân viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại TP. HCM, Viện văn hóa Nghệ thuật Việt Nam cho rằng: chìa khóa để phát triển bền vững không gian văn hóa công cộng cũng như các di sản khác ở khu vực Tây Nguyên là phân chia hài hòa bốn lợi ích: du khách, cộng đồng địa phương, chính quyền địa phương và các doanh nghiệp du lịch. [40]

Hiện trạng khai thác lễ ăn trâu (đâm trâu) cho hoạt động du lịch hiện nay rất lộn xộn và không được quan tâm đúng mực cũng như quản lý chặt chẽ. Nếu một đoàn khách đông có nhu cầu, công ty du lịch có thể đáp ứng hợp đồng của họ vào bất kỳ thời gian nào, không tuân thủ theo những nghi lễ bắt buộc vốn có; được tổ chức chỉ có khoảng 3 tiếng và kết thúc bằng màn ăn uống no say linh đình tại “nhà Rông” mà thực chất là một nhà hàng xây theo kiểu mô phỏng. Trên thực tế, đây cũng chỉ là nghi lễ mô phỏng, và những “diễn viên” tham gia biểu diễn trong đó cũng được hợp đồng từ trước và có khi không hoàn toàn là người

dân tộc. Du khách bị hấp dẫn bởi màn đêm trâu chừ hầu như không được nghe nói về tín ngưỡng tâm linh của buổi lễ nên dễ dẫn đến tâm lý sợ hãi, lên án đòi xóa bỏ lễ Ăn trâu (đâm trâu)... Tất cả những điều đó chỉ càng làm cho lễ ăn trâu (đâm trâu) từ một nghi lễ tâm linh trở thành một sản phẩm hàng hóa có tác dụng giải trí giống như bao sản phẩm khác. Vì thế để xóa bỏ những điều đó thì vận dụng chiến lược du lịch bền vững là hợp lý.

Các nhà kinh doanh du lịch phải có “cái bắt tay” chặt chẽ với chính quyền, và người dân địa phương trong việc khai thác Lễ Ăn trâu (đâm trâu) cho hoạt động du lịch. Về phía các doanh nghiệp lữ hành trước hết là phải tôn trọng tính nguyên gốc của nghi lễ, không được phép can dự làm biến dạng nghi lễ theo ý của mình, tôn trọng ý kiến của người dân bản địa, thực hiện tốt việc tuyên truyền, giới thiệu cho khách du lịch những giá trị độc đáo của lễ ăn trâu (đâm trâu) để từ đó văn hóa dân gian truyền thống của Tây Nguyên được biết đến và khẳng định thêm giá trị của mình. Bên cạnh đó thì nguồn lợi thu được từ hoạt động du lịch cũng phải trích một phần cho địa phương để phục vụ vào các mục đích cộng đồng.

Về phía chính quyền và người dân bản địa không nên xem việc diễn ra hoạt động du lịch dựa trên tài nguyên của tộc người mình là cơ hội kiếm lợi và chạy theo lợi nhuận bằng mọi hình thức. Chỉ nên xem đó như một hoạt động nhằm giới thiệu, quảng bá văn hóa truyền thống của tộc người mình đến với đông đảo bè bạn từ đó bảo tồn và phát triển vốn văn hóa tốt đẹp mà cha ông mình đã để lại.

Du khách khi tiêu dùng sản phẩm du lịch đặc biệt này cũng cần phải có ý thức trong việc tôn trọng văn hóa của cư dân bản địa, không thể biến dạng “sản phẩm” đó theo ý mình, những nguyên tắc của cư dân bản địa cũng phải tuân thủ nghiêm ngặt. Tuy nhiên thì vấn đề giữ gìn môi trường luôn là vấn đề mà tất cả các bên liên quan đều phải có trách nhiệm thực hiện. Hạn chế đến mức thấp nhất những tiêu cực nảy sinh trong quá trình diễn ra hoạt động du lịch tại địa phương

tuy rất khó nhưng cũng không phải không làm được mà chỉ cần đòi hỏi sự nghiêm túc và hợp tác của các bên mà thôi.

3.3. Đề xuất một số giải pháp bảo tồn và khai thác Lễ ăn trâu phục vụ phát triển du lịch

3.3.1. Tăng cường công tác nghiên cứu

Nghi lễ ăn trâu là một vốn quý của cộng đồng các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên nhưng hiện nay do nhiều nguyên nhân, nghi lễ này đã không còn hiện diện trong đời sống của đồng bào. Gần đây, với sự nỗ lực của các cấp ban ngành chính quyền và đặc biệt là của ngành văn hóa, nhiều lễ ăn trâu của người Ba nar, người K'ho, người B'râu, người Gia Rai... đã lần lượt được tổ chức lại. Tuy nhiên, do được tổ chức do sự chỉ đạo của chính quyền bên trên nên nhiều nghi lễ đã không được thực hiện đúng theo trình tự cổ truyền. Do đó, để bảo tồn và phát triển một trong những di sản văn hóa quý giá của Tây Nguyên, công tác tổ chức nghiên cứu về Tây Nguyên nói chung và nghi lễ ăn trâu nói riêng đang ngày càng trở nên cấp bách. Hiện nay và về lâu dài cần:

Thứ nhất: Tập hợp các nghiên cứu của các nhà khoa học, các tổ chức trong nước đã có từ trước đến nay, trong đó rất cần chú ý đến một số nghiên cứu có giá trị và khá nghiêm túc của các tác giả miền Nam trong các thời kỳ (như các nghiên cứu của Toan Ánh, Nghiêm Thẩm...).

Thứ hai: Tổ chức dịch các công trình nghiên cứu của người Pháp về Tây Nguyên. Cho đến nay, những nghiên cứu tốt nhất, cơ bản, tương đối toàn diện, đồng thời chuyên biệt, chi tiết, sâu sắc nhất về Tây Nguyên là của các tác giả Pháp, bao gồm từ các nhà thám hiểm đầu tiên, đến các nhà truyền giáo, các nhà cai trị và các nhà khoa học. Các công trình này hoặc đã được in thành sách, hoặc còn nằm rải rác trong các tạp chí khoa học (như tạp chí BEFEO của Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp - đã được đưa lên mạng...). Cần có một tổ chức chuyên tập hợp và chăm lo việc biên dịch thành một tủ sách chuyên đề về Tây Nguyên, có thể đặt chẳng hạn tại một Trung tâm nghiên cứu ở một trường Đại học thuộc khu

vực Miền Trung hay Tây Nguyên (có thể nên là ở Miền Trung vì nghiên cứu Tây Nguyên không thể tách khỏi nghiên cứu liên quan đến vùng duyên hải).

Thứ ba: Cần có một tổ chức nghiên cứu toàn diện và cơ bản song song với nghiên cứu những vấn đề cụ thể, cấp thời về Tây Nguyên, có thể thành lập một Viện Nghiên cứu Tây Nguyên thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam. Viện này sẽ là trung tâm nối liền các tổ chức nghiên cứu đã nói ở điều thứ nhất và thứ hai.

Thứ tư: Cần có ngay một bộ phận tư vấn khoa học bên cạnh Ban Chỉ đạo Tây Nguyên hiện nay, gồm các chuyên gia về Tây Nguyên, đặc biệt các chuyên gia là người tộc người bản địa.

Thứ năm, Nhà nước cần sớm ban hành Luật di sản văn hóa dân tộc, tạo điều kiện cho đồng bào có ý thức gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống của tộc người mình. Trên cơ sở đó, nhanh chóng và kịp thời sưu tầm, phục hồi lại các nghi lễ - lễ hội truyền thống; chọn các lễ hội tiêu biểu của cộng đồng như lễ hội Tăm nghệ (ăn trâu - mừng được mùa), lễ rước hồn lúa, lễ cúng bến nước, lễ kết nghĩa anh em... làm các lễ hội truyền thống hàng năm của các buôn làng. Đương nhiên, cần tổ chức và hướng dẫn các nghi lễ - lễ hội một cách đúng đắn, lành mạnh, nhằm giúp đồng bào hướng về cộng đồng và văn hóa truyền thống của tộc người mình.

Một việc quan trọng cần phải làm ngay là phải đưa lễ ăn trâu (đâm trâu) vào các sách và tiến hành xuất bản lần lượt các tác phẩm văn hóa, nghệ thuật dân gian Tây Nguyên, nhất là nghi lễ - lễ hội, phong tục tập quán..., và nên in bằng hai thứ tiếng: tiếng Việt và tiếng thứ hai là ngôn ngữ của các tộc người ở Tây Nguyên – chủ nhân của di sản văn hóa đó. Ngoài ra cũng cần khuyến khích các công trình nghiên cứu chuyên sâu về nghi lễ truyền thống Tây Nguyên nói riêng và văn hóa truyền thống Tây Nguyên nói chung; trên cơ sở đó cần lựa chọn, tập hợp một cách đầy đủ và **thống nhất** các tài liệu nói về nghi lễ này sử dụng cho mục đích tìm hiểu và nghiên cứu lâu dài.

Tóm lại, đối với Tây Nguyên, cần một sự hiểu biết và một tình yêu đầy sự tôn trọng thật sự, một sự tôn kính chân thành và đầy ưu tư đối với một vùng đất

và một vùng văn hóa vào loại độc đáo nhất còn lại trên đất nước ta và trên thế giới ngày nay.

3.3.2. Mở rộng không gian khai thác

Để lễ ăn trâu có thể đến được với nhiều người hơn và ngày càng có thêm nhiều du khách được tận mắt chiêm ngưỡng một lễ ăn trâu đích thực của đồng bào Tây Nguyên thì việc mở rộng không gian khai thác ngay tại Tây Nguyên là một giải pháp có tính thuyết phục. Bởi ở Tây Nguyên có nhiều tộc người cùng cư trú sinh sống, rất nhiều tộc người trong số đó đều có nghi lễ ăn trâu. Do đó, chúng ta không thể lựa chọn phương án là chọn ra một tộc người tiêu biểu có thể là Bana, K'ho hay B'râu để tổ chức lễ ăn trâu “làm mẫu” khai thác cho du lịch được - điều đó là hoàn toàn không nên. Trong chu kỳ sản xuất của người Tây Nguyên luôn có các nghi lễ, lễ hội được tổ chức khép kín khoảng thời gian trong năm, trong đó lễ ăn trâu được tổ chức tập trung trong 4 tháng cuối và đầu năm (từ tháng 12 - tháng 3 âm lịch). Điều đó đồng nghĩa với việc việc tổ chức nghi lễ này không bị bó hẹp trong một tộc người, tại một thời điểm nhất định mà mở rộng và trải dài tại rất nhiều buôn làng Tây Nguyên. Tại các lễ hội như: Lễ cơm mới của người Bana, lễ cúng đất làng, lễ cúng lúa của người M'ông, lễ cúng rừng của người Stiêng, lễ bỏ mả, lễ cúng bến nước..., trong phần nghi lễ đều có thể tổ chức lễ ăn trâu (đâm trâu) bởi vì phần lễ của các lễ hội này đều nhằm bày tỏ tấm lòng biết ơn của buôn làng với Yang, với thần linh và đều có vật hiến tế. Cho nên việc có thể khuyến khích bà con ở Tây Nguyên tổ chức lễ ăn trâu (đâm trâu) trong khuôn khổ các lễ hội này là hoàn toàn có thể thực hiện được. Giải pháp đưa ra là các cơ quan quản lý văn hóa cần đầu tư kinh phí thích hợp trong việc khai thác, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống nói chung và lễ ăn trâu (đâm trâu) nói riêng, khuyến khích đưa lễ ăn trâu (đâm trâu) như một nghi lễ truyền thống hàng năm tại các buôn làng. Đương nhiên trong quá trình tổ chức nghi lễ này thì phải có sự hướng dẫn cụ thể, chi tiết của các già làng hay những người am hiểu văn hóa truyền thống của buôn làng nhằm hướng đồng bào

vào những giá trị đích thực của nghi lễ như nó vốn có chứ tuyệt đối cán bộ văn hóa không làm thay, can thiệp quá nhiều vào việc tổ chức làm biến dạng nghi lễ.

Ngoài ra, phải nỗ lực trong công tác tuyên truyền, vận động bà con trong các buôn làng tích cực tham gia bảo vệ, giữ gìn và phát huy văn hóa dân tộc. Trong đời sống hiện đại có thể họ sẽ không có nhu cầu đâm trâu để tạ ơn Yang nữa nhưng cái cội nguồn linh thiêng và ý nghĩa nhân văn của nghi lễ thì vẫn còn và phải ra sức mà giữ lấy bởi sẽ có hiệu quả rất cao nếu bà con hiểu và thực hiện. Nhà nước cũng có thể hỗ trợ thêm cộng đồng địa phương phần kinh phí để mua trâu, nuôi trâu hay tổ chức nghi lễ.

Việc đưa lễ ăn trâu (đâm trâu) ra sân khấu lớn là một việc làm không nên. Festival là lễ hội du lịch hiện đại mà thông qua nó rất nhiều các tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn có cơ hội được quảng bá rộng rãi, thu được nhiều hiệu quả cao. Ở Việt Nam cũng thường tổ chức thành công các Festival lớn như Festival Huế, Festival trái cây Nam Bộ, Festival cồng chiêng Tây Nguyên... nhưng không phải bất kỳ một tài nguyên nào cũng có thể tùy tiện đưa vào Festival để quảng bá được. Lễ ăn trâu (đâm trâu) là một điển hình cho loại tài nguyên đó. Cái quan trọng của nghi lễ này là tính thiêng nhưng nếu bị “sân khấu hóa” thì tính thiêng không còn nữa hay tương tự với việc lễ ăn trâu chỉ còn cái xác chứ không có hồn. Tuy nhiên, có thể thông qua “Ngày hội văn hóa các dân tộc” ở Tây Nguyên để đưa lễ ăn trâu (đâm trâu) vào tổ chức. Nhưng không phải tổ chức thế nào cũng được mà phải tuyệt đối tôn trọng và tiến hành theo nghi lễ truyền thống, đề cao vai trò của già làng và người dân bản địa - họ phải là những chủ thể chính trong quá trình tổ chức nghi lễ chứ không thể giao cho một đoàn nghệ nhân quen biểu diễn nghệ thuật diễn. Những “ngày hội văn hóa” đó không cần phải đưa ra ánh đèn sân khấu mà phải được tổ chức trực tiếp tại buôn làng của đồng bào, ngay trước sân nhà Rông, giữa núi rừng đại ngàn - cái vốn được coi là không gian linh thiêng không thể tách rời với văn hóa bản địa. Lãnh đạo các địa phương nên bàn bạc thống nhất với ngành văn hóa, chọn một ngày truyền thống của cư dân bản địa, gắn với các ngày lễ trong dương lịch hoặc âm

lich, hoặc ngày thành lập cơ sở để tổ chức “ Ngày hội văn hóa các dân tộc” định kỳ của chính địa phương mình, vừa tăng cường giao lưu văn hóa vùng miền, vừa củng cố mỗi đại đoàn kết toàn dân.

Khách du lịch khi đến với “ngày hội văn hóa” này luôn phải được đảm bảo quyền lợi về việc tìm hiểu giá trị nghi lễ mà họ đang được chứng kiến tận mắt. Hướng dẫn viên du lịch tốt nhất nên là người bản địa sẽ thuận lợi hơn rất nhiều trong việc thuyết minh cho du khách về nội dung, giá trị của nghi lễ. Nếu hướng dẫn viên là người Kinh thì đó phải là người am hiểu rất sâu sắc về văn hóa, tập quán, tín ngưỡng của đồng bào Tây Nguyên thì việc thuyết minh mới đạt hiệu quả được. Tại những ngày hội như thế này, các phương tiện truyền thông cũng có thể tham gia để quảng bá, giới thiệu cho nghi lễ của đồng bào được sâu rộng du khách trong và ngoài nước biết đến bằng cách ghi hình trực tiếp. Tuy nhiên, sự can thiệp của các nhà quay phim chỉ giới hạn trong nghề nghiệp của họ thôi chứ không nên can thiệp vào nội dung của nghi lễ. Vai trò của các nhà quay phim hay báo chí chỉ nên dừng lại một cách khách quan giống như một yếu tố bên ngoài quan sát và phản ánh truyền tải nội dung thì sẽ tránh được những tiêu cực không đáng có.

3.2.3. Xây dựng các chương trình du lịch về Tây Nguyên kết nối với Lễ ăn trâu

Hiện nay, Lễ ăn trâu (đâm trâu) cũng đã được sử dụng vào khai thác trong du lịch nhưng hầu hết là khai thác một cách bừa bãi và không thu được nhiều hiệu quả cao trong việc phát triển du lịch và bảo tồn văn hóa truyền thống địa phương. Nguyên nhân thường thấy là các nhà kinh doanh du lịch chưa chú ý đến tính mùa vụ, tính cấp thiết phải bảo tồn của nghi lễ mà chỉ quan tâm đến lợi ích trước mắt của mình.

Cũng như các lễ hội miền Bắc nước ta, lễ ăn trâu (đâm trâu) cũng được tổ chức theo mùa, theo thời gian cụ thể cho nên chương trình du lịch sử dụng nguồn tài nguyên là nghi lễ này cũng có tính mùa vụ rõ rệt và chỉ được tổ chức vào khoảng thời gian từ tháng 12 đến tháng 3 âm lịch (năm sau) vì tại thời điểm đó chính là mùa ăn trâu của đồng bào. Các nhà kinh doanh du lịch luôn muốn

hạn chế tính mùa vụ trong du lịch nhưng với sản phẩm đặc trưng là các lễ hội thì tính mùa vụ là điều không thể tránh khỏi được.

Khi các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và chính quyền, người dân địa phương bắt tay thực hiện việc phát triển du lịch bền vững trên địa phương mình thì việc triển khai kế hoạch khai thác phát triển du lịch phải gấp rút. Loại hình du lịch có thể áp dụng được là du lịch lễ hội và du lịch sinh thái. Đối tượng khách mà cả hai loại hình du lịch này hướng tới là không bị hạn chế về độ tuổi và trình độ. Đặc biệt các đối tượng là học sinh, sinh viên, thanh niên luôn được khuyến khích tham gia vì đây là đối tượng có khả năng nhận thức nhanh nhạy, là đối tượng cần phải có vốn hiểu biết về văn hoá truyền thống thì mới làm tốt nhiệm vụ kế thừa và phát huy vốn văn hóa truyền thống đó.

Do đó, các công ty du lịch cần nắm chắc thông tin về thời gian và địa điểm khi nào và ở nơi nào trên mảnh đất Tây Nguyên bà con sẽ tổ chức nghi lễ ăn trâu để có thể xây dựng các chương trình du lịch đưa khách về tham dự. Du khách khi tham gia vào tour du lịch này không chỉ đơn thuần là chỉ đứng ngoài thưởng thức mà có thể tham gia vào nghi lễ cùng với đồng bào. Lúc diễn ra nghi lễ thì cùng trai gái múa xoang, sau khi đâm trâu xong thì cùng buôn làng ăn thịt trâu, uống rượu cần, cùng tham gia vào các hoạt động diễn xướng dân gian như hát đố, hát khan... Tuy nhiên, du khách chỉ có thể tham gia vào phần nhỏ của nghi lễ chứ không có quyền can thiệp vào nội dung của nghi lễ. Việc tổ chức nghi lễ cũng không phải là diễn kịch cho du khách xem mà tất cả phải được thực hiện một cách đầy đủ và không bỏ sót bất cứ nghi thức quan trọng nào của buổi lễ. Tây Nguyên nổi tiếng với các lễ hội diễn ra từ ngày này sang ngày khác cho nên mùa lễ hội ở Tây Nguyên người ta gọi là mùa “ăn năm uống tháng”. Do vậy cho nên ta có thể kết hợp các nghi lễ, lễ hội tại Tây Nguyên thành một vòng tròn và tổ chức các tour du lịch theo vòng tròn khép kín đó. Sự móc nối và đan cài giữa những lễ hội đó có thể tạo thành một chương trình du lịch lễ hội hấp dẫn không chỉ du khách trong nước mà cả du khách quốc tế nữa.

Không chỉ có vậy, để tạo điều kiện cho du khách có những trải nghiệm đầy đủ về văn hóa, vùng đất và con người Tây Nguyên, cũng như để tăng cường tính hấp dẫn của các tour du lịch về với Tây Nguyên, các công ty du lịch cần đưa chương trình tham dự nghi lễ ăn trâu vào trong nội dung của một tour du lịch hoàn chỉnh có kết nối với các điểm tham quan du lịch khác trên địa bàn Tây Nguyên. Lâu nay thì việc phát triển du lịch ở Tây Nguyên hầu như là tự phát mà không có sự liên kết nào. Thực tế đã cho thấy nếu các điểm du lịch tại đây mà liên kết với nhau thì hiệu quả đạt được là rất lớn. Thay vì từng điểm đến rời rạc ta có thể liên kết chúng lại thành một chuỗi các điểm đến theo các chủ đề nhất định theo nhu cầu của từng đối tượng du khách. Có thể sắp xếp các điểm đến theo một chủ đề trung tâm như là chủ đề lễ hội chẳng hạn. Các điểm đến của chủ đề này phải có tài nguyên đáp ứng theo chủ đề đó như Lễ ăn trâu, lễ bỏ mả, lễ cúng bến nước... Hoặc có thể đan xen lẫn nhau như du lịch văn hóa kết hợp với du lịch sinh thái như kết hợp tham quan hồ Lắk, đi bộ trong rừng nguyên sinh với việc tham dự lễ ăn trâu... Tùy từng doanh nghiệp mà có cách kết hợp khác nhau và phù hợp hơn trong quá trình khai thác. Việc liên kết với các tuyến điểm du lịch trên địa bàn Tây Nguyên là cần thiết và nên tiến hành ngay, nó sẽ làm cho sản phẩm tạo ra bớt đi sự đơn điệu và nhàm chán đối với người tiêu dùng. Có thể chính từ việc làm này mà sức hấp dẫn của vùng lại tăng cao, gây ra sự thích thú và phản ứng tích cực trong du khách.

Nhận thức được tiềm năng phát triển du lịch mạnh mẽ của Tây Nguyên, nên từ năm 2005, Tổng cục du lịch Việt Nam đã kết hợp với các tỉnh Tây Nguyên và nhiều công ty lữ hành tiến hành khảo sát tài nguyên du lịch Tây Nguyên và các điểm đến hấp dẫn ở Tây Nguyên nhằm xây dựng nên một thương hiệu du lịch riêng cho Tây Nguyên mang tên đề án “Con đường xanh Tây Nguyên”. “Con đường xanh Tây Nguyên” là chương trình đặc thù, nối liền các điểm du lịch nổi tiếng của năm tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Cơ sở để hình thành và phát triển của chương trình là những giá trị

sinh thái đa dạng và đặc trưng của các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên rộng lớn và hệ thống cảnh quan đồi, núi, thác, ghềnh, sông, suối, hồ nước tuyệt đẹp còn giữ được dáng vẻ nguyên sơ cùng các vườn cây ăn quả, vườn hoa, vườn cà-phê, điều, hồ tiêu, rừng cao-su bạt ngàn trên các triền đồi và bình nguyên bao la của Tây Nguyên. Sức lôi cuốn còn thể hiện ở các giá trị văn hóa dân tộc đặc sắc như phong tục tập quán, trang phục, kiến trúc nhà cửa, các loại hình nghệ thuật truyền thống, trường ca, sử thi và những lễ hội dân gian đầy sinh động trong cộng đồng dân cư tại các buôn, làng trên cao nguyên. Các điểm dừng chân của chương trình du lịch kỳ thú này có thể được hình dung như sau:

Nếu khám phá “Con đường xanh Tây Nguyên” với điểm khởi đầu là thành phố Đà Nẵng thì du khách sẽ được đi trên "đường Hồ Chí Minh" mới mở giữa xanh thẳm núi rừng.

Tại Kon Tum, du khách sẽ được giới thiệu tham quan những khu rừng nguyên sinh hùng vĩ ở Tây Nguyên, đó là các khu rừng đặc dụng Chư Mô Ray, Sa Thầy. Ở Kon Tum du khách cũng có cơ hội tìm hiểu những nét văn hóa truyền thống của người Ba Nar, Xơ Đăng... đặc biệt là Lễ đâm trâu của người Ba Nar. Ngoài ra, du khách còn có thể ghé thăm một di tích lịch sử rất nổi tiếng trong thời kỳ chống Pháp và Mỹ là ngục Kon Tum và thăm lại các chiến trường xưa như Đắc Tô-Tân Cảnh và đặc biệt là đồi Charlie nổi tiếng qua bộ phim Đồi Thịt Băm.

Tại Gia Lai, du khách được ngắm nhìn Hồ Ya Ly mênh mông giữa núi rừng Tây Nguyên và biển Hồ T'Nung - một trong những hồ nước ngọt tự nhiên lớn ở Việt Nam.

"Con đường xanh Tây Nguyên" đến với Đăk Lăk qua đường 681 với điểm dừng chân đầu tiên là Hồ Ea Súp Thượng - công trình thủy lợi lớn thứ nhì Tây Nguyên, tháp chàm Yang Prong tháp chàm duy nhất trên Tây Nguyên. Điểm tiếp theo là trung tâm du lịch văn hóa - sinh thái Buôn Đôn, nơi được xem là quê

huong của nghề thuần dưỡng voi rừng châu Á. Ở Buôn Ma Thuật du khách sẽ được giới thiệu rất nhiều về văn hóa cà phê ở ngay chính xứ sở được xem như một trong những thủ phủ cà phê của thế giới và cũng là Trung tâm kinh tế- chính trị - văn hóa của khu vực Tây Nguyên với những di tích lịch sử như Đình Lạc Giao, Chùa Khải Đoan, Biệt điện Bảo Đại...

Để đến với Đà Lạt - Lâm Đồng du khách có thể chọn 2 con đường. Một là, sẽ được làm “vua” một lần ở khu biệt điện Bảo Đại trên đỉnh một quả đồi ven Hồ Lắk- hồ nước ngọt tự nhiên lớn nhất Việt Nam; hoặc tham dự lễ hội công chiêng của người M'ông trong men rượu cần ngây ngất; nếu vào đúng dịp bà con M'ông tổ chức lễ ăn trâu thì đó chính là một cơ hội tuyệt vời để du khách được tham dự vào nghi lễ độc đáo này. Hai là, đi Đăk Nông với các điểm dừng chân như thác Gia Long, thác Dray Sáp, thác Dray Nu - những ngọn thác nước đẹp nhất Tây Nguyên trên dòng Serepôk hùng vĩ - ranh giới hai tỉnh Đăk Lắk và Đăk Nông. Qua Đăk Nông bằng Quốc lộ 28, du khách sẽ đến với Đà Lạt - thành phố của ngàn hoa với những điểm tham quan hấp dẫn như thung lũng Tình Yêu , hồ Xuân Hương, Đồi thông hai mộ và Con đường xanh Tây Nguyên cũng được kết thúc ở chính thành phố mộng mơ này.

Kể từ sau chuyến khảo sát lần đầu tiên vào năm 2005 của Tổng cục du lịch, đã có một số công ty lữ hành mạnh dạn đưa chương trình này vào chào bán và khai thác như SaigonTourist, Ha Noi Tourist, Viet Travel, công ty du lịch Lửa Việt... Tuy nhiên, tùy theo nơi xuất phát là Hà Nội, Đà Nẵng hay thành phố Hồ Chí Minh, cũng như quỹ thời gian và nhu cầu của du khách mà các công ty này chỉ lựa chọn những điểm đến tiêu biểu và thường chỉ kết nối tour trên địa bàn từ 2 - 3 tỉnh Tây Nguyên. Mặt khác, do lễ ăn trâu mang tính mùa vụ rất cao, và không phải khi nào cũng được tổ chức nên hầu hết du khách đến với chương trình du lịch này đều chưa có cơ hội tận mắt chứng kiến, tham gia và khám phá mặc dù nghi lễ ăn trâu của người Ba Nà, của người M'ông đã được chú trọng đưa vào nội dung của chương trình. Du khách tham dự Festival công chiêng

quốc tế 2009 có may mắn hơn khi được xem lễ đâm trâu của người Ba Nar trong khuôn khổ của Festival nhưng lại sớm bị thất vọng vì đó chỉ là một màn trình diễn giả vờ. Tuy nhiên, với cuộc khảo sát gần đây nhất vào tháng 5/2010 của Tổng cục du lịch Việt Nam, lần này có thêm sự tham gia của nhiều doanh nghiệp lữ hành quốc tế, đã cho thấy một tín hiệu rất khả quan: trong tương lai gần, đề án “Con đường xanh Tây Nguyên” sẽ sớm được hoàn thiện và đưa vào khai thác bởi trong chương trình của mình, Tổng cục Du lịch chủ trương hỗ trợ cho các điểm văn hóa của đồng bào Tây Nguyên, nhằm đưa các hoạt động văn hóa truyền thống đó trở thành sản phẩm du lịch. Chẳng hạn như, trong năm 2010, Tổng cục Du lịch đã hỗ trợ trực tiếp cho hai bản, De K’tu của Gia Lai và Buôn Đôn của Đắk Lắk để thành lập các đội văn hóa dân tộc, trang bị cho họ các nhạc cụ cần thiết như cồng chiêng, đàn, sáo...và trang phục, đồng thời hỗ trợ kinh phí để huấn luyện và đào tạo lại các làn điệu múa hát cổ truyền. Mỗi năm, Tổng cục Du lịch sẽ hỗ trợ từ 2 đến 3 bản làng như vậy. Hy vọng, trong 5 năm, Tây Nguyên sẽ có 10 điểm văn hóa đặc trưng cho đồng bào các dân tộc phục vụ cho du khách [48]. Và cũng hy vọng rằng với sự quan tâm của Tổng cục du lịch cũng như sự hỗ trợ liên kết từ các doanh nghiệp lữ hành, trong tương lai không xa, khi du khách đến Tây Nguyên vào dịp tháng 12 đến tháng 3 âm lịch hàng năm, sẽ có cơ hội được thưởng thức các Lễ ăn trâu trải dài trên các buôn làng của Tây Nguyên đúng như ý nghĩa, tên gọi và nghi lễ nguyên bản của nó: là các lễ ăn trâu được tổ chức vào các dịp trọng đại của buôn làng như mừng lúa mới, lễ cúng rừng, cúng bến nước, cúng bỏ mả, lễ mừng chiến thắng...

Trên cơ sở đề án Con đường xanh Tây Nguyên trở thành hiện thực và vào đúng dịp tổ chức lễ ăn trâu của đồng bào Tây Nguyên, sau đây người viết xin đề xuất hai chương trình du lịch tham khảo với những điểm đến chính như sau:

CHƯƠNG TRÌNH 1: ĐẮK NÔNG - BUÔN MA THUỘT - ĐẮK LẮK

Ngày 01:: Du khách tham quan thác D'ray Sap - Thị xã Gia Nghĩa - thủ phủ của tỉnh Đắk Nông, sau đó tham quan thành phố Buôn Ma Thuột. Nghỉ đêm tại Buôn Ma Thuột.

Ngày 02: Khởi hành đi Khu du lịch hồ Lak - Đắk Lắk. Du khách tham dự lễ ăn trâu của người dân tộc M'Nông. Nghỉ đêm tại Khu du lịch hồ Lak.

Ngày 03: Khởi hành đi Buôn Đôn - Đắk Lắk. Đến Buôn Đôn tham quan nhà Sàn gỗ 100 năm tuổi, khu nhà Mò của người dân tộc Êđê, viếng mộ vua Voi và nghe kể chuyện về vua Voi, cầu treo trên sông Sérépok dài 250m. Kết thúc chuyến tham quan.

CHƯƠNG TRÌNH 2: TOUR TÂY NGUYÊN HUYỀN THOẠI

Ngày 1: Kontum: rừng đặc dụng Chư mô ray; Lễ ăn trâu mừng cơm mới của người Banar hoặc Xơ đăng.

Ngày 2: Gia Lai: Hồ T'nung, Công trình thủy điện Yaly

Ngày 3: Đắk Lắk: tháp Chàm Yang Prong, Buôn Đôn

Ngày 4 và 5: Lâm Đồng: lễ hội cồng chiêng của người M'nông; Tp Đà Lạt: thung lũng tình yêu, Hồ Than thở, Biệt thự Bảo Đại...

Tóm lại, các tỉnh Tây Nguyên của Việt Nam có tiềm năng du lịch rất phong phú, không chỉ nổi tiếng với cồng chiêng Tây Nguyên - di sản văn hóa phi vật thể, mà phong cảnh núi rừng và các điểm du lịch sinh thái trên Tây Nguyên cũng rất đẹp. Đó là lợi thế quan trọng để các tỉnh Tây nguyên và các công ty lữ hành có thể tổ chức được hàng loạt các tour khác nhau, dành cho nhiều đối tượng khách, kể cả khách nội địa và quốc tế, tập trung vào hai loại hình du lịch vốn là thế mạnh của Tây Nguyên là du lịch văn hóa và du lịch sinh thái. Song cần phải biến lợi thế đó thành hiện thực và trong quá trình phát triển

du lịch phải chú trọng phát triển theo hướng bền vững, đặc biệt phải quan tâm đến việc bảo tồn và giữ gìn những bản sắc văn hóa độc đáo, hoang sơ của vùng đất và con người Tây Nguyên, đặc biệt là những tài nguyên văn hóa có giá trị như nghi lễ ăn trâu (đâm trâu) của hầu hết các tộc người nơi đây.

Tiểu kết chương 3

Lễ ăn trâu (đâm trâu) được tạo ra vốn là dành cho con người bày tỏ với thần linh tấm lòng của mình và ước mơ khát vọng về một cuộc sống ấm no hạnh phúc trong tương lai. Trải qua thời gian, những điều tốt đẹp ấy và ngay cả bản thân nghi lễ đang dần bị mất đi trước mắt chúng ta từng ngày từng giờ một. Nếu không có những phương án bảo tồn hợp lý và nhanh chóng thì không chỉ lễ ăn trâu mà lần lượt các lễ hội dân gian khác cũng sẽ mất hết và chẳng bao lâu nữa các thế hệ sau này sẽ được tiếp xúc với một kho văn hóa dân gian hoàn toàn trống rỗng.

Nghi lễ dân gian trả về với dân gian, văn hóa bản địa phải do người bản địa trực tiếp quản lý, kế thừa phát huy cũng như quyết định sự tồn vong của nó; không ai có quyền đưa ra những phán xét về sự tồn vong của nó được vì xóa bỏ một nghi lễ tốt đẹp như thế chính là xóa bỏ một phần trong văn hóa truyền thống của người Tây Nguyên.

Việc đưa lễ ăn trâu vào khai thác trong du lịch theo mô hình của du lịch bền vững cũng là một cách vừa nâng cao giá trị của nó vừa trợ giúp đắc lực trong công tác bảo tồn này. Các nhà văn hóa đôi khi phản đối việc đưa nghi lễ này vào kinh doanh du lịch nhưng đó là do họ mới chỉ nhìn thấy những thực trạng không tốt từ việc kinh doanh không đúng cách và mặt trái của du lịch mà thôi. Khi những đề xuất đúng đắn được áp dụng thì hiệu quả của nó có lẽ sẽ đa dạng hơn rất nhiều so với những mong đợi ban đầu.

KẾT LUẬN

Tây Nguyên là mảnh đất cao nguyên miền Trung Việt Nam luôn nổi bật với rất nhiều nét thú vị và độc đáo: địa hình cao nguyên làm cho mảnh đất này hùng vĩ và trở nên bí hiểm với những cánh rừng xanh đại ngàn trải dài tít tắp; hơn hai mươi tộc người cư trú là hơn hai mươi sắc màu văn hóa đa dạng; người ta còn bắt gặp trong văn hóa Tây Nguyên cái hoang sơ của núi rừng, chất hào hùng của sử thi và sự quyến rũ của men rượu cần nhưng tất cả cũng mang đầy tính văn hóa. Cùng với quá trình cư trú, sinh tồn của người bản địa mà tín ngưỡng tâm linh của họ cũng ra đời. Tín ngưỡng đa thần của người Tây Nguyên thể hiện chủ yếu qua các nghi lễ truyền thống khép kín chu kỳ sản xuất và vòng đời người. Lễ ăn trâu (đâm trâu) ở Tây Nguyên là một nghi lễ đặc biệt trong hệ thống các nghi lễ của tín ngưỡng đa thần đó. Nó không chỉ đơn thuần là một nghi lễ cúng Yang mà mang trong mình những giá trị vô cùng sâu sắc. Nó tồn tại cùng đồng bào qua hết mùa rẫy này sang mùa rẫy khác, mang theo khát vọng về một cuộc sống no đủ, hạnh phúc. Nghệ thuật diễn xướng tâm linh, những giá trị về văn hóa và nghệ thuật cũng được “chuyên chở” thông qua nghi lễ này.

Qua thời gian với những đổi thay của cuộc sống mới, cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật đời sống của con người được nâng cao, dần dần không còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên nữa nên nghi lễ tốt đẹp này đang dần bị lãng quên và mờ nhạt đi trong đời sống của đồng bào nơi đây. Thực trạng đó cũng là thực trạng mà rất nhiều nghi lễ dân gian đang gặp phải. Hơi khác so với các lễ hội ở miền Bắc hầu như được phục dựng thường niên thì ở Tây Nguyên những nghi lễ này rất hiếm khi được tổ chức lại, và nếu có tổ chức thì cũng theo một cách thức khác, dưới sự chỉ đạo của các cấp ban ngành chính quyền chứ không theo các nghi thức cổ truyền và ước vọng của người dân địa phương.

Tuy nhiên, trên tất cả, Lễ ăn trâu hiện nay đang có dấu hiệu khởi sắc, do đó việc nghiên cứu tổng thể về nghi lễ này để từ đó đưa ra những đề xuất bảo tồn và khai thác phù hợp là một việc làm cần thiết. Qua đề tài này người viết đã

đi sâu tìm hiểu, phân tích và phần nào đã tìm ra được những nét khác biệt trong việc tổ chức nghi lễ ở mỗi tộc người. Những nét khác biệt đó đôi khi là nhỏ nhưng lại mang theo quan niệm và triết lý sống của tộc người đó từ bao đời. Bên cạnh đó từ thực trạng tiêu cực của nghi lễ này hiện nay người viết cũng đưa ra các nguyên nhân chủ yếu và đề xuất các giải pháp để bảo tồn, phát huy nghi lễ và phát triển du lịch. Những giải pháp đó đều là những ý kiến chủ quan của người viết từ những thực trạng đã tìm hiểu được kết hợp với việc tham khảo ý kiến của các nhà nghiên cứu văn hóa đi trước. Vì thời gian ngắn và nguồn tài liệu có được là không nhiều nên đề tài không thể tránh khỏi những sơ sót. Song, thông qua đề tài này người viết mong muốn đóng góp một phần công sức nhỏ bé trong việc bảo tồn gìn giữ một nghi lễ dân gian với bao giá trị truyền thống quý báu trên mảnh đất hùng vĩ mà huyền bí của đại ngàn Tây Nguyên./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Sách, báo và tạp chí

1. Tạp chí Cộng sản số 7. trang 50-54. 2006. NXB Chính Trị Quốc Gia.
2. Tạp chí Khoa Học Xã Hội Việt Nam số 3. trang 87-94. 2006. NXB Khoa học xã hội.
3. Ngô Văn Doanh. 1995. Lễ hội bỏ mả (Pothi) các dân tộc Bắc Tây Nguyên: Dân tộc Giarai - Bana. NXB Văn hoá dân tộc.
4. Nguyễn Hồng Hà. 2007. Bảo tồn và phát triển buôn làng truyền thống của các dân tộc trong quá trình đô thị hóa ở Tây Nguyên. NXB Văn hóa thông tin.
5. Nguyễn Văn Nam. 2004. Hồ Tấn Sáng. Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa Tây Nguyên. NXB Văn hóa dân tộc.
6. Vũ Thị Thanh Hương. 2009. Nghiên cứu khai thác các giá trị văn hóa dân gian Đồ Sơn phục vụ phát triển du lịch. Đề tài NCKH. Trường ĐH Dân lập Hải Phòng.
7. Ngô Đức Thịnh. 2005. Bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống các tộc người ở Tây Nguyên. NXB Khoa học xã hội.
8. Lê Trung Vũ. 1996. Lễ hội dân gian Êđê. NXB Văn hoá dân tộc.
9. Trần Quốc Vượng. 2003. Con trâu trong văn hóa Việt Nam. Trích trong cuốn Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm. NXB Văn học.

II. Website:

10. linhnganiekdam.vn/index.php/taynguyencuachungta/54-tngnhp/386-khai-niem-tay-nguyen
11. <http://cchhoidisan.com>
12. <http://lehoi.cinet.vn>
13. <http://baomoi.com>
14. <http://taynguyen24h.com>
15. <http://cch.hoidisan.vn/index.php/2010/12/dung-nhin-nghi-le-rom-ma-phan-xet/>

16. <http://linhnganiekdam.vn/index.php/vh-dg-tay-nguyen/53-vh-dg-tay-nguyen/144-ngh-thut-din-xng-tay-nguyen>
17. <http://linhnganiekdam.vn/index.php/vh-dg-tay-nguyen/53-vh-dg-tay-nguyen/222-tc-n-trau-tay-nguyen>
18. <http://baodulich.com/index.php?do=news&act=detail&id=1027>
19. <http://kto.vn/tintuc/index.php?cmd=act:news|newsid:193>
20. http://www.hanoitv.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=793:l-hi-trau-c-ao-vit-nam&catid=66:vn-hoa&Itemid=98
21. <http://vannghedangian.org.vn>
22. <http://kto.vn/tintuc/?cmd=act:news%7Cnewsid:190>
23. <http://linhnganiekdam.vn/index.php/taynguyencuachungta>
24. www.mientrung.com/content/view/1522/128/
25. <http://lehoi.cinet.vn/Pages/ArticleDetail.aspx?siteid=1&sitepageid=310&articleid=1405>
26. www.vannghedanang.org.vn/assets/tapchivndg/Dam%20trau.doc
27. <http://www.dulichaz.com/thong-tin-du-lich/thong-tin-le-hoi/534-le-hoi-dam-trau-cua-nguoi-bana.html>
28. <http://khucquanhanh.vn/index.php/component/content/article/16-tu-lieu-lich-su-van-hoa/4-le-hoi-tam-nghet-cua-nguoi-mnong-dak-nong>
29. <http://cema.gov.vn/modules.php?name=Content&op=details&mid=11060>
30. <http://vietnamcayda.com/diendan/showthread.php?3563-L%E1%BB%85-h%E1%BB%99i-%C4%91%C3%A2m-tr%C3%A2u>
31. <http://vov.vn/Home/Net-van-hoa-trong-le-hoi-Dam-Trau-cua-nguoi-MNong/20091/103732.vov>
32. <http://www.vannghekontum.org/home/mua-an-trau.html>
33. <http://www.vcn.vnn.vn/PrintPreview.aspx?ID=11249>
34. <http://maivang.nld.com.vn/20091115124528786p0c1020/phuc-dung-le-dam-trau.htm>

35. http://viettems.com/index.php?option=com_content&view=article&id=1721:le-am-trau-mng-chien-thngvideo&catid=211:le-voi&Itemid=249
36. http://www.espc.vn/Ngay_hoi_van_hoa_the_thao_cac_dan_toc_tinh_Kon_Tum__news-be54a918-d96b-4fa4-804b-b9818ff8ff59.html
37. <http://4so9.com/showthread.php?2680-Luom-lat/page3>
38. <http://langvietonline.vn/54-Dan-Toc/119429/Van-hoa-truyen-thong-dan-toc-Brau.html>
39. <http://cch.hoidisan.vn/index.php/2010/12/truc-loi-nghi-le-la-xuc-pham-van-hoa/>
40. <http://www.baodulich.net.vn/printContent.aspx?ID=5272>
41. <http://vneconomy.vn/20090616103118663P0C19/se-loai-bo-dan-nhung-le-voi-khuyen-khich-bao-luc.htm>
42. <http://tailieu.vn/xem-tai-lieu/cac-khai-niem-ve-du-lich-ben-vung.25278.html>
43. <http://nguoixaque.net/239-401/co-huong/mai-am-hon-que/tin-nguong-da-than-va-phong-tuc-tap-quan-cua-nguoi-mnong-dak-lak.htm>
44. http://www.tin247.com/giet_thit_hon_200000_vat_nuoi_cho_mot_le_te-2-21518041.html
45. <http://vneconomy.vn/20090616103118663P0C19/se-loai-bo-dan-nhung-le-voi-khuyen-khich-bao-luc.htm>
46. <http://www.yoursingapore.com/content/traveller/vi/browse/whats-on/festivals-and-events/hari-raya-hajii.html>
47. <http://vn-today.com/thuvien/doc-truyen-tien-3-4650-trang-3>
48. http://sobaytravel.com/detail/news/38237/Ban_do_du_lich_Tay_Nguyen_di_em_them_nhieu_net_moi.html

PHỤ LỤC

I. Một số hình ảnh minh họa về trình tự nghi thức trong Lễ ăn trâu



1.Nghi thức dựng cây nêu



2.Nghi thức cột trâu



3.Nghi thức khóc trâu



4.Nghi thức đâm trâu



5. Giã làng khẩn thần linh khi trâu đã tắt thở



6. Đặt đầu trâu lên cây nêu để cúng thần linh



7. Múa xoang và biểu diễn công chiêng trong lễ ăn trâu (đâm trâu)

II. Một số hình ảnh về khai thác Lễ ăn trâu trong du lịch:



1. Phục dựng, mô phỏng, trình diễn nghi thức Lễ Ăn trâu (Đâm trâu) của người Banar tại Festival công chiêng quốc tế 2009



2. Nghi thức “đâm trâu vờ” tại Festival công chiêng quốc tế 2009